



ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ
CƠ QUAN PHỔ THÔNG GIÁO LÝ ĐẠI ĐẠO

Cao Đài Giáo Lý

XUÂN ĐÌNH DẬU 2017
138



NHÀ XUẤT BẢN
TÔN GIÁO

CAO ĐÀI
GIÁO LÝ

Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Xuân Đinh Dậu 2017 – 138

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư

Trình, quận 1, Tp. HCM

Nhà xuất bản Tôn Giáo – 2017

CAO ĐÀI GIÁO LÝ XUÂN ĐINH DẬU 2017 – 138

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

Nhà xuất bản Tôn Giáo

53 Tràng Thi, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

(04) 37 822 845 – fax: (04) 37 822 841

nhaxuatbantongiao@gmail.com

Chịu trách nhiệm xuất bản

Giám đốc – Tổng biên tập: Nguyễn Công Oánh

Biên tập: Lê Hồng Sơn

Trình bày & kỹ thuật: Lê Anh Huy

Sửa bản in: Diệu Nguyên

Đơn vị liên kết

Ông Đoàn Thiện Tâm

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo

171B Cống Quỳnh, phường Nguyễn Cư Trinh, quận 1, Tp. HCM

Số lượng in: 1500 bản, khổ 145 x 205 mm, tại xí nghiệp in Fahasa. 774 Trường Chinh, phường 15, quận Tân Bình, Tp. HCM. (08) 38 153 971 – fax: (08) 38 153 297. Số đăng ký xuất bản: 10-2017/CXBIPH/122-01/TG. Mã ISBN: 978-604-61-4434-2. Quyết định xuất bản số 07/QĐ-NXBTG, ngày 09/01/2017.

In xong và nộp lưu chiểu quý I năm 2017.

CAO ĐÀI GIÁO LÝ

Xuân Đinh Dậu 2017 – 138

Bài vở, thư từ, ngân phiếu, tài chánh chung
sức thực hiện xin gửi về

Giáo sĩ Huệ Ý, Đoàn Thiên Tâm

171B Cống Quỳnh

phường Nguyễn Cư Trinh

quận 1, Tp. HCM

0937 65 94 51

caodai2026@gmail.com

Tài khoản Sacombank, chi nhánh Sài Gòn

phòng giao dịch Cống Quỳnh

Số tài khoản 0601 0892 2845

Sách ấn tống

Không bán

mục lục

SUY NGẪM: MÙA XUÂN VÀ TUỔI TRẺ <i>Ban Biên Soạn.</i>	8
THÁNH GIÁO: CÓ ĐẠO, CÓ TÂM MỚI SUM HỢP ĐỒNG HƯỞNG KHÍ THÁI HÒA CÓ TÂM ĐẠO THÌ TÂM XUÂN MỚI PHÁT HIỆN	14 22
THÁNH GIÁO SONG NGŨ <i>Nhóm Dịch Thuật Văn Hóa Vụ.</i>	28
XU HƯỚNG HÀNH ĐẠO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG BỐI CẢNH TOÀN CẦU HÓA, HỘI NHẬP QUỐC TẾ <i>Thiện Chí.</i>	36
QUYỀN PHÁP ĐẠO VÀ QUYỀN PHÁP <i>Hồng Phúc.</i>	48
LÒNG TRUNG ĐẠI ĐẠO <i>Huệ Nhựt.</i>	70
NỘI TU VÀ NGOẠI TU <i>Lý Tâm Thiên.</i>	81
TÔN GIÁO ẤY CỬA VÀO TÌM ĐẠO <i>Quách Hiệp Long.</i>	102
HAI CÂU ĐỐI TIÊN VỀ GÀ VÀ HẠC <i>Tử La Lan.</i>	110
HẠO NHIÊN DIỄN CA <i>Thiện Chí trích lục.</i>	121
HẠT GIỐNG ĐẠO <i>Chí Thật.</i>	127
LƯỢC SỬ PHÁP CHÁNH TRUYỀN <i>Đạt Tường.</i>	138
CAO ĐÀI - BẢN THIẾT KẾ CỦA VŨ TRỤ VẠN VẬT <i>Mặc Tâm.</i>	149

NHỮNG MẪU CHUYỆN TỪ CƠ BÚT <i>Đạt Tường sưu tầm.</i>	156
NGƯỜI HIỀN VÀ NGƯỜI TU <i>Tử La Lan.</i>	161
NHỮNG CUỘC HỘI NGỘ TÌNH CỜ VÀ CẢM ĐỘNG <i>Cao Bạch Liên.</i>	173
NHỚ VỀ MỘT MÙA XUÂN CỦA TÍN HỮU CAO ĐÀI Ở MIỀN BẮC <i>Cao Bạch Liên.</i>	180
THƠ: XUÂN HY VỌNG <i>Huyền Nga.</i>	190
THƠ: DỨT NGHIỆP TRẦN <i>Lê Minh Nguyệt.</i>	191
VỌNG CỔ: HẠT GIỐNG CAO ĐÀI	192
VỌNG CỔ: KIẾP PHÙ SINH <i>Chí Thật.</i>	196
NĂM DẬU NÓI CHUYỆN GÀ <i>Diệu Thuận.</i>	200
DINH DƯỠNG: BÍ ĐỎ (BÍ RỢ) CHỨA NHIỀU CHẤT BỔ <i>Diệu Thuận trích báo.</i>	212
GIA CHÁNH: BÁNH PHỞ CHIÊN GIÒN <i>Bạch Tuyết.</i>	216
GIA CHÁNH: CÁCH LÀM MỨT GỪNG DẸO VỚI ĐU ĐỦ NGON TUYỆT <i>Thu Lan sưu tầm.</i>	218
THEO DÒNG ĐẠO SỰ <i>Thanh Hiến.</i>	220
TRUYỆN TRANH: (KỶ 5)	222
NGÀI NGÔ VĂN CHIÊU: MÔN ĐỆ ĐẦU TIÊN CỦA CAO ĐÀI <i>Lời: Bửu Long • Vẽ: Cọ Trắng.</i>	

suy ngẫm

Mùa xuân và tuổi trẻ

BAN BIÊN SOẠN

*“Chiếc gà cao giọng gáy, ngậy ngất kê vàng,
mảnh đất hữu tình bao kẻ giữ,
Cánh hạc vút từng mây, thần thơ danh lợi, kho
trời vô tận của mình riêng.”*

Đức Cao Triều Phát, Minh Lý Thánh Hội, 23/4 Kỳ
Dậu, 07/6/1969.

Nói về mùa Xuân, người ta thường liên hệ đến mùa khởi đầu của năm mới với thời tiết ôn hòa, hoa cỏ xinh tươi, người người hớn hởi. Xuân đến, thường xuân, vui xuân, ca nhạc xuân, ngâm những bài thơ xuân; rồi chúc xuân. Đó là muôn màu muôn vẻ đậm nhạt, trăm bông nhất thời của tình xuân.

Nhưng liên hệ đến đời người, tuổi trẻ là sức sống đang vươn lên, nên tuổi trẻ còn được gọi là “tuổi xuân”. Như tính chất của mùa xuân, tuổi trẻ đang mang lấy tiềm năng phát triển trong hiện tại và tương lai. Mỗi thế hệ, mỗi thời kỳ lịch sử, tuổi xuân luôn là niềm hy vọng về năng lực sinh tồn và thăng tiến của gia đình, đất nước dân tộc và nhân loại. Có điều là niên vận của đời người cũng giống như niên vận của một năm gồm xuân – hạ – thu – đông hay sinh – trưởng – thâu – tàng. Nên tuổi trẻ thanh niên sống giữa cuộc đời vẫn phải vượt qua những thử thách trui rèn để trưởng thành, mà sự trưởng thành thật sự là biết hướng về và đạt đến lý tưởng cao đẹp.

Bởi vậy, những nhà tư tưởng, triết gia, nhà giáo dục, bậc hướng đạo, từng trải nghiệm cuộc sống thuở thanh xuân chí đến lão thành, đã để lại biết bao nhận định hay cảnh báo về tuổi trẻ. Họ đã khẳng định giá trị sức sống thể chất và sức mạnh tinh thần của lớp thanh niên. Đồng thời họ luôn nhắc nhở đối tượng con em và nhắc nhở hàng ngũ cha anh phải có trách nhiệm phát huy những giá trị và sức mạnh ấy sao cho bản thân hoàn thiện, ích nước lợi dân.

Đức Khổng Tử viết: “Tìm hiểu quá khứ để xác định tương lai.”¹

Thánh Augustine nói: “Thế giới là một quyển sách, mà những ai không khám phá đó đây, chỉ mới đọc một trang.”²

Mahatma Gandhi nói: “Bạn muốn xây tháp cao đến từng mây? Hãy đặt nền móng bằng lòng khiêm tốn.”³

Đức Giáo Hoàng John Paul II viết:

“Tương lai bắt đầu hôm nay, không phải ngày mai.”⁴

“Tự do không bao gồm làm những gì ta thích, mà là quyền thực thi những gì ta có trách nhiệm.”⁵

-
1. Study the past if you would define the future.
 2. The world is a book, and those who do not travel read only a page.
 3. You plan a tower that will pierce the clouds? Lay first the foundation of humility.
 4. The future starts today, not tomorrow.
 5. Freedom consists not in doing what we like, but in having the right to do what we ought.

“Hãy học hỏi như bạn sẽ sống vĩnh viễn.”⁶

Trong sứ mạng Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, công cuộc xây dựng hàng ngũ các thế hệ tiếp nối của tiền nhân, tiền bối đòi hỏi phải định hướng tuổi trẻ về lý tưởng Đại Đạo, ý thức sứ mạng, ý chí hiến dâng, rèn luyện tâm hạnh đức tài hầu có đủ bản lãnh đem đạo vào đời, thực hiện mục đích cao cả của cơ Cứu Độ Kỳ Ba.

Tiền bối Cao Triều Phát dạy: *“Ai khanh tướng, ai công hầu, này đất đai, này cương thổ. Hãy cố vun quén lấy mầm non. Mầm non đang nẩy chồi trên Thánh địa, nếu không sớm vun phân tưới nước để sâu rầy cắn phá tràn lây. Năm năm, mười năm, rồi hai mươi năm, cuộc tiến bộ của loài người sẽ kết quả một cách cực kỳ diệu ảo, đến đó các em mới thấy Đạo lý tối đại.”*⁷

*“Các em cần định đoạt cho tương lai các em một đường hướng huy hoàng lộng lẫy, cao đẹp thanh thoát và phải hơn các anh.”*⁸

*“Cơ biến dịch hết Xuân đến Hạ,
Hạ rồi Thu, Thu hóa lại Đông,
Khôn ngoan gây giống tạo dòng,
Nói theo đạo lý tương đồng tương sanh.”*⁹

Đạo lý mà Tiền bối muốn dạy không phải là để tự cao hiểu thẳng; ngược lại chấp nhận xây dựng tương lai dù trải qua những

6. Live as if you were to die tomorrow. Learn as if you were to live forever.

7. Minh Lý Thánh Hội, 23/4 Kỷ Dậu, 07/6/1969.

8. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 15/10 Kỷ Dậu, 24/11/1969.

9. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 30/10 Đinh Mùi, 01/12/1967.

đoạn đường nhiều chông gai chón chờ: “*Tiền Huynh bảo các em nên nhớ rằng: chỉ có sự kham khổ mới rèn luyện được chính khí và cấu tạo được uy linh nghe!*”¹⁰

Kurt Cobain cũng viết: “*Nhiệm vụ của tuổi trẻ là đương đầu với thử thách thoái hóa.*”¹¹

Bởi như giống hoa kia, phải chịu ấmlạnh nắng mưa trong lòng đất từ cuối đông, vào xuân mới nở hoa rực rỡ tô điểm cảnh vật, trang hoàng xuân sắc mọi nhà. Đứng trước sứ mạng lịch sử, người tuổi trẻ không thể chỉ tự hào với khí phách tiền nhân trao gửi mà phải có chí nguyện dấn thân phụng sự cho đời mới xứng đáng anh hùng liệt nữ. Nên Tiên bói dạy: “*Điều uy hùng nhất là hiến dâng một đời người. Biết hiến dâng đời mình cho lý tưởng, cho thiên hạ, đó là hiến dâng Thiên mạng. Cũng có những người đang hiến dâng, nhưng sự hiến dâng này có khác là hiến dâng vào một phạm vi hẹp hòi mờ昧, trong bóng tối vị ngã vong tha.*”¹²

Kìa xuân, xuân đến huy hoàng rồi xuân lại đi, đừng để sắc màu

10. Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 30/10 Đinh Mùi, 01/12/1967.

11. The duty of youth is to challenge corruption.

12. Minh Lý Thánh Hội, 23/4 Kỷ Dậu, 07/6/1969.

quyển rũ của cành mai, nụ đào tạo thành giấc mộng xuân hoang tưởng. Xuân qua, hạ tới, chợt tỉnh, chỉ còn tình dân nghĩa nước. Một mai tâm nguyện đã thành, mới toan gác kiếm thung dung, hóa thân cánh nhạn lưng trời điểm tuyết non sông. Ấy vậy, xuân thiên nhiên xoay vần theo năm tháng, xuân ở lòng người muôn thuở chẳng nhạt màu.

Pearl S. Buck viết: “Tìm thấy niềm vui trong hoạt động là khám phá nguồn mạch tuổi xuân.”¹³

Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy:

*“Sông núi đang chờ kẻ sĩ phu,
Chung tay lập phảng hồ oan cừ,
Tình thương đem rải cùng dân tộc,
Cho vẹn đạo đời chí trượng phu.”*

*“Xuân đến lòng trong khắp mọi người,
Sang hèn thanh trực cũng vui tươi,
Lẽ đâu Xuân chỉ Xuân chừng ấy,
Mà nợ tang bồng quên đấy thôi.”¹⁴*

13. To find joy in work is to discover the fountain of youth.

14. Minh Lý Thánh Hội, 03/01 Canh Tuất, 08/02/1970.

thánh giáo

Có đạo, có tâm
mới sum họp
đồng hưởng
khí thái hòa

Vĩnh Nguyên Tự, Ngọ thời, 10/01 Đinh Tỵ,
27/02/1977.

THI

THIỆN duyên đã có, ráng tu hành,
PHƯỚC đức do mình tạo mới sanh,
ĐẠO đức là phương xây Thánh đức,
NHƠN hòa mới thiết thể nhàn thanh.

Chào chư Thiên ân hưởng đạo, chư liệt vị
lưỡng phái. Tệ Đệ vâng lệnh báo đàn, có
Đức Như Ý giáng cơ giáo Đạo. Nhân tiết
xuân còn đọng lại trên hoa lá cỏ cây, Tệ Đệ
cảm hứng mấy dòng chúc lành chư Thiên
ân và chư đạo tâm nam nữ.

NGÂM

Xuân về hướng nội không thời,
Là xuân vĩnh cửu Đạo Trời trường lưu,
Xuân tâm chẳng chút phiền ưu,
Càng vui xuân cảnh càng cưu nổi sầu.
Âm dương thiên địa một bầu,
Lặng lòng mở trí nhiếp thâu điều hòa,
Kỳ trung lạc thiện mới là,
Cùng xuân xây đắp bửu tòa nơi tâm.

Đức Chơn Nhơn vừa đến, Tệ Đệ xin
xuất ngoại ứng hầu. Chư liệt vị thành tâm
nghinh tiếp. Xin lui.

TIẾP ĐIỂN

THI

Phương tu NHƯ Ý đặc thân thông,
Đốc chí ĐẠO THOÀN nhập luyện công,
Tìm lại CHƠN NHƠN nơi thi giác,
Vui vầy xuân đức của Tiên Ông.

Hỷ! Hỷ! Chư Thiên ân hưởng đạo, mừng
chư hiền đệ hiền muội và các cháu.

Nhân tiết Mạnh Xuân, Lão thừa Thánh ý đến khai cơ cho Vĩnh Nguyên Tự để un đúc đạo tâm, hồng dương đạo pháp, giúp người đạo hạnh chơn tu lên đường giải thoát, mở cửa từ bi chờ đón rước kẻ trăm luân giác ngộ. Chư hiền đệ muội hôm nay đến dự đàn khai xuân đầy đủ, vậy Lão miễn lễ, chư hiền đồng an tọa rồi cùng Lão nhấp chén thanh lương cho mát lòng sẽ bàn qua đạo lý.

Các cháu đầu! Hãy đem bầu nước mát cho Lão đãi các Thiên ân. Ban Cai Quán, Nữ Chung Hòa hãy thay Lão mà mời chư Thiên ân nam nữ.

Chư Thiên ân đến đây bằng Tâm, bằng Đạo, Lão cũng đem Đạo, đem Tâm mà đáp lại chơn tình. Có Đạo, có Tâm mới sum họp đồng hưởng khí thái hòa của tam dương khai phát. Dầu trong một phút hay một giây, những giọt nước thanh lương đã hòa tan vào trong tâm can huyết quản chư đệ muội, sẽ vui vẻ chuyển lưu khắp các tế bào đang oằn oại khô khan vì nhiệt độ, chuyển lưu cho mát mẻ, làm sống lại cho cơ thể điều hòa. Đó cũng là Đạo, là Tâm của chư đệ muội vậy. Đến đây, chư đệ muội hoan hỷ đợi chờ Lão dặn dò sở tại về đạo sự rồi sẽ tiếp thêm phần đạo lý.

Này chư phạm sự đạo tâm nam nữ sở tại, này các cháu! Xuân không đổi, mà cuộc đời thay đổi. Xuân vẫn là mùa lặn lại và kiến tạo tương lai, nhưng lòng người có hòa hợp với xuân thì công cuộc kiến tạo

từ cảnh đến tâm mới huy hoàng phát triển. Thế nên, người Thiên ân tín đồ của Thượng Đế phải hằng tinh tâm giác ngộ trên đường tu học, đừng thấy khó mà sợ thì mới nhận được cái khôn, đừng thấy nhờn tình tráo trở, thế sự đảo điên mà rộn ràng tâm tánh rồi lãng quên công phu công quả. Đã dốc chí tu hành thì đừng câu nệ chỗ đức bạc tài sơ hay căn cơ còn non kém. Đạo gốc là ở lòng chí thành, chí kính, chí chánh, chí chơn. Từ chỗ thành kính chánh chơn thâm nhập lâu ngày vào lòng, người tu hành sẽ trở nên kiến tánh. Muốn được như thế thì phải cần tu tập hằng ngày về đạo tâm, về đức hạnh, không giây phút nào quên. Dầu lỗi nhỏ chớ làm, lỗi lầm phải ăn năn, đừng tái phạm. Gặp lợi dầu lớn nhỏ chớ tham để không sanh lòng buồn vui được mất. Biết nẻo tà là muôn ngàn sai quấy, tội nghiệp vương mang thì hành động và ngôn ngữ phải đặt dè, hãy xa lánh. Có lỗi bước, sớm giác ngộ quay về. Hằng xét lòng khi nổi tánh tham sân. Hãy tự cảnh giác mà quyết tâm cải hối. Khi sanh lòng ích kỷ hãy nhớ đến hạnh bác ái vị tha. Khi ham mê rượu trà thì nhớ đến điều xấu hổ bê tha mà chừa bỏ. Khi lòng sanh hẹp hòi chấp nhứt phải nhớ lại người tu hành đức độ khoan dung. Khi tánh tật đố nổi lên thì phải nhớ lại pháp quyền vô tư mà tự kiểm. Tình thương mở rộng thì trên thuận dưới hòa, khắc kỷ

phục lễ cho nên người gương mẫu. Bao nhiêu đó nếu làm được thì nội bộ yên vui, ngoại cảnh dầu chi phối cũng đủ sự sáng suốt để an bài. Đó là thấy được chơn lý, thấy được pháp môn. Tánh đạo có phát sanh nhờ tâm thiền tịnh định. Tuy thân phải còng nghiệp mà lòng giữ cho thơ thới thung dung. Vật chất dầu hao mòn mất mát mà tinh thần sáng suốt vững vàng, an phận thủ thường mà công phu tu luyện.

Hỡi các cháu!

Dặn dò các cháu ráng lo tu,
Chỉ có đạo tâm vệt ngút mù,
Thế sự giả chơn thôi trối kệ,
Tùy thời công quả với công phu.
Công phu sẽ thấy rộng lòng hơn,
Cực nhọc bao nhiêu dạ chớ sờn,
Chớ ngại ít oi, cần tiến bước,
Giữ lòng thanh tịnh có chi hơn.

Lão đến khai xuân cho các cháu hưởng hồng ân mà tu tiến. Trong năm sắp đến đạo sự còn nhiều, các cháu phải trì chí kiên tâm mới vượt qua mọi khó khăn mà tu luyện. Các cháu lớn nhỏ siêng năng cúng kính, đọc thánh ngôn, thánh giáo để được sự bảo hộ của chư Linh Thân Hộ Pháp.

Này chư hiền đệ hiền muội! Nói đến Đạo, đến Tâm thì ai ai cũng có. Nhưng thử hỏi trên đời có

được bao nhiêu người biết có Đạo, có Tâm? Nay Lão và chư đệ muội muốn luận Đạo, luận Tâm thì rất dễ. Gần hơn hết là trong hai năm nay, chư đệ muội đã học được biết bao nhiêu bài về Đạo, về Tâm mà chớ cùng lý tận tánh đâu phải dễ! Và lại, Đạo là nguyên lý tự nhiên, Tâm là vô vi chủ sử. Đạo và Tâm là một thể linh hoạt vận hành không bóng, không hình, không hơi, không tiếng. Nếu nói được bằng lời thì e không đúng, mà vịn vào một vật để chứng minh lại càng sai biệt. Tuy nhiên Lão vẫn đợi chư hiền đệ muội trong giờ đại định để thông công. Khi ấy:

Thái hòa vượng khí tam dương,
Đêm thanh tĩnh mạch liễu lường nhiếp thân.
Lòng lặng lặng trong bầu Tạo Hóa,
Thân nhẹ nhàng nhân ngã vô tri,
Vô vi mà vô bất vi,
Âm dương hỗn nhưt phục quy nguyên thân.
Thần thị Thiên, Thiên thần linh diệu,
Hóa muôn phương quán chiếu nhiệm mầu,
Trời người nào có khác đâu,
Đạo, Tâm gồm ở một câu huyền đồng.

Hiện tình thế sự cũng làm bận rộn chư hiền đệ muội không ít. Với sứ mạng Thiên ân trong Tam Kỳ Phổ Độ, chư đệ muội tự thấy lòng ưu tư rất nhiều. Lão khuyên chư đệ muội hãy an lòng tu niệm, mọi việc sẽ được sắp xếp an bài về việc đời cũng như việc đạo, chỉ

cần chú đệ muội biết tùy thời xử thế, đừng thái quá cũng đừng bất cập để xứng đáng giữ tròn danh nghĩa Thiên ân. Giờ tâm kinh mà học Đạo Thời Trung.

Đọc tâm kinh để kinh quyền đối phó. Cây một rừng, dân một nước, điều thanh suy họa phước khó tránh riêng, nhưng những kẻ có Đạo, có tâm, chỉ trong một phút kiến thiếng cũng được thần linh hộ trợ.

Bước sang niên trình mới, chú đệ muội muốn vạch đường lối mới để lập công bồi đức, Lão cũng để mấy lời:

THI

Chèo thuyền bát nhã độ quần sanh,
Lướt dặm trùng dương vượt thác ghềnh,
Minh triết bảo thân không thẹn mặt,
Trung thành sự Đạo chẳng ô danh.
Thánh xưa bao quản điều hưng bĩ,
Phật trước nề chi lẽ bại thành,
Quý ở Thiên ân tròn sứ mạng,
Chèo thuyền bát nhã độ quần sanh.

Bạch Lương Ngọc, cháu hãy đem đĩa quả tử ở hậu điện đến đây. Mỗi vị hãy thọ lãnh theo túc số của mình, đừng để dư hay thiếu, rồi tùy nghi sử dụng, tâm cảm sẽ được ứng.

Chú đệ muội an lòng, mọi việc sẽ được dạy sau.

Lão ban ơn toàn thể chú hiền đệ hiền muội. Lão hồi cung. Thăng.



Minh họa: Cọ Trắng

thánh giáo

Có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, Tý thời, 30/12
Ất Mão, rạng 01/01 Bính Thìn, 31/01/1976.
Đàn giao thừa

THI

Tường vân đưa lối đến hồng trần,
Cùng bạn tâm đồng đón Chúa Xuân.
Nước có đục trong, lòng chớ bợn,
Mây còn tan hợp, chí đừng phân.
Trương cờ Đại Đạo chờ Tiên khách,
Mở ngõ Cao Đài đợi Thánh nhân.
Hạc lại về cùng xuân sắc thắm,
Nghiêng tay tô điểm bức tranh thân.

BẢO PHÁP HUỲNH CHƠN

Chào chư Thiên ân sứ mạng. Chào Hiền huynh Huệ Lương. Chào mừng chư hiền đệ, hiền muội.

Đàn Giao thừa đặc ân hôm nay, Đức Chí Tôn sẽ giáng, ban bố hồng ân cho chư hiền an lạc nội tâm đón mừng xuân mới. Bồn Huynh xin chia mừng cùng chư hiền. Chưa đến giờ giá ngự, Bồn Huynh xin gởi đến chư hiền vài dòng đạo lý gọi là cung chúc tân xuân. Mời chư hiền đồng an tọa.

Này chư hiền! Xuân lại trở về để dẫn đầu cơ sanh trường thái dương của một năm. Mỗi độ xuân về, dầu thời nào, hoàn cảnh nào, khắp nước non hoa cỏ vẫn đua chen sắc thắm, người người rộn rã đón xuân sang, đón mừng cái mới mẻ, đẹp đẽ may mắn của năm mới với ước vọng mới, tạo dựng mới, v.v. và cũng trút bỏ hay xóa

nhòa những gì nặng nề cay cực của năm qua. Đó là thói thường ai cũng thế, duy có người đã biết làm sáng tỏ cái Đạo tự thân thì niềm vui có thêm phần bao quát hơn, nào bốn phận làm người, nào sứ mạng thiêng liêng, phải làm thế nào cho kịp thời đúng tiết phát triển đồng đều theo nhịp điệu Thiên cơ vũ trụ.

Dịch có câu: “Thiên địa giao Thái, hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân.” Các bậc Thánh nhân ngày xưa thuận theo thời Trời mà phát sinh thánh đức, giáo tử muôn dân noi theo lòng Trời mà xem dân như con đẻ, không thương riêng, không ghét riêng. Dầu đời có thăng trầm bĩ thối, người có đại khôn, đất có thấp cao, nhưng các Đấng đem đạo tài thành của thiên địa để dưỡng nuôi bồi bổ, dụng phụ tướng thiên địa chi nghi mà mở mang thiên hạ, không tranh không chấp, không tham giận thù hằn, nhà an nước trị, dân chúng vô bụng ngậm cơm.

Ngày nay, chư hiền Thiên ân sứ mạng dầu chưa đặt mình vào nhiệm vụ người xưa, nhưng với sứ mạng Thiên ân bảo trì quyền pháp, phụng Thiên sự dân trong thời mạt kiếp này, sự quan trọng ấy nào có kém chi đâu. Thế nên, chư hiền không có mùa xuân riêng biệt mà xuân hạ thu đông đối với chư hiền đều là sở hữu sở dụng để song tu tánh mạng, hành đạo độ đời. Bốn Huynh nói như thế, chắc chư hiền đã ý thức được rồi, vì chư Phật Tiên cũng đã

dạy cho chư hiền, giờ chỉ cần xem lại và thực hiện cho đúng Thiên ý. Bốn Huynh vẫn thường xuyên nơi Cơ Quan với chư hiền. Bốn Huynh vui mừng nhận thấy ở chư hiền một đạo tâm đồng mãnh, kiên trì, dầu hoàn cảnh tư riêng có nhiều buồn khổ, cũng không lìa phạm sự tu học công quả, đó là một điểm son hiếm có trong lúc này. Bốn Huynh mừng cho ngày nay và cũng lo cho tương lai, vì lòng người còn tham vọng, thì thế sự còn đảo điên, sợ nổi nước gáo lại gặp lửa xe, biết có đủ can trường để thừa hành Thiên đạo cho đúng Thiên ý không. Nói là nói như thế chớ thật ra chư hiền là những người đã bước chân vào hàng Thiên đạo Đại thừa, hẳn đã biết được thế đạo tình đời, hễ có đá thì có ngọc, có nước có cá thì có rồng, không có đời nào thịnh mãi mà không suy, không có đời nào suy mãi mà không thịnh. Có cuộc lọc lừa sàng sảy cặn bã thái thừa mới có Đại hội Long Hoa. Có Đại hội Long Hoa mới tái tạo dinh hoàn lập đời Thượng nguơn thánh đức. Giờ đây, nhìn xem thiên hạ thiếu gì mà người tu đang có.

Đời thiếu tình thương mới loạn ly,
Tham si thù hận tạo cơ nguy,
Người tu thực hiện tình thương cả,
Mới có tương lai Đạo bảo trì.

Thế nên, chư hiền cần phải hòa mình với sự vật để độ dẫn nhân sanh. Công phu tu kỹ cần để tự giải thoát mà công quả công đức

cũng phải cần mới có phương tiện sang qua bến giác.

(...)

Thiên sứ cùng chư Phật Tiên hộ giá vừa đến, có cả Hội đồng Tiên bối. Chư hiền chỉnh trang nghi lễ cùng Bốn Huynh thành tâm tiếp giá. Bốn Huynh xin chúc tất cả chư hiền đạo tâm tăng trưởng trước ngày Đại hội Long Hoa. Hẹn còn ngày tái ngộ. Lui.

TIẾP ĐIỂN

HUYỀN KHUNG CAO THƯỢNG ĐỂ NGỌC HOÀNG
ĐẠI THIÊN TÔN

TÁ DANH CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HẠ TÁT

Thầy các con. Thầy mừng các con. Thầy hội chư Phật Tiên đến trần gian đêm Giao thừa để chứng tâm thành và ban ơn cho tất cả các con hưởng mùa xuân vui vẻ. Thầy miễn lễ, tất cả các con đồng an tọa.

Này các con! Năm mươi năm khai Đạo là các con đã hưởng năm mươi mùa xuân đạo dưới bóng Cao Đài. Con ôi! Xuân là Đạo vận hành biến dịch trong thế dinh hư tiêu tức, còn Đạo vô vi thì huyền nhiệm trường lưu. Con muốn thưởng xuân phải có tâm đạo thì tâm xuân mới phát hiện. Tâm xuân có phát hiện thì thế cuộc dầu có đổi thay phiên não, lòng con vẫn an định tự nhiên. Có an định tự nhiên mới thông đạt được lý Đạo. Có thông đạt

được lý Đạo mới bảo trì quyền pháp phụng Thiên sự dân. Các con
hãy đọc lại lời dạy của Thầy và chư Phật Tiên trong mười năm
qua để điều hành nội bộ Cơ Quan và thực hành sứ mạng phổ
thông giáo lý Đại Đạo. Thầy sẽ cho Thánh Thần hộ trì cho các con.

(...)

Các con Ban Thường vụ, Vụ trưởng, chức sắc, chức việc, nhân
viên Cơ Quan hãy đem những lễ phẩm hiến dâng cho Thầy cùng
chư Phật Tiên trong đàn nay phân phát cho tất cả các con hiện
diện hôm nay. Nếu cần, có con khiếm diện muốn được hưởng,
các con cũng chia cho chúng. Sau khi các con đọc bài đưa tiễn
chư Phật Tiên, sẽ họp lại phân phát. Các con ghi nhớ lời Thầy dạy.

Rượu phạm tục hóa thành tiên tửu,

Quả hồng trần hội đủ khí âm dương,

Nước thánh trong đã sẵn chất thanh lương,

Ban cho trẻ trên đường tu tiến đức.

Con hãy nhớ đạo lý thường nhứt nhứt,

Tình thương là phương thức tạo nhân hòa,

Có nhân hòa thiên hạ âu ca,

Thuận lẽ Đạo, Trời Già đâu có phụ.

Các con ghi nhớ. Thầy ban ơn lành cho tất cả các con nam nữ.

Thầy hồi cung. Thăng.

Thánh giáo song ngữ

NHÓM DỊCH THUẬT VĂN HÓA VỤ

THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC CHÍ TÔN
DẠY VỀ ""BẤT DU ĐẠO" (giới cấm)

Năm Mậu Thìn (1928)

THẤY các con.

Ôi! Thầy sanh các con thì phải yêu trọng các con chẳng cùng, mà Thầy cho các con đến thế giới này với một Thánh thể thiêng liêng, y như hình ảnh của Thầy, không ăn mà sống, không mặc mà lành, các con lại không chịu, nghe điều cấm dễ mê luyến hồng trần, ăn cho phải bị đọa, dâm cho phải bị đày, nên chịu nạn áo cơm, đục quyền cầu lợi.

LỢI, Thầy cũng đã dành cho các con chung hưởng cùng nhau mà cũng vì tham, đũa chứa nhiều, đũa chịu đói.

QUYỀN, Thầy cũng ban cho các con in như Thầy đã ban cho

GOD'S TEACHING ABOUT REFRAINING FROM TAKING WHICH IS NOT GIVEN (commandment)

The year of Mậu Thìn (1928)

Your Master.

Oh! I create all of you, I should therefore have infinite affection for you all and I let you come into this world with a divine body identical to my image that can exist without eating, that can be decent without anything on. But you do not want to and you allow yourselves to be lured by the passion of this world, to be sunk because of eating and banished because of debauchery, hence meeting with the catastrophe of food and clothing, coveting power and profit.

PROFIT, I save it up for you to enjoy together, but some have a lot while others are starving because of greed.

POWER, I bestow it to you all the very same as that of

chư Thân, Thánh, Tiên, Phật, hầu cho đủ thể kèm thúc lầy nhau đặng giữ vẹn Thánh chất yêu sanh của Thầy, mà quyền ấy trở nên một cơ thể buộc trói nhưn sanh trong vòng tôi mọi. Ôi! Thảm thay! Cái thất vọng của Thầy nên ghê gớm, các con có hiểu vì sao mà cả nhưn sanh gian tham chẳng?

Thì cũng muốn cho nhiều sanh mạng chịu phục dưới quyền thế lợi lộc đó, vậy sự yếu trọng của con người là nạn cơm áo, nắm chặt quyền phân phát cơm áo, thì chưa ai đã chịu thọ sanh nơi thế này lánh khỏi.

Muốn cho đặng quyền hành ấy thì làm thế nào?

Dùng hết mưu chước quỷ quyệt, thâm đoạt cho đặng lợi lộc quyền thế cho nhiều, vì vậy mà đời trở nên trường hỗn độn, tranh tranh, đấu đấu, giựt giựt, giành giành, gây nên mối loạn, nhưn loại nghịch lẫn nhau giúp cho phép tà quyền, mạnh hơn, yếu thiệt, mất phép công bình thiêng liêng tạo hóa; cái trường thảm khổ của thế gian cũng do nơi đó mà ra.

Vậy gian tham đã thâm nhập vào lòng, thì lòng hết đạo đức.

Tham gian nhập vào nhà, thì nhà không chánh giáo.

Tham gian đã nhập vào nước, thì nước hết chơn trị.

Deities, Saints, Immortals and Buddhas, enough to watch each other in order to keep intact your Master's saintly love nature for living things. Yet, that power becomes the grounds that bind humans to slavery. Oh! What a pity! My disappointment should be terrible. Do you know why the whole mankind becomes dishonest and greedy?

Well then, because of desiring to have many a life submitted to that influence, profit and favor the most important issue of mankind is the catastrophe of living, the tight holding of food and clothing. As a result, no one accepting to be born into this world can escape from it.

What should be done to hold such authority?

All the necessary evil stratagems to seize profit and favor and power as much as possible are being in use. Consequently, life becomes a field of chaos, struggling and struggling, swindling and swindling, providing the source of rebellion and opposition in all mankind that draws up the rule of evil power: the strong win, the weak lose, the divine law of justice of the Creation is violated. The school of sufferings of human would also originate from there.

To that end, if greed and dishonesty come into the mind, virtue comes to an end.

If greed and dishonesty enters a family, this family does not have the right education.

If greed and dishonesty occupy a country, the true governance of this country disappears.

Tham gian đã lộng toàn thế giới, thì thế giới hết Thánh Thần, Thấy không cần nói sự gian tham có thể giục các con lỗi đạo cùng Thấy mà bị lăm điều tội lỗi. Ấy vậy gian tham là trọng tội.

Thăng.

THÁNH GIÁO CỦA ĐỨC CHÍ TÔN DẠY VỀ TÀ DÂM GIỚI

Ngọc Đàn (Giồng Ông Tố)

Vendredi, 30 Juillet 1926 (21/6 Bính Dần)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐỂ VIẾT CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Tà Dâm Giới

Vì sao tội tà dâm là trọng tội?

Phạm xác thân con người, tuy mắt phạm coi thân hình như một, chớ kỳ trung nơi bốn thân vốn một khối chất chứa vắn vắn,

If greed and dishonesty prevails all over the world, there are no more deities and saints. I need not say that greed and dishonesty can incite you to be in the wrong with your Master, hence committing many a sin. In sum, greed and dishonesty are serious sins.

Ascension.

GOD'S TEACHING
ABOUT REFRAINING FROM SEXUAL PERVERSION

Ngọc Đản (Giông Ông Tố)
Friday, 30th July 1926 (21/06 Bính Dần)

THE JADE EMPEROR NAMED CAO ĐÀI THE IMMORTAL
MAHABODHIST-SATTVA MAHASATTVA, TEACHING
THE WAY TO THE SOUTH

Commandment on sexual perversion

Why is sexual perversion a cardinal sin?

Human naked eye sees human body as one, but basically the body is a unit containing a myriad of living things that together

muôn muôn sanh vật. Những sanh vật ấy cấu kết nhau mà thành khối (la formation des cellules). Vật ấy có tánh linh. Vì vật chất nuôi nấng nó cũng đều là sanh vật; tỷ như rau, cỏ, cây, trái, lúa gạo, mọi lương vật đều cũng có chất sanh.

Nếu nó không có chất sanh thì thế nào tươi tắn và chứa sự sống, như nó khô rũ thì là nó chết. Mà các con nào ăn vật khô héo bao giờ. Còn như nhờ lửa mà nấu, thì là phương pháp tẩy trừợc đợc mà thôi, chớ sanh vật bị nấu chưa hề phải chết.

Các vật thực vào tỷ vị, lại biến ra khí; khí mới biến ra huyết. Nó có thể hườn ra như hình, mới có sanh sanh tử tử của kiếp nhưn loại. Vì vậy một giọt máu là một khối chơn linh.

Như các con dâm quá độ thì là sát mạng chơn linh ấy. Khi các con thoát xác thì nó đến tại Nghiệt Đài mà kiện các con. Các con chẳng hề chối tội đặng.

Vậy phải giữ gìn giới cấm ấy cho lắm.

constitute a formation of cells having divine nature. Since the materials that nourish it are also living things such as: vegetables, grass, plants, fruit, rice. They each have multiplying nature.

Without multiplying nature they cannot be fresh and cannot contain life. If they dry, they die. But you never eat dried and died things. Cooking is only a method of purification, but cooked living things never die.

Food that gets into the digestion system is transformed into energy and energy into blood that can change into human form; There are then birth and death of human life. As a result, a drop of blood is a block of Divine Spirits.

Sex in excess kills those divine Spirits. When your soul leaves the body, they will come to Nguyệt Đài (The Retribution Tower) to sue you. You can never deny your sins.

To that end, observe strictly this commandment.

Xu hướng hành đạo
của đạo Cao Đài
trong bối cảnh
toàn cầu hóa, hội
nhập quốc tế

THIỆN CHÍ

Trước khi bàn về “xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế”, chúng ta hãy thử đề ra những lãnh vực có xu hướng toàn cầu hóa trên thế giới hiện nay.

1. Lãnh vực tôn giáo
2. Lãnh vực văn hóa và truyền thông
3. Lãnh vực môi trường
4. Lãnh vực hòa bình thế giới

XU HƯỚNG HÀNH ĐẠO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG LÃNH VỰC TÔN GIÁO / ĐỨC TIN

Về mặt tôn giáo, thế giới đang có xu hướng toàn cầu hóa để hóa giải mọi kỳ thị, tranh chấp hay bất hợp tác trong công cuộc xây dựng xã hội đạo đức và tình thương nhân loại.

Những động thái toàn cầu hóa tôn giáo trên thế giới đang được các tôn giáo và các cộng đồng ngoài tôn giáo hoan nghênh, đơn cử như:

– Đại lễ Vesak Liên Hợp Quốc

Lịch sử Vesak: Vesak – tên gọi tháng thứ 4 trong năm theo lịch cổ của Ấn Độ, người Ấn Độ có tín ngưỡng Phật giáo xem tháng Vesak là tháng linh thiêng bởi vào ngày trăng tròn của tháng này đã diễn ra 3 sự kiện trùng lặp gắn liền với thân thế và sự nghiệp của Đức Phật: Phật đản sinh (ngày sinh của Đức Phật), Phật thành đạo (Đức Phật tu hành đắc đạo) và Phật Niết bàn (ngày Đức Phật qua đời).

Trước sự phát triển và ảnh hưởng của tôn giáo trên thế giới,

nhiều sáng kiến đưa ra để lựa chọn một tôn giáo điển hình phù hợp với xu hướng phát triển của nhân loại tiến bộ. Sau nhiều năm xem xét, vào ngày 15 tháng 12 năm 1999, Đại hội đồng Liên Hợp Quốc tại phiên họp thứ 54, mục 174 của chương trình nghị sự đã chính thức chấp nhận đề nghị của 34 quốc gia thành viên Liên Hợp Quốc, chọn Phật giáo vì giá trị đạo đức, văn hóa và tư tưởng hòa bình bất bạo động của Đức Phật. Với nghị quyết: Đại lễ Vesak là một lễ hội văn hóa, tôn giáo quốc tế của Liên Hợp Quốc. Những hoạt động kỷ niệm sẽ được diễn ra hàng năm tại trụ sở Liên Hợp Quốc ở New York và các trung tâm của Liên Hợp Quốc trên toàn thế giới từ năm 2000 trở đi.

Năm 2001, đại lễ Vesak được kỷ niệm lần đầu tiên tại trụ sở Liên Hợp Quốc ở New York (Mỹ). Kể từ đó đến nay đại lễ Vesak đã được tổ chức nhiều năm liền ở trụ sở Liên Hợp Quốc và ở các nước có Phật giáo đăng cai.¹

– Đại Hội Đồng Liên Hợp Quốc đã thiết lập “Tuần lễ hòa hợp tôn giáo toàn cầu” vào tuần lễ đầu tháng hai hàng năm, qua nghị quyết GA 11013 ngày 20/10/2010.

– Chủ trương liên tôn giáo của Công đồng Vatican II:² Công

1. Trang Web Ban Tôn Giáo chính phủ:

http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/0/240/0/4917/Tim_hieu_Dai_le_Vesak_Lien_Hop_quoc_o_Viet_Nam

2. https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91%E1%BB%93ng_Vatican%C3%B4_II

đồng Vatican II hay Vaticanô II là công đồng đại kết (ecumenical council) của Giáo hội Công giáo Rôma, được Giáo hoàng Gioan XXIII triệu tập ngày 11 tháng 10 năm 1962 và Giáo hoàng Phaolô VI kết thúc ngày 8 tháng 12 năm 1965. Công đồng Vatican II đề cập đến khía cạnh tích cực của nhiều tôn giáo, nhìn nhận có yếu tố chân lý và thánh thiện, trong đó: “Giáo hội Công giáo không hề phủ nhận những gì là chân thật và thánh thiện nơi các tôn giáo. Với lòng kính trọng chân thành, Giáo hội xét thấy những phương thức hành động, những lối sống, những huấn giáo và giáo thuyết kia, tuy có nhiều điểm khác với chủ trương mà Giáo hội duy trì, nhưng vẫn thường có ánh sáng của Chân lý vốn hằng chiếu soi cho hết mọi người” (NA, 2) (8). Giáo hội Công giáo luôn cổ vũ việc xây dựng một cuộc sống chung hài hòa trong xã hội, mời gọi tín đồ của mình hợp tác với tín đồ các tôn giáo khác trong việc thăng tiến các giá trị tinh thần, luân lý cũng như văn hóa xã hội.³

Ngoài ra, từ cuối thế kỷ 19 đến thế kỷ 20–21 đã có nhiều hội nghị tôn giáo thế giới đã được tổ chức nhằm thống nhất tiếng nói chung về đoàn kết tôn giáo, nhất là về góp phần bảo vệ hòa bình trên hành tinh.

– Tại Việt Nam, đầu thế kỷ 20, tôn giáo Cao Đài được chính thức thành lập, làm “Lễ Thánh Thất” trọng thể ra mắt nhân sanh trong nước và toàn thế giới vào năm 1926 với danh hiệu Đại Đạo

3. Đối Thoại Liên Tôn Giáo Từ Công Đồng Vatican II, Ngô Quốc Đông, Tạp chí Nghiên Cứu Tôn Giáo.

Tam Kỳ Phổ Độ. Mục đích của Đạo là “Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát” và tôn chỉ của Đạo là “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục nhất”.

Từ hơn 90 năm qua, mục đích – tôn chỉ trên đã và đang soi dẫn cho đường lối hành đạo của tất cả các Hội Thánh, tổ chức đạo Cao Đài. Từ nguyên tắc “Quy nguyên phục nhất”, Cao Đài hướng về nguồn gốc chung của tôn giáo là Đại Đạo với ý nghĩa Đại Đạo không mang hình thức hay giáo điều tôn giáo mà là một nguyên lý phổ quát duy nhất cũng chính là cứu cánh duy nhất của mọi tôn giáo. Do đó, phương châm hành đạo của đạo Cao Đài giữa các tôn giáo là “Vạn giáo nhất lý”, Cao Đài nhìn nhận và tôn trọng các tôn giáo khác nhau đồng hành trên đường giác ngộ chúng sinh và xây dựng xã hội đạo đức.

Đó là hệ quả “nhất lý” giữa tôn giáo về mặt sinh hoạt tâm linh. Còn giữa con người và con người, giữa xã hội, giữa các dân tộc, đối với xu thế toàn cầu hóa trên phương diện bình đẳng và nhân quyền, đạo Cao Đài ứng dụng mục đích “thế đạo đại đồng”.

Thật ra, không phải chờ đến bối cảnh “hội nhập quốc tế” ngày nay, mà ngay khi khai đạo, Cao Đài đã chủ trương “bình đẳng giới”, “nữ nam trách nhiệm đồng” trong sinh hoạt tôn giáo và công cử chức sắc. Giữa các dân tộc, giữa con người với con người, chủ thuyết Đại linh quang – Tiểu linh quang của Cao Đài dạy người tín hữu xem mọi người, mọi dân tộc là anh em một Cha. Bài học “thương yêu” được truyền tụng từ đó: *“Thầy thường nói với các con rằng: Các con là cơ thể của sự thương yêu...”*

Sự thương yêu là giếng bảo sanh của Càn Khôn thế giới. Có thương

*yêu, nhưn loại mới hòa bình, Càn Khôn mới an tịnh. Đặng an tịnh mới không thù nghịch lẫn nhau, mới giữ bền cơ sanh hóa.*⁷⁴

Đó là những điểm căn bản dẫn xuất từ nhân sinh quan, vũ trụ quan Cao Đài để hành đạo trên đường hội nhập vào các hoạt động phụng sự nhân sinh của các tôn giáo toàn cầu.

XU HƯỚNG HÀNH ĐẠO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG LÃNH VỰC HỘI NHẬP QUỐC TẾ VỀ VĂN HÓA VÀ TRUYỀN THÔNG

– Văn hóa đạo đức: Tuy đạo Cao Đài hình thành và phát triển chưa đến 100 năm nhưng đang có sẵn một kho tàng văn hóa rất đặc sắc, vừa phát huy văn hóa dân tộc, vừa truyền tải văn hóa đạo đức của các tôn giáo lớn trên thế giới. Kinh Cao Đài viết:

*“Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo,
Dụng huyền linh Đại Đạo vận hành,
Quyền Thầy hiệp cả vạn sanh,
Đông Tây, kim cổ lập thành tương lai.
Trước xây đấng Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.”*⁷⁵

4. Thánh ngôn Hiệp Tuyển Quyển 2, đàn ngày 11/01/1930, 12/12 Kỷ Ty.

5. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/02 Quý Hợi, 29/3/1983.

Đó là tinh thần toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế trên nền tảng “Quy nguyên Tam giáo, Vạn giáo nhất lý”, mà động tác cụ thể là:

*“Tưới nước vun phân Nho Thích Lão,
Nâng cành sửa lá Pháp hòa Tăng.”⁶*

Do đó, công cuộc truyền bá giáo lý của đạo Cao Đài đang và sẽ mở rộng ra toàn cầu:

*“Phổ là rộng khắp ngoài thế giới,
Thông là nguồn suốt tới muôn phương,
Giáo là dạy nẻo chỉ đường,
Lý là lẽ thiệt chủ trương thối bình.”⁷*

Cho nên, đem đạo vào đời, người hành đạo được hướng dẫn cặn kẽ: “*Phổ thông giáo lý không phải hiểu đơn thuần làm cho mọi người hiểu đạo là đủ, mà phải làm cho cơ đạo được thống nhất tinh thần, thông suốt mọi dân tộc, mọi lý thuyết và mọi hoàn cảnh.*”⁸

Với hăng vạn kinh điển truyền tải văn hóa đạo đức hàm súc văn chương tuyệt tác, với những công trình nghiên cứu đặc sắc về đạo Cao Đài của nhiều nhân sĩ trí thức, tín hữu Cao Đài trong ngoài nước và học giả quốc tế, xu hướng hành đạo của Cao Đài có đủ hành trang hội nhập công cuộc phát triển văn hóa toàn cầu.

– Giữa đà phát triển mạnh mẽ và rộng khắp của công nghệ

6. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14/01 Bính Ngọ, 04/02/1966.

7. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20/5 Ất Ty, 19/6/1965.

8. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 19/02 Bính Dần, 28/3/1986.

thông tin và truyền thông, các Hội Thánh, các tổ chức thuộc tôn giáo Cao Đài không bỏ qua thời cơ phổ truyền sâu rộng khắp thế giới về mọi sinh hoạt tâm linh, về giáo lý Đại Đạo, đáp ứng đầy đủ nhu cầu tìm hiểu mọi phương diện của nền Đạo. Người ta có thể kể ra hàng vài chục trang web thuộc đạo Cao Đài trong ngoài nước, bao gồm cả các trang sinh ngữ Anh, Pháp, Đức; chưa kể các hình thức thông tin cá nhân khác.

XU HƯỚNG HÀNH ĐẠO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG HOÀN CẢNH TOÀN CẦU HÓA VỀ MÔI TRƯỜNG

Giáo lý Cao Đài vận dụng nguyên lý “Thiên địa vạn vật nhất thể”, quan niệm muôn loài (kể cả loài người) đều có chung một Bản thể, trong đó sự sống và tiến hóa do các quy luật tự nhiên của vũ trụ điều hòa thể nào giữ cho môi trường sống luôn luôn đạt thế quân bình để mọi cá thể tồn tại và phát triển đúng theo chu trình tiến hóa tiếp diễn không ngừng.

Kinh Đạo Học Chi Nam viết:

*“Trong Trời đất cơ đoan có một,
Giữa Kiền Khôn trụ cốt không hai,
Hóa công diệu hữu sắp bày,
Huyền huyền nhứt khí chuyển xoay vận hành.
Từ thảo mộc, phi cầm, tẩu thú,
Từ sơn xuyên, phong vũ, hàn ôn,
Háo sinh đức cả vô cùng,*

Linh quang một khối, trần hồng hóa phân.

Quyển tối trọng nguyên nhân vạn vật,

Máy tối linh phẩm chất thiên lương,

Bao la gấm vóc phi thường,

Ngũ hành phối hiệp, âm dương điều hòa.”⁹

Nếu con người, vô tình hay hữu ý phá vỡ thế quân bình của sự sống thì lập tức môi trường sống trên hành tinh bị tổn thương, muôn loài phải chịu hoại diệt.

Do đó Liên Hợp Quốc và các nước trên thế giới đã báo động tình trạng ô nhiễm môi trường từ rác thải, khí thải do các loại công nghệ và nhu cầu tiêu dùng của xã hội ngày càng tăng. Mọi thành phần quần chúng, kể cả tín đồ các tôn giáo đều được phổ biến nguy cơ tác hại sức khỏe của môi trường ô nhiễm, đồng thời có trách nhiệm bảo vệ môi trường xanh, sạch cho cộng đồng xã hội.

Gần đây, tại Việt Nam, các tôn giáo trong đó có tôn giáo Cao Đài đều được mời dự các hội nghị về môi trường và tự nguyện cam kết chống ô nhiễm môi trường bằng cách giáo dục quần chúng trong địa hạt mình các kiến thức về mặt sản xuất và tiêu dùng sao cho an toàn sức khỏe.

Thật ra, trong bối cảnh toàn cầu hóa bảo vệ môi trường trên đây, đạo Cao Đài đã được trang bị căn bản giáo lý “Linh quang một khối”, không đợi đến lúc được cảnh báo hay cam kết, người tín hữu vẫn có ý thức gìn giữ sự quân bình của môi trường hành

9. Minh Lý Thánh Hội, *Đạo Học Chí Nam*, Mục Dung Hòa Nhất Lý.

ting. Rừng xanh, hoa cỏ xinh tươi, đất đai phì nhiêu, muôn thú sinh sôi, không khí trong lành, đối với người đạo Cao Đài tất cả tổng hợp thành Mẹ thiên nhiên rất thân thương.

XU HƯỚNG HÀNH ĐẠO CỦA ĐẠO CAO ĐÀI TRONG BỐI CẢNH XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ HÒA BÌNH THẾ GIỚI

Thánh giáo Cao Đài có câu: *“Tấm lòng của nhân loại là nơi chân lý cứu rỗi phát sinh tạo thế an bình cho xã hội.”*¹⁰ Và Đức Chí Tôn từng phán rằng: *“Các con đã sanh trong Đại Đạo, hãy noi theo Đại Đạo mà thành về cõi thượng thiên Vô Cực.”*¹¹

Như thế, giáo lý Cao Đài đã chỉ rõ nguyên lý xây dựng hòa bình nhân loại chẳng ở đâu xa mà ở ngay trong tâm đạo thuần chánh của con người:

*“Sống lại lòng mình hồi thế nhân,
Trở về Thượng Đế tính đơn thuần,
Không gây tham vọng không oan trái,
Nước mạnh dân an bởi hợp quần.”*¹²

Trong những thập kỷ qua, các tôn giáo đã từng tham dự nhiều hội nghị về vai trò tôn giáo đối với hòa bình thế giới, đó là những

10. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo,

11. Đức Chí Tôn, Minh Lý Thánh Hội, 09/01 Mậu Thân, 07/02/1968.

12. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15/02 Canh Tuất, 21/3/1970.

cơ hội để đại diện đạo Cao Đài nêu lên nguyện vọng hòa bình và giải pháp bảo vệ hòa bình.

Thế giới hòa bình, Cao Đài gọi là đời Thánh đức. Muốn lập đời Thánh đức cần có con người Thánh đức. Đó là con người hoàn toàn thể hiện Nhân bản. Nhân bản là bản vị của con người ngang hàng với Trời Đất. *“Nhân bản có sáng chói con người mới thật sự là con người”*. Chính con người ấy mới tạo được “Thế nhân hòa” đem lại hòa bình chốn thế gian. Mục đích của chủ thuyết nhân hòa trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ *“là làm thế nào lập một xã hội cải thiện mọi xã hội với ba tiêu chuẩn: nhân bản, an lạc, tiến bộ. (...) Sự quân bình xã hội có được trong thế nhân hòa là phải đầy đủ ba yếu tố đó.”*¹³

Thiền nghi đó là xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trước vấn nạn xây dựng hòa bình thế giới.

KẾT LUẬN

Trong bối cảnh toàn cầu hóa nhiều lãnh vực trên thế giới hiện nay, toàn đạo Cao Đài cần trang bị sẵn sàng những điều kiện để hành đạo hội nhập quốc tế theo tôn chỉ mục đích của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

1. Không mê ngủ trong đức tin, đừng ảo vọng trong lý tưởng. Phải học hỏi rèn luyện không ngừng, vượt qua mọi thử thách mới

13. Đức Lê Đại Tiên, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/02 Canh Tuất, 21/3/1970.

có đủ bản lĩnh hội nhập.

2. Muốn đại đồng cùng thiên hạ phải đại đồng cùng dân tộc trước đã (Nói cách khác, muốn hội nhập cùng thế giới, phải hội nhập cùng dân tộc trước đã).

3. Trong tinh thần “Vạn giáo nhất lý”, quan hệ tốt với tôn giáo bạn trong và ngoài nước. Nghiên cứu giáo lý các tôn giáo, các sinh hoạt tôn giáo trong nước và quốc tế. Tham gia các hội nghị tôn giáo trong nước và quốc tế liên quan đến đời sống xã hội văn minh tiến bộ và sinh hoạt tâm linh hưởng thụ.

4. Đối với quốc tế, vận động tin đồ tìm hiểu, tham gia các chương trình bảo vệ môi trường xanh trong nước và thế giới; các chương trình sức khỏe cộng đồng. Trao đổi văn hóa với các dân tộc trong và ngoài nước.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trang Web Ban Tôn Giáo Chính Phủ http://btgcp.gov.vn/Plus.aspx/vi/News/38/o/240/o/4917/Tim_hieu_Dai_leVesak_Lien_Hop_quoc_o_Viet_Nam
2. Wikipedia: https://vi.wikipedia.org/wiki/C%C3%B4ng_%C4%91%E1%BB%93ng_Vatican%C3%B4_II
3. Đối Thoại Liên Tôn Giáo Từ Công Đồng Vatican II, Ngô Quốc Đồng, Tạp chí Nghiên Cứu Tôn Giáo.
4. Thánh giáo sưu tập, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, nhà xuất bản Tôn Giáo.
5. Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.
6. Thánh giáo tại Minh Lý Thánh Hội.

Quyền pháp đạo và quyền pháp

HỒNG PHÚC

Trên suốt một chặng đường hơn 90 năm đi cùng đất nước với những bước thăng trầm của nhiều thế hệ người Việt, đạo Cao Đài ít nhiều đã khắc họa được những dấu ấn của một tôn giáo nội sinh đầy chất truyền thống văn hóa dân tộc. So với lịch sử các tôn giáo hiện hữu khác trên thế giới, thì Cao Đài còn quá trẻ để có được một hệ thống giáo lý hoàn chỉnh, mặc dù có thể nói, kho tàng dữ liệu Thánh ngôn Thánh giáo Cao Đài được tích lũy từ những lời dạy của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng qua huyền cơ diệu bút ngay từ buổi đầu khai Đạo hết sức phong phú, không chỉ thể hiện rõ nét tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên, Ngũ chi phục Nhứt” mà còn cho thấy những điểm đặc trưng của một thực thể Đạo cứu thế với vị Giáo tổ khai sáng là Đấng Toàn tri – Toàn năng đang nắm giữ và điều hành cơ sanh hóa của vũ

trụ muôn loài.

Do vậy, giáo lý Cao Đài không chỉ có sự dung hợp tinh hoa giáo lý của Tam giáo mà còn có những chủ điểm giáo lý chưa được đề cập đến hoặc chưa được minh giải rõ ràng, hay chưa đầy đủ trong giáo lý của ba nền tôn giáo lớn là Nho Thích Lão, cho thấy Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ đích thực là một thực thể Đạo cứu thế mà Tiên Ông Cao Đài đã mở toang cánh cửa huyền vi cho con người trực nhận để thức tỉnh tâm linh kịp lúc quay về trước khi cơ sàng sẩy của buổi Hạ ngưng khép lại kết thúc một chu kỳ tuần hoàn vũ trụ, tái tạo cõi dinh hoàn.

Một trong những yếu điểm giáo lý có thể nói là đặc trưng của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là phạm trù “Quyền Pháp Đạo” hay “Quyền Pháp”.

Ý NGHĨA CỦA QUYỀN PHÁP ĐẠO VÀ QUYỀN PHÁP

Không có tôn giáo nào có khái niệm “quyền pháp” trong hệ thống giáo lý. Nhưng Phật giáo có nói nhiều đến từ “Pháp”, gồm nhiều ý nghĩa, nhưng có thể hiểu “Pháp là tất cả những gì có đặc tính của nó, không khiến ta lầm với cái khác, có những khuôn khổ riêng của nó để làm phát sinh trong đầu óc ta một khái niệm về nó.” (Phật học Đại từ điển của Đinh Phúc

Bảo, lời dịch của Thích Nhất Hạnh.)¹

Đến Tam Kỳ Phổ Độ, đạo Cao Đài được Đức Thượng Đế khai mở, hai từ Quyển Pháp được sử dụng như là một thuật ngữ, với nhiều ý nghĩa khác nhau, tạo nên một chủ điểm giáo lý xuyên suốt toàn bộ hệ thống giáo lý Cao Đài.

QUYỂN PHÁP ĐẠO

Quyển pháp Đạo có thể hiểu là năng lực vô hình mà hết sức to lớn của Đạo trước muôn loài vạn vật, hình thành một nguyên lý điều khiển sự vận hành của cả Càn Khôn vũ trụ từ Thiên thượng đến thiên hạ, từ vô thi đến vô chung. Đó chính là Thiên điều, Thiên tắc, tức là ngôi Vô Cực, được Thánh giáo tóm tắt:

*“Một nguyên lý sanh thành biến hóa
Một luật chung tất cả thuận tòng.”*

Quyển là Dương là phần vô hình; Pháp là Âm, là phần hữu hình.

Quyển pháp (Đạo) là tình thương và Sự sống:

– Đức Hưng Đạo Đại Vương dạy: *“Nhơn tâm có hòa hợp có thanh tịnh thì đạo tâm mới chuyên nhất. Đạo tâm có chuyên nhất thì quyển pháp đạo mới nghiêm minh. Bản Thánh đã nói: Quyển pháp là tình thương, là sự sống. Có tình thương thì quyển mới có giá trị. Có pháp độ*

1. Theo tự điển Phật học của Chân Nguyên và Nguyễn Tường Bách.

2. Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.

thì sự sống mới an vui và vĩnh cửu.”³

“Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng. – Pháp là thể hiện trước bản thân.” Trong việc đối xử, giao tiếp, luôn tạo được tình cảm, sự hòa hợp đối với mọi người, tạo cho người một sự bình an về tinh thần, đó chính là thể hiện cái Quyền. Mà người có được một tác phong đạo hạnh luôn gây được sự cảm mến cho người khác thì chắc chắn tâm người đó rất tốt, giữ được sự khiêm cung, hòa ái, lúc nào cũng muốn hòa đồng với mọi người, chính là thể hiện kết quả của công trình tu tập chuyên nhứt, tức là thực hành được cái Pháp, chiến thắng được chính mình, để cuộc sống của mình và của tha nhân luôn an vui hạnh phúc thì sự Sống của con người mới thật sự có ý nghĩa. Trong nội bộ Đạo, sự thương yêu, dìu dắt lẫn nhau trên đường tu học, người trên quan tâm chăm sóc người dưới, ngược lại, đàn em lắng nghe những lời chỉ dạy của thể hệ đi trước, để cùng góp phần hoàn thành sứ mạng phổ độ Kỳ Ba, chính là thể hiện ý nghĩa Quyền pháp là Tình thương và Sự sống như lời nhắc nhở của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế:

“Từ bến khởi nguyên con ra đi vương một sứ mạng trong hai đoạn đường: một đem Đại Đạo lập đời, hai trở về với Đại Đạo. Các con là những chức sắc tín đồ chức việc của Thầy. Thầy nhắc nhở các con nên thương yêu nhau, dìu dắt nhau trên đường tu học, để hoàn thành sứ mạng phổ độ kỳ ba. Quyền pháp đạo từ tòa thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh, mỗi người Thiên ân chức sắc, dầu lớn dầu nhỏ, hãy

3. Minh Lý Thánh Hội, 06/7 Quý Sửu, 04/8/1973.

gìn giữ cho xứng đáng nghiêm minh. Quyền pháp đạo là tình thương và sự sống. Có nắm được quyền pháp thì Đạo mới hoằng khai, có tình thương, sự sống mới hòa bình an lạc. Đó là điều kiện duy nhất để con trở về bến khởi nguyên Đại Đạo, về cùng Thầy.”⁴

Sự sống không chỉ có nghĩa đơn giản là hơi thở đối với con người mà hàm chứa là nguồn sanh hóa của Trời Đất, không ngừng tiếp diễn trong khắp cùng vũ trụ, đằng sau bức màn hữu hình, đồng nghĩa với Đạo trường tồn miên viễn mà con người phải noi theo để góp phần cùng Tạo hóa tô điểm cho cõi thế gian. Thánh giáo Cao Đài khẳng định:

“Sự sống nói đây chẳng những ở trong người, mà nó bàng bạc khắp trời đất, đâu đâu cũng đây đây, ví như dòng nước tuôn trào, miên miên trường cửu, sự sống là đức lớn của Trời (Thiên Địa đại đức viết Sinh). Nguồn suối sanh thành của Tạo hóa cứ liên tục lớp lớp, không hề gián đoạn (...) Đức sinh sinh hóa hóa vô cùng, từ cây cỏ đến động vật và con người, luôn được nảy nở đủ mọi mặt, làm cho ngày ngày được mới (...) Đức sinh sinh ấy là nguyên khí của đạo Trời, là nhân, là thiện nơi người, là xuân, là tình của muôn vật.”⁵

QUYỀN PHÁP

Quyền không mang ý nghĩa quyền lực, chứa đựng một sức mạnh

4. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 30/12 Quý Sửu, 22/01/1974.

5. Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.

có thể cưỡng chế người khác phục tùng hay bắt buộc đối tượng phải nghe theo. Ở đây có nghĩa là một tiềm lực vô hình có khả năng làm lợi cho người, làm cho người khác nể phục, vâng theo một cách tự nhiên. Năng lực này là kết quả hình thành từ sự chấp hành, thuận tùng những quy luật đạo đức vô hình trong vũ trụ, tức là Pháp.

Pháp được Ôn Trên định nghĩa trong Đạo Học Chi Nam: “Là cái luật mà vũ trụ vạn pháp phải theo nó. Đó là cái khuôn đúc nên con hình Kiên Khôn vạn hữu. Luật ấy rất linh động, ẩn ký vào tâm tư của người, vật, đất trời.” Pháp cũng gọi là Vô Cực hay Thiên hay Đạo, là Thiên tắc, Thiên điều. Định nghĩa này cũng tương tự như cách hiểu trong Phật giáo về chữ Pháp: “Quy luật bao trùm toàn thể vũ trụ”.

Thánh giáo Cao Đài giải thích: “Quyền là hình thức thể hiện cái pháp trước đối tượng. – Pháp là thể hiện trước bản thân. Pháp không chỉ là những hình thức của tôn giáo hay cách thức tu hành và tín ngưỡng. Chữ pháp ở đây ngầm chứa tất cả những cái gì dưới danh từ vạn hữu, hay vạn thể hay thực tại hay thực thể.”⁶

Như vậy, có thể hiểu, Quyền Pháp là năng lực hình thành mặc nhiên trước đối tượng nhờ sự tác động đương nhiên của những quy luật có sẵn trong tự nhiên ẩn ký cho một vai trò, một vị trí nào đó của chủ thể.

a. Quyền pháp là Thấy, là Đạo

6. Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.

Từ định nghĩa “Quyền pháp”, Quyền không là quyền lực, mà là quyền năng tự nhiên có khả năng khuất phục người khác, làm lợi lạc cho người và Pháp là cái Luật mà toàn thể vũ trụ, vạn vật phải theo dù muốn hay không muốn. Như con người không muốn chết nhưng vẫn phải chết. Mọi vật hữu hình đều phải tuân theo quy luật Thành Trụ Hoại Không... Không có quyền nào to lớn hơn quyền hóa sanh muôn loài vạn vật của Đấng Hóa Công, mà người thế gian xưng tụng là ông Trời, dù Ngài là Đấng vô hình mà Đức Nguyệt Quang Tiên Nương đã mô tả: “*Không hiện tướng đầu đầu trái khắp, Bặt tâm hơi ngấn nắp điều hòa. Ba ngàn thế giới bao la. Mặc cho thế tục người ta vẽ vời.*”⁷ và Luật Thiên điều là luật bao trùm chi phối toàn thể vũ trụ cần khôn còn gọi là Thiên tắc hay Vô cực, mà Vô Cực chính là Thái Cực, Thái Cực là Thầy, là Đạo.

Đức Giáo Tông Đại Đạo Thái Bạch Kim Tinh xác nhận: “*Bản Đạo đã nói: Quyền pháp là Thầy, là Đạo. Nhắc lại, Đạo chứ không là tôn giáo.*”

b. Quyền pháp là cơ, là lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt

Đức Giáo Tông dạy: “Đại Từ Phụ nắm quyền pháp mới chuyển cơ sanh hóa vạn vật vũ trụ. Con người nắm được quyền pháp mới chuyển đưa vật loại vào Thiên lý và chuyển Thiên lý vào vật loại. (...) Kẻ giác ngộ, người tu hành có quyền pháp thì mới đưa Đạo

7. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 06/3 Giáp Tý (06/4/1984).

vào đời và đạt mục đích cứu nhân độ thế.”⁸

Qua lời dạy này, Quyền Pháp còn có thêm một ý nghĩa nữa mà cũng chính Đức Giáo Tông giải thích: “*quyền pháp là cơ, là lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối, chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt.*”

– Quyền pháp là cơ, là lý, là phương định đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối: Thái Cực là tuyệt đối thể tức vô sanh vô diệt, cũng chính là điểm quyền pháp để làm nguồn khởi sanh phóng phát ra vạn loài, là sở vật tương đối vì có sanh, có diệt, tức là đã “*đưa tuyệt đối vào sở vật tương đối*”.

– Thánh giáo Cao Đài dạy: Con người là Tiểu Linh Quang được chiết xuất phóng khai từ khối Thái Cực Đại Linh Quang, mà Thái Cực cũng là Đạo, là Thượng Đế nắm giữ quyền pháp. Vậy có thể hiểu được rằng mỗi Tiểu Linh Quang được phóng phát đều có mang theo một phần quyền pháp của ngôi Thái Cực để thực thi sứ mạng lập đời nơi cõi hữu vi, tức là sứ mạng làm người thay Trời cai quản muôn loài ở cõi thế gian là chốn vô thường giả tạm để rồi phải hoàn thành sứ mạng để trở lại bến khởi nguyên là nơi hằng thường vô sanh bất diệt tức là làm nên “*chuyển vô thường giả tạm vào siêu nhiên bất diệt*”.

Như vậy, con người đã được Đức Thượng Đế chia sót Quyền pháp để thực hiện công cuộc “*chuyển đưa vật loại vào Thiên lý và chuyển Thiên lý vào vật loại.*” Chính vì vậy, con người đã có sẵn Quyền pháp hết sức to lớn, đồng đẳng cùng Trời Đất, có khả

8. Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu (17/02/1969).

năng thực hiện chuyển loạn thành trị, nhập Thánh siêu phàm. Tuy nhiên, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã cảnh báo:

“Nếu không làm được đồng thành xuân, phạm tục thành tiên thánh, loạn nền trị, chiến đấu ra an bình, vị kỷ ra đại đồng, chính là chưa đạt được quyền pháp đó.”

c. Quyền pháp là Đạo pháp

Người muốn học đạo pháp cũng như người hành đạo phải giữ quyền pháp. Nếu chưa thông suốt được cái quyền thì pháp khó mà xương minh cho trọn vẹn.

“Nói rõ ràng để chư hiền đệ hiểu thêm: Quyền pháp cũng là đạo pháp. Đạo pháp lại là quyền pháp. Người hướng đạo lãnh đạo phải học cho tinh vi quán triệt cái quyền để chấp pháp được nghiêm minh, cũng như người tu luyện phải hiểu được cái điểm Đạo duy nhất mới hành được cái Pháp.”⁹

“Chư đệ học pháp, hành pháp phải tìm cho trọn vẹn cái điểm Đạo duy nhất của tâm linh để trở thành những hàng Tiên gia Phật vị. Đó là về học đạo.”¹⁰

Thánh ngôn giảng giải hai chữ Đạo pháp, không đơn giản theo cách hiểu thông thường đạo pháp là pháp môn:

“Đạo là những gì mông lung huyền nhiệm. Pháp là hiện thực hóa của Đạo. Pháp là thể, Đạo là hồn. Cái Đạo vi diệu tế ẩn được huy hoàng

9. Đức Đông Phương Chương Quán, Thiên Lý Đàn, 23/6 Canh Tuất, 25/7/1970.

10. Đức Đông Phương Chương Quán, Thiên Lý Đàn, 23/6 Canh Tuất, 25/7/1970.

minh thực bởi pháp. Pháp là diễn đạt bằng lời văn, bằng tác động. Đạo là tư tưởng là tâm ý. Đạo thấy được do Pháp. Pháp ấn chứng siêu việt linh hoạt được là do Đạo. (...)

Thử phóng một cái nhìn bao quát, Đạo là khả năng tâm linh thiên phú cho bất cứ cá nhân nào trong xã hội. Pháp là tùy hoàn cảnh, tùy cá nhân mà con người ấy phô diễn tổ chức và phơi bày trước ánh sáng một vấn đề gì trong tập thể nhân sinh. Nói đến Đạo pháp là phải nghĩ ngay đến một vũ trụ bao quát thuần biệt. Tuy nhiên phần đông cá nhân chỉ nhìn khía cạnh Đạo pháp qua hình thức tôn giáo hay hội giáo có tánh cách tâm linh hay đạo đức. Đạo pháp phải là một cái gì thực lớn rộng bao trùm từ cái đại thể của vũ trụ cho đến cái tiểu thể của hạt vi trần. Đạo là hư không, pháp là bản thể.

Nhìn vào hình thức thờ cúng lễ bái hay giáo thuyết giáo điều của một tôn giáo là phải hiểu rằng đó là pháp của Đạo. Đạo chỉ duy nhất và hằng hữu. Đạo không hai nhưng cũng không một. Đạo là khởi điểm cũng là tận cùng. Trái lại, pháp là cái gì hữu hạn và định giới.

Đạo vô cùng, pháp hữu hạn. Đạo là một đại dương của hằng trăm nghìn đại dương. Pháp là phương cụ đo đạc bề rộng và bề sâu của đại dương bao quát."¹¹

d. Quyền pháp là khả năng giác hóa

Thánh giáo Cao Đài dạy:

11. Đạo Học Chi Nam, Minh Lý Thánh Hội.

“Quyền pháp tương đồng tác động con người và vạn thể tha nhân và bản ngã. Có quyền không pháp không đưa con người đi về đâu, trái lại sẵn sàng xô ngã con người vào lạc lẫm, vào u tối. Có pháp ắt sẽ có quyền. Quyền pháp là khả năng giác hóa.”¹²

Như đã nói, con người có được quyền năng tối thượng là do Đức Thượng Đế ban cho một phần Quyền Pháp, tự tạo, tự hóa để con người có thể thay Trời hành hóa, đạt đến ngôi vị siêu xuất thế gian. Con người phải ý thức điều đó để sống theo Thiên lý, giữ lòng khiêm tốn, vong kỷ tức quên mình để làm lợi cho người, luôn hòa nhập, cư xử bình đẳng với mọi người. Sống đúng Đạo là sống tự nhiên, luôn ở mức quân bình, không thái quá, không bất cập, chế ngự bản thân, làm chủ thất tình lục dục, quay về nội tâm của chính mình để giữ được tính Trời hằng hữu đã được phú bẩm từ thuở ra đời ngay trong cuộc sống thường nhật nơi cõi tạm tức là phải thực hiện song hành cả hai mặt nhân sinh và tâm linh theo cách khi “ra đi” tức hướng ngoại thì lo cho đại chúng để đắp bồi Thế đạo, lúc “trở về” tức hướng nội thì rèn tâm luyện tánh thực hành Thiên đạo:

Ngoài cộng tác đắp bồi đại chúng

“Trong rèn tâm nhật dụng thường hành

Tâm này tự thi hư linh

Căn trần không nhiễm, vô minh khó tâm.”¹³

12. Đạo Học Chí Nam, Minh Lý Thánh Hội.

13. Đức Đông Phương Chương Quán, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15/6 Canh Thân, 26/7/1980.

Làm được như vậy là con người đã thiết lập được cái Pháp, tự khắc cái Quyền không cầu tìm vẫn hiện đến. Ngược lại, nếu ngộ nhận Quyền là quyền lực thế gian, để rồi chỉ sử dụng “quyền” mà quên đi phần “Pháp”, mượn Đạo tạo đời, chạy theo vật chất, đánh mất chính mình, ngày càng rời xa Thiên lý, thì kết cuộc sẽ là lạc lối vô minh, và ngay cả quyền pháp của con người được phó thác từ buổi ban sơ cũng không còn nữa.

Trong ý nghĩa này, Quyền pháp chính là ngọn kiếm linh thiêng như lời Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo đã dạy:

“Quyền Pháp là ngọn kiếm linh thiêng trao cho người để người nhờ nó mà đoạn cắt nghiệp duyên tội ác, oan oan tương báo nhiều đời và cũng thị uy sức mạnh tinh thần chống chọi với yêu ma cảnh giới, ngăn đường chận ngộ. Lưỡi gươm minh triết là báu vật vô giá để chiến đấu, chiến thắng bao nhiêu ý tình nơi trong, danh sắc nơi ngoài, đốn phát bụi rừng, hạ cây chặt gốc, mở một con đường đi tới cho toàn linh, phóng một lối đường gai góc để tìm về hạnh phúc.”¹⁴

Đức Thượng Đế vì lòng từ vô lượng không nỡ ngồi nhìn đàn con lạc lối còn đang mê mãi nơi phương trời vô định, không hay buổi tận diệt đã gần kề, nên đã lâm phạm mở cơ Đại Ân xá Kỳ Ba, ban trao quyền pháp tận độ như là ngọn kiếm linh thiêng cho người giác ngộ, quyết chí tu hành, đoạn trừ nghiệp lực tiền khiên đeo đẳng nhiều đời. Ngọn kiếm linh thiêng đó, chính là sự hộ trì của Thiêng Liêng ban cho người quyết tâm cầu tu giải thoát trên suốt quãng đường tu

14. Trung Hưng Bửu Tòa, 01/6 ĐĐ 32 Đinh Dậu, 28/6/1957.

học hành Đạo. Ngọc kiếm linh thiêng đó chính là sự soi sáng tâm linh mà các Đấng Thiêng Liêng dành cho hành giả trong những giờ công phu tu luyện để biến thành lưới gươm minh triết bên mình, sẵn sàng chặt đứt những mê lầm để mở rộng tấm lòng phụng Thiên sự dân, làm tròn sứ mạng của một con người và của một bậc Thiên ân vượt qua bể ngạn tìm về bến bờ hạnh phúc hằng cửu trường tồn.

e. Quyền pháp là sự thọ nhận ân phước và trách nhiệm tu hành của mỗi tín đồ sau khi đã bước chân vào Đạo

Đây chính là lời giải thích tại sao, khi nhập môn, người vào Đạo phải có lời minh thệ “... nếu lòng một dạ hai, thể Thiên tru Địa lục”. Bởi vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là công cuộc tận độ của cả hai cõi sắc không, người tín đồ Cao Đài khi quỳ xin nhập môn là mặc nhiên xin được tham gia đồng hành cùng với chư Phật Tiên Thánh Thần để thực hiện sứ mạng cứu thế Kỳ Ba của Đức Cao Đài, và từ giây phút đó, người tín đồ Cao Đài đã được ban trao quyền pháp tức nhận lãnh trách nhiệm tu hành, tự độ, độ tha và được thọ nhận ân phước hộ trì của Thiêng Liêng, như nhận lãnh một chiếc áo giáp bằng sắt để hộ thân, nếu nửa chừng bỏ dở thì sẽ đắc tội với Ông Trên. Lời minh thệ có giá trị như một sự nhắc nhở để người tín đồ không phải lâm vấp bị tội.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt dạy:

“Tiên Huynh nhắc cho các em nhớ: những đoạn đường đã qua hay hiện tại và sẽ đến vẫn phải luân chuyển biến thiên trong cõi vô thường, và từ đây, trước hình ảnh đạo, các em sẽ thấy nhiều trạng thái thay đổi muôn hình vạn trạng nữa kìa. Nếu người tu hành, kẻ học đạo không

vững lập trường hay vọng ngoại, ắt không giữ được chơn tánh cho tới ngày rũ bỏ thân tứ đại này.

Tiên Huynh muốn nói rõ hơn, là sẽ còn nhiều phép lạ hoặc nhiều huyền ảo thuật pháp thi đua trong khoảng đời cuối tận này, cốt để đổ xô nền chánh giáo, hầu sát hại nguyên căn.

Vì thế, Đức Chí Tôn và chư Phật Tiên mới Hội Công Đồng trong kỳ Đại ân xá, trao quyền pháp, trao thiết giáp cho các em hộ thân hộ thân đến khi thành đạo. Các em hẳn đã biết quyền pháp là gì rồi, và thiết giáp ở đâu rồi. Các em hãy tha thiết chuyên cần để gìn giữ, để thực hiện quyền pháp đạo, lập công quả kỳ chót, xây dựng lại cõi đình hoàn thành Thánh đức Thượng ngươn.¹⁵

– Thực hiện quyền pháp đạo, không chỉ tu hành giữ nghiêm giới luật, mà có ý nghĩa rộng lớn hơn, là sống đúng theo Thiên lý, hành cho được đức Nhân với ý nghĩa của Quyền pháp là Tình thương và sự sống.

Đạo pháp là để sử dụng cho phần Thiên, còn Quyền pháp là để áp dụng cho phần Nhân. Nói đến Quyền pháp, phải nhắc đến:

g. Quyền pháp đạo luật

– Tôn ti trật tự đối với vị trí, vai trò, trách vụ các phẩm trật chức sắc từ thấp đến cao trong hệ thống giáo phẩm đã được Thiêng Liêng sắp xếp ban hành trong Pháp Chánh truyền và Tân Luật

15. Vinh Nguyên Tự, 15/11 Tân Hợi, 01/01/1972.

cho các cấp từ Hội Thánh đến các Thánh thất, Thánh tịnh để điều hành công việc của Đạo gọi là quyền pháp đạo luật như lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát:

“Thượng Đế đã đem Đại Đạo đến mảnh đất nhỏ hẹp này trong Tam Kỳ Phổ Độ, có sứ mạng trung hưng chánh pháp. Sau khi mở đạo, đã thiết lập quyền pháp đạo luật cho các hàng Thiên Phong Chức Sắc từ các Tòa Thánh, Hội Thánh, Thánh thất, Thánh tịnh thi đua lập công bồi đức để lập vị, và tuân tỵ các hàng đạo tâm nữ phái cũng có dịp thi thố công quả mà lập vị cho mình, rồi đó sẽ đến phần Thanh Thiếu Niên.”¹⁶

Quyền pháp trong ý nghĩa này nhằm tạo dựng một trật tự để lãnh đạo, điều hành tổ chức Giáo hội, Đức Giáo Tông Vô Vi đã dạy:

“Hỡi chư chức sắc hướng đạo! Tam quân khả đoạt sủy, thất phu bất khả đoạt chí. Nếu muốn đặt niềm tin ở tín đồ, thì trước phải có niềm tin ở từ hướng đạo. Muốn thi hành quyền pháp ở Thánh thất, thì trước phải có quyền pháp ở Hội Thánh tượng trưng. Như vậy sự chỉnh đốn Hội Thánh tức là chỉnh đốn cho toàn đạo vậy.”¹⁷

h. Điểm quyền pháp

Trong Quyền pháp có “Điểm quyền pháp” là chỗ mà từ đó khởi phát sự sanh hóa hay biến dưỡng trong sở vật thực tại. Đức Giáo Tông chỉ rõ điểm quyền pháp nơi con người: *“Trong sở vật thực tại con người,*

16. Thánh thất Bình Hòa, 15/9 Đinh Mùi, 18/10/1967.

17. Thiên Lý Đàn, 10/4 Ất Ty, 10/5/1965.

điểm quyền pháp là linh hồn. Nhờ đó mà sinh ra, trưởng thành, và có thể tiến hóa đến mức đổi phàm thành thánh, thay tục hóa Tiên được.(...)”¹⁸

Điểm quyền pháp có công dụng duy trì sự hiện hữu đúng như bản chất của sở vật thực tại hàm chứa nó. Ngôi Thái Cực cũng là một điểm quyền pháp nằm trong sở vật thực tại của buổi hồng môn là ngôi Vô Cực mà Đức Giáo Tông đã tiết lộ:

“Còn sở vật thực tại rất to tát trước thời tạo Thiên lập Địa là ngôi Vô Cực Điều Trì, và điểm quyền pháp được chứa đựng là ngôi Thái Cực, là Thầy. Chính quyền pháp nằm trong sở vật thực tại chuyển biến và hóa sinh vạn loại.”¹⁹

Đức Giáo Tông giải thích rõ hơn về Điểm Quyền pháp như là một động năng khởi đầu trong cơ nguyên sanh hóa:

“Sở vật thực tại được tạo thành và biến sanh đều do quyền pháp. Điểm quyền pháp ở đây là cái ngòi của quả trứng. Những cái ngoại thức nội tại có đủ, nếu cái ngòi thật tốt thì quả trứng gà sẽ biến thành con gà sau một thời gian nào đó. Trái lại, nếu không có điểm quyền pháp của Thượng Đế ban, dẫu có đủ điều kiện, quả trứng vẫn hư hoại.”²⁰

Và đối với hiện tình nhân loại ngày nay, nếu không có một điểm quyền pháp để làm trung tâm khởi phát tái lập thái hòa thì sẽ giống như quả trứng không ngòi, thế giới này sẽ đi đến chỗ tự diệt, như lời Đức Giáo Tông cảnh báo:

18. Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu, 17/02/1969.

19. Ibid.

20. Ibid.

“Trong hiện tình nhân loại phân tranh chiến đấu, đó chính là sở vật thực tại đang biến dưỡng. Một là, nếu như quả trứng không ngò, thế giới này sẽ tự hủy diệt. Hai là, nếu có điểm quyền pháp thì thế giới này sẽ tạo một thiên đàng thuần chánh.”²¹

QUYỀN PHÁP TRONG TAM KỲ PHỔ ĐỘ

ĐẠO ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ LÀ ĐIỂM QUYỀN PHÁP

Từ xưa đến nay, đời loạn thì đạo khai. Tôn giáo ra đời là để dẫn dắt nhân sanh tìm về nơi chốn bình yên tâm hồn, giúp con người giải thoát khỏi những tranh chấp, hận thù trong xã hội nhân loại. Nhưng rồi sự ích kỷ và tham vọng của con người đã làm ô nhiễm tôn giáo. Cứu cánh cao cả của tôn giáo đã bị lãng quên, người ta không còn nhớ tôn giáo chỉ là “con thuyền đưa khách mà Đạo là bến đỗ. Các con thuyền cuối cùng cũng xuôi về bến đỗ.”²² Tôn giáo chỉ là phương tiện giúp cho con người đạt Đạo và con người sẽ rời bỏ sau khi sang bờ giác. Tôn giáo trở thành mục tiêu của sự tranh giành khốc liệt; con người càng văn minh càng muốn tôn giáo của mình độc tôn, bá chủ. Bởi vì vai trò và chức năng của tôn giáo đã bị con người vùi lấp bằng tham vọng riêng tư, thay vì là phương tiện giúp con người đạt Đạo, tôn giáo trở nên là tài sản để

21. Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu, 17/02/1969.

22. Ibid.

con người chiếm đoạt, sở hữu. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã than rằng: “Ngày nay, trước cảnh đời đảo điên xáo trộn, nhơn tâm phân hóa vô cùng, rất đổi tôn giáo là những khuôn vàng thước ngọc để khép con người từ chỗ sa đọa trở nên Thần Thánh Tiên Phật; un đức con người từ chỗ trọng trước hồng trần được thanh thoát cao siêu; tôn giáo là mối dây liên quan, là cửa thông đồng cho vạn dân chủng tộc, thế mà tôn giáo ngày nay cũng trong tình trạng chia ly phân cách. Đó là do nơi lòng người chẳng về một, nên tôn giáo trở thành những tổ chức riêng biệt của xã hội này, quốc gia kia, đảng phái nọ.”²³

Trước hiện tình nhân loại ngày nay là sở vật thực tại đang biến dưỡng, nếu không có điểm quyền pháp để làm mầm duy trì sự sống, thì quá trình biến dưỡng sẽ dẫn dắt thế giới đến chỗ tự hủy diệt. Vì thế mà Đức Thượng Đế phải lâm phạm khai mở một nền tôn giáo để làm điểm Quyền pháp, bởi vì theo Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

“Các tôn giáo hiện có chỉ là các cấu tử chớ chưa phải là “Đạo”, là “Tôn giáo Cứu Thế”. Vì lẽ đó Đại Từ Phụ mới ban quyền pháp. Quyền pháp là “Thầy”, là “Đạo”, là động năng thúc đẩy tạo thành Thánh đức sau Hội Long Hoa.”²⁴

Do vậy, tôn giáo Cao Đài đã ra đời với tôn chỉ “Tam giáo quy nguyên” để nhằm thể hiện sứ mạng của Điểm Quyền pháp là thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể Đạo Cứu thế thuần chánh.

23. Trúc Lâm Thiền Điện, 07/02 Tân Hợi, 03/3/1971.

24. Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu, 17/02/1969.

*“Đại Từ Phụ dựng Cao Đài nơi vùng Đông Nam Á này để làm quyền pháp. Chính sứ mạng quyền pháp này thúc đẩy mọi sở vật thực tại tôn giáo kết thành thực thể “Đạo Cứu Thế” trong Tam Kỳ Phổ Độ, cũng như cái ngòi gà trong quả trứng vậy.”*²⁵

DÂN TỘC VIỆT NAM ĐƯỢC CHỌN BAN TRAO QUYỀN PHÁP

Không phải là ngẫu nhiên vô cớ mà Đức Thượng Đế chọn dân tộc Việt Nam để ban trao quyền pháp thắp lên ngọn đèn mỗi soi sáng đêm trường tăm tối buổi Hạ nguơn. Đức Cao Đài đã dạy:

*“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trường tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác. Nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều, non sông tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức, ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.”*²⁶

Quan trọng hơn nữa, dân tộc Việt Nam đã hội đủ những điều kiện cho sự hình thành một nền tôn giáo để làm điểm Quyền pháp gắn kết các tôn giáo thành một thực thể Đạo cứu thế.

25. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu 17/02/1969.

26. Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế; Thiên Lý Đàn, 10 Mậu Thân, 19/12/1968.

Với truyền thống nhân bản, luôn nhớ về cội nguồn và lòng nhân nghĩa luôn trân trọng ghi nhớ những gì đã được thọ nhận, dân tộc Việt Nam từ ngàn xưa đã có niềm tin vào Trời Đất. Trời là Đấng quyền năng tạo hóa ban phát cho con người sự sống và Đất là Đấng trường dưỡng, chở đỡ, nuôi nấng con người tồn tại. Dân tộc Việt Nam còn có tinh thần tiến bộ hơn rất nhiều quốc gia khác trên thế giới với sự hiện hữu của dòng tín ngưỡng thờ Mẫu mang ý nghĩa bắt nguồn từ ý niệm “Cha Trời – Mẹ Đất”, cũng thể hiện rõ nét nguyên lý Âm – Dương của càn khôn vũ trụ, với ngôi Khôn Đạo theo Dịch lý, hàm chứa ý nghĩa nuôi nấng chở che muôn loài, ăn sâu trong cội rễ dân tộc, tạo nên một nét văn hóa đặc thù của người Việt.

Ngoài ra, tinh thần Tam giáo đồng nguyên của người Việt đã trở thành một phần quan trọng trong ý thức hệ dân tộc của người Việt Nam, không chỉ hiện hữu ở quan trường, trong các kỳ thi mà còn đi sâu vào mọi khía cạnh đời sống dân gian, trở thành cách sống, lối nghĩ của người Việt.

Đức Vạn Hạnh Thiền Sư đã xác nhận trong Tam Kỳ Phổ Độ:

“Chính tư tưởng đồng nguyên Tam giáo ấy được thể hiện đầy đủ nơi chốn dân gian qua đời sống nhàn tản tiêu dao, xa lánh lợi danh để tu tâm dưỡng tánh, hay có chăng làm những việc lành để khỏi bị luân hồi kiếp nạn về sau, hay dốc chí đem tài đức của mình ra để tế gia trị quốc.”²⁷

Tư tưởng Tam giáo đồng nguyên với hình ảnh Tam Giáo Tổ Sư với Thích Ca ở giữa, Lão Tử bên trái (phương Đông Nam – tinh

27. Đức Vạn Hạnh Thiền Sư, Trúc Lâm Thiền Điện, 30/8 Tân Hợi, 18/10/1971.

thần nông nghiệp tự nhiên) và Khổng Tử bên phải (phương Tây Bắc – tinh thần du mục xã hội) đã in sâu vào tâm thức mọi người Việt Nam,²⁸ đã kiến tạo nên một nền Đạo học cho văn hóa Việt Nam, là một trong những điều kiện cần thiết làm tiền đề cho sự khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ của Đức Cao Đài trong kỷ nguyên tận độ.

“Tam giáo đồng nguyên đã đề xướng lên một chủ thuyết Đạo học rất cao rộng uyên thâm để bao quát khắp vũ trụ Kiến Khôn vào một lý chơn nhứt cho nhân sinh dễ dàng tu học. Chủ thuyết đã thành đạt từ Lý Trần, tiếp nối đến thời nay Đại Đạo Tam Kỳ kết thúc để tận độ nguyên nhân lập đời Thánh đức.”

TẠM KẾT

Dân tộc Việt Nam đã được Đức Cao Đài chọn ban trao quyền

28. Bản Sắc Văn Hóa Việt Nam, Trần Ngọc Thèm.

pháp và sứ mạng Kỳ Ba phải được thực hiện như lời dạy của Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

“Sứ mạng của dân tộc này to tát như thế, quyền pháp quan trọng như thế, không phải làm không được. Chu đệ muội hãy chờ đợi, việc sẽ đến và đang đến. Từ ngàn xưa, trên lịch sử đã từng được nghe và thấy rõ. Việt Nam – một dân tộc mà tất cả thế giới đều nhìn vào, không phải nhìn vào vì nó có sự đe dọa tàn phá cả thế giới, mà nhìn vào chính nó là một động năng cứu rỗi xây dựng mới trên toàn thể nhân sinh.

Muốn được vậy, chu đệ muội phải làm sao, làm thế nào để phát huy quyền pháp được đặt để. Từ xưa các tôn giáo được tạo lên để giải quyết tâm linh, nhưng Tam Kỳ Phổ Độ, Thầy phải trao cho chu hiền, cho dân tộc này một quyền pháp đạo để lập thành quyền pháp đạo thực thể thuần chánh để cứu thế.”²⁹

29. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Nam Thành Thánh thất, 01/01 Kỷ Dậu,

17/02/1969.

Lòng trung Đại Đạo

HUỆ NHỰT

CHỮ TRUNG

Chữ Trung 忠 gồm chữ Trung 中 đứng trên bộ Tâm 心. Theo Từ điển Hán Việt của Thiều Chửu: Trung là thật, hết lòng, hết bốn phận mình là trung.

Vua Nghiêu là bậc Thánh nhân. Ngài được Trời truyền đạo. Khi vua Nghiêu truyền đạo ấy cho vua Thuấn, ngài khuyên: Doãn chấp quyết Trung (Ra công gắng sức giữ nguyên lòng Trời).

Vua Thuấn nghiên ngẫm lời vua Nghiêu để tìm ra manh mối hai chữ “chấp trung”, đã nhận ra và truyền lại cho vua Vũ rằng:

Nhân tâm duy nguy
Đạo tâm duy vi
Duy tinh duy nhất
Doãn chấp quyết Trung.
(Kinh Thư)

Lòng người tức là phần hình khí riêng tư. Lòng đạo, lòng Trời tức là phần tính mệnh công chính; khảo sát cho tới tinh vi, giữ gìn cho đến chuyên nhất, thì lòng đạo, lòng Trời làm chủ mà lòng người sẽ vâng theo.

Có vậy, thì giữ trong lòng, hay làm ra việc, vẫn giữ được đạo Trung (中).

Chữ trung của người gồm chữ 中 đứng trên bộ 心 tức là mọi tâm tư tình cảm nơi lòng người giữ cho không thiên không lệch, ngay chính nghĩa là cái đạo trong lòng (chơn tâm) luôn sáng tỏ thì dù muôn ngàn gió mưa cát bụi, đặng đặng thời gian không gian, làm bất cứ việc gì cũng hết lòng tận tụy và không rời đạo lý.

Suy rộng ra, lòng trung đối xử với người thì là trung thực, tận tâm; làm việc gì cũng hết lòng trung nghĩa, đối với vua thì trung quân, với nước thì ái quốc hiếu dân,... làm gì cũng tận tụy, ngay chính, kiên trinh giữ khư khư cái Đạo.

Lòng trung Đại Đạo là dốc lòng thành thật làm hết bốn phận mình với Đại Đạo, luôn luôn tín thành

phụng sự lý tưởng của Đại Đạo. Để hiểu rõ hơn lòng trung Đại Đạo, chúng ta phải hiểu Đại Đạo là gì?

ĐẠI ĐẠO LÀ GÌ?

Ý nghĩa Đại Đạo trong phạm vi Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

Đại Đạo là con đường rộng lớn nhất mà mọi chúng sanh, mọi trình độ căn trí đều bước đi trên đó mà nâng cao phẩm vị của mình, quy hồi cựu vị.

Đại Đạo ở đây không phải nói về quy mô tôn giáo để rồi đạo Cao Đài tự đặt mình lên vị trí cao hơn hết, mà Đại Đạo ở đây là vượt lên trên mọi sự giới hạn, không thu hẹp, không đóng khung, không ranh giới.

Không ranh giới chỗ nào? Đại Đạo kêu tỏ lý đồng nguyên và quy nguyên. Nhìn lên Thiên Bàn, ta thấy Đại Đạo thờ ngôi Thiên Nhân là tượng trưng Chơn Thần của Vũ Trụ, là ngôi Nhất Nguyên Chủ Tế – Thái Cực Thánh Hoàng – lý Nhất nguyên. Kế đến hàng ngang là Tam Giáo Đạo: Nho, Thích, Đạo là Tam giáo đồng nguyên, từ Đại Đạo phát sinh Tam Giáo đạo. Vốn từ trước trong các thời Nhất kỳ và Nhị kỳ phổ độ, Thấy sai các sứ giả đến trần gian, tùy theo phong hoá, trình độ tiến hóa, giới hạn địa lý mà lập thành tôn giáo (Tam Giáo, mở rộng ra là

vạn giáo) để dẫn độ con người về chân, thiện, mỹ. Nhưng con người lại chấp vào các hình tướng, các phương tiện ấy mà phân cao biện thấp, chấp ta chấp người mà quên đi điểm đồng chung lớn nhất của mình. Đức Phật Thích Ca có nói Ngài chỉ là người chỉ trăng cho thiên hạ, nhưng thiên hạ không nhìn ánh trăng mà nhìn ngón tay của Ngài nên chấp tướng, chấp phương tiện mà quên đi cứu cánh là duy nhất, đồng nhất.

Ngày nay, nhân loại bước vào thời kỳ “Càn khôn dĩ tận thức”, năm châu chung chợ, bốn bể chung nhà thì sự gặp gỡ giao lưu của các dòng tư tưởng, văn hoá càng làm cho sự dị biệt đi đến cùng cực nếu không tìm thấy một nguyên lý chung nhất, phổ quát nhất. Nên Đại Đạo mới lập thành để nhân loại tìm thấy nguyên lý chung nhất ấy mà thành tín trước đức háo sanh của Tạo Hóa – đây là thời kỳ quy nguyên – Tam giáo Đạo trở về với Đại Đạo.

Theo hàng dọc từ trên xuống: Thiên Nhân – Nhất Nguyên chủ thể. Kế đến, Phật đạo, Tiên đạo, Thánh đạo, Thần đạo, Nhân đạo, là năm nấc thang tiến hoá của con người. Nhìn từ dưới lên là năm cấp bậc tu tiến về tâm hạnh của người tín đồ để trở về với Thượng Đế.

“Vốn từ trước Thấy lập ra Ngũ chi Đại Đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy

theo phong hoá của nhân loại mà gây Chánh giáo, là vì khi trước Càn vô đức khán, Khôn vô đức duyệt, thì Nhơn loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì Nhơn loại đã hiệp đồng. Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều đạo ấy mà Nhơn loại nghịch lẫn nhau: nên Thầy mới nhứt định quy nguyên phục nhứt.”¹

Như vậy, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hay đạo Cao Đài chỉ là một danh xưng tạm mượn mà nội hàm của nó mới làm cho nó tồn tại. Nội hàm chính là ý nghĩa tinh thần, tôn chỉ mục đích lập trường của Đại Đạo.

THỂ HIỆN LÒNG TRUNG ĐẠI ĐẠO LÀ NHƯ THẾ NÀO?

TRƯỚC HẾT LÀ PHẢI HIỂU ĐẠO VÀ HÀNH THEO ĐÚNG ĐƯỜNG LỐI CỦA ĐẠI ĐẠO

Đức Phật đã nói: *“Ai tin Ta mà không hiểu Ta tức phi báng Ta.”* Do đó, người tín đồ phải hiểu lý tưởng, đường lối vị mình chủ mà mình đã lựa chọn.

Đức Chí Tôn dạy: *“Thầy mong con biết Thầy, hiểu Đạo.”*²

“Nhưng Thầy là gì hỡi các con? Thầy cũng dư hiểu mỗi con lớn nhỏ đều định nghĩa được Thầy và biết rõ đặc tính của Thầy. Tuy nhiên, lắm

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, đàn ngày 13/3 Bình Dân, 24/4/1926.

2. Thiên Lý Đàn, 14/01 Bình Ngộ, 04/02/1966.

lúc sự hiểu biết bằng tri thức ấy đã phai mờ vì phạm tâm vọng ý của các con rồi hóa ra chẳng hiểu gì hết.

Nếu các con thật hiểu được Thầy, thật hiểu với Thầy như hơi thở của các con không bao giờ quên, thì chừng ấy mới mong bắt chước theo Thầy mà hành động.

Lâu nay nhiều con đã lắm lời tán tụng Thầy bằng bài thương yêu, rằng Thầy là Cha của sự thương yêu, bởi thương yêu mới dựng nên càn khôn thế giới. Nhưng có mấy con đi đúng lời ấy đâu!”³

Phải quán triệt tinh thần Đại Đạo, quán triệt tôn chỉ, mục đích và lập trường Đại Đạo: “Nếu các em chưa tìm hiểu lý tưởng mục đích cao cả của đạo Cao Đài, cũng như nếu không biết đặt lý tưởng mình dung hợp với đạo Cao Đài để xây dựng những gì cao cả, ích lợi thiết thực cho non sông Tổ Quốc, đạo lý và nhân loại, thì sự giữ đạo Cao Đài không ích lợi gì, chẳng khác nào các em giữ một món đồ cổ trong muôn vàn món đồ cổ khác...”⁴

Dốc hết lòng mà phụng hiến, thực hiện sứ mạng Đại Đạo mới là “hiếu Thầy trung Đạo”:

“Sơn hà bóng đã mờ mịt,
Bước chân Đại Đạo sắt son mỗi thời,
Đem thân dâng hiến cho đời,
Cứu người mê muội độ người đau thương.
Là con biết rõ vai tuồng,

3. Nam Thành Thánh thất, 01/01 Canh Tuất, 06/02/1970.

4. Đức Cao Triều Phát, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 08/7 Kỷ Dậu, 20/8/1969.

*Hiếu Thầy, trung Đạo làm gương sau này,
Nắng mưa mỗi lúc vẫn xoay,
Tâm con mỗi lúc đủ đầy đức công.”⁵*

LÒNG TRUNG ĐẠI ĐẠO LÀ THỂ HIỆN SỰ TÍN THÀNH TRONG VIỆC HÀNH ĐẠO, TÍN THÀNH PHỤNG HIẾN

Bởi nói đến trung là nói đến sự dốc hết lòng, hết bốn phận với vị “minh chủ” mà mình lựa chọn. Khi đã có tín thì mới tin theo, có thành thì mới một lòng một dạ không dời đổi, bất thoái chuyển. Tu là phải tu cho thật, không mượn đạo tạo đời. Không tu cho có lệ, tu tài tử, tu theo phong trào. Khi làm công quả thì phải làm với tâm chơn thật, vô tư, vô kỷ, vô công. Khi công phu thì phải hết lòng hiến dâng cho đạo pháp, lúc vào công phu thì dẹp hết chuyện đời, chỉ còn ta và đạo pháp, gọi là duy tinh duy nhất. Đạo Trung thật bàng bạc, hiểu được đã khó, làm được càng khó lắm thay! Nhưng chung quy cũng là sự tín thành. Khi đã có sự tín thành thì sẽ vượt qua mọi sự khải thí, tín thành cảm Thiên Địa.

5. Đức Chí Tôn, Nam Thành Thánh thất, 01/01 Canh Tuất,
06/02/1970.

TRUNG LÀ PHẢI TUÂN THEO ĐÚNG ĐƯỜNG LỐI, CHỦ TRƯỞNG CỦA ĐẠI ĐẠO (TÔN CHỈ - MỤC ĐÍCH - LẬP TRƯỜNG)

Luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, các tôn giáo bạn nằm trong vòng đạo lý: *“Người tín đồ Cao Đài luôn luôn tôn trọng các xu hướng tín ngưỡng, đem tình thương hòa đồng khắp cả mọi giới, đem thiện cảm gieo rắc mọi nơi, để người người đều nhìn nhận cái lý duy nhất là cứu thế qua khỏi cơ tận diệt, hầu xây dựng hòa bình hạnh phúc nhân loại dưới ngưỡng cửa Đài Cao.”*⁶

Nghiên cứu, sưu tầm, tổng hợp tinh hoa giáo lý Tam Giáo, các triết lý Đông Tây kim cổ để làm sáng tỏ giáo lý Cao Đài, để tìm ra được tiếng nói chung của các tôn giáo. Giao lưu học hỏi, khiêm tốn hạ mình hầu gieo tư tưởng đại đồng làm sáng danh Thầy danh Đạo.

Đối với các chi phái trong Đại Đạo: Khi đã hiểu được chủ trương, đường lối, lập trường của Đại Đạo, thì sự hình thành 12 chi phái trong Tam Kỳ Phổ Độ là một sự tất yếu để mở rộng cơ tận

6. Đức Ngồi Hai Giáo Chủ Ngô Minh Chiêu, Nam Thành Thánh Thất, 13/02 Bính Ngọ, 04/3/1966.

độ thâm hồi 92 ức nguyên nhân đã phân tánh giáng sanh quy hồi cựu vị, tùy theo duyên nghiệp, trình độ và đại nguyện nơi Bạch Ngọc Kinh mà phát hóa vào các chi phái tu hành lập công bồi đức. Lòng trung là trung với Đại Đạo chứ không phải trung với một chi phái này mà kỳ thị chi phái khác. Phải rút tĩa những tinh hoa của các nơi để áp dụng thích hợp với sở tại trong tinh thần phá chấp, cầu thị. Nếu còn bất cứ một sự chia rẽ nào đó là đi ngược lại với đường lối “*Tam Giáo Quy Nguyên – Ngũ Chi Phục Nhất*” với mục đích “*Thế đạo Đại Đồng, Thiên Đạo giải thoát*” của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Đường lối ấy, chủ trương ấy, trong nội bộ đạo Cao Đài mà còn chưa thông suốt thì làm sao đem chủ thuyết đại đồng gieo rải khắp năm châu bốn bể, làm sao đưa đạo Cao Đài trở thành một thực thể Đạo cứu thế được, há chẳng phải là bất trung với Đạo, bất hiếu với Thầy hay sao?

*“Người vãn tưởng Cao Đài tôn giáo,
Nào hay đâu Đại Đạo hoằng dương,
Gồm râu trăm nẻo ngàn đường,
Tam ngươn chuyển thế định phương phục hoàn.”*

Nếu những người tín hữu Cao Đài không tự mình thoát ra khỏi vỏ bọc tôn giáo để ngược nhìn lên bầu trời cao rộng thì làm sao xứng đáng ở trong ngôi nhà Đại Đạo bao la của Đức

7. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Trúc Lâm Thánh Đức Thiên Điện, 07/3 Giáp Dần,

30/3/1974.

Thượng Đế. Nếu chỉ đóng khung trong chi chi pái pái thì sự thành lập đạo Cao Đài có gì ưu việt hơn muôn ngàn tôn giáo đã có! “*Nguyên thì con người không tự có tôn giáo và không ý niệm gì về tôn giáo, vì tự trong sâu thẳm của con người đã có cả một nguồn sinh tồn vĩ đại bất biến về Đạo. Tôn giáo chỉ xuất hiện ngay nét mặt sẫm tối màu địa ngục của thế gian. Do cuộc chuyển hướng quan trọng của loài người, ý niệm về tôn giáo con người kết thành từ đó, và cũng từ đó những tai họa nổi lên cùng lúc như bão táp làm mặt nước đại dương bị thu hẹp vì những lượn ba đào liên tiếp. Các bậc chơn tu đứng ra kêu gọi con người quay về nhận lấy nguồn sống tôn giáo để không sa đọa thì thử hỏi quá trình phổ độ tôn giáo đã cứu vãn bao nhiêu phần như loại, tất nhiên là vô biên so với pháp môn vô lượng. Tuy thế, con người vẫn còn quay quần trong núi sân si sát hại, thì sứ mạng tôn giáo vẫn phải tích cực độ đời.*”⁸

TẠM KẾT

Lòng trung Đại Đạo là làm sáng tỏ chủ thuyết Đại Đồng của nhân loại, cùng nhìn nhau với tinh thần huynh đệ, máu chảy ruột mềm. Hết lòng thực hiện sứ mạng Đại Đạo, tận tụy phổ thông, say sưa truyền bá hầu tận độ chúng sanh, có như thế thì người tín đồ mới thể hiện lòng trung trọn vẹn. Hiến dâng Thiên mạng là hành động thể hiện lòng trung tuyệt đối với Đại

8. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh thất Bình Hòa, 08/4 Canh Tuất, 12/5/1970.



Minh họa: Cọ Trắng

Đạo. Hiến dâng Thiên mạng chứ không phải sinh mạng. Xưa nay, người ta thường nhắc đến việc thể hiện lòng trung qua sự hy sinh mạng sống vì người mình yêu thương, vì lý tưởng mình theo đuổi chứ ít khi nhắc đến sự hy sinh Thiên mạng. Hy sinh mạng sống của bản thân quả là khó nhưng xét cho cùng chọn cái chết để bảo toàn hạnh đạo vẫn là dễ dàng hơn chọn cái sống để giữ vẹn đạo mạch, mà sự sống oan ức của Quan Âm Thị Kính là một tấm gương điển hình. Đó là lúc ta hiểu được Thiên mạng của mình, không phải là sự sống chết của bản thân mà là vấn đề thịnh suy của Đại Đạo, tức là trải thân hành đạo, thực hiện sứ mạng Đại Đạo. Chữ Trung bàng bạc, thâm sâu khó lường, nhưng chung quy nằm ở sự minh triết tự thân và sự hết lòng thành tín vậy.

Nội tu và ngoại tu

LÝ TÂM THIÊN

TU HỌC

Tu là sửa. Sửa từ sai thành đúng, từ xấu thành tốt... Cao hơn nữa, sửa đổi phàm nhân thành thánh nhân. Nếu giang sơn luôn cần tu chính; thành quách vài ba năm phải được tu bồi, nhà cửa ở năm mươi năm cần có sửa chữa đại tu, thì thân người, trí ta, thân ta, cũng cần được rèn giũa, trau luyện để nên chân, thiện, mỹ! Nhưng trước khi có cái ban đầu, để có thể sửa chữa, TU trước tiên phải gắn liền với HỌC.

Thuở nhỏ, mỗi người trong chúng ta đã bắt đầu học với sự dạy dỗ của gia đình về lời ăn, tiếng nói; sự giáo dục từ nhà trường về học vấn, đạo đức, văn chương, toán, sử... Đó là những bước đầu tiên, để con người hòa nhập với sự phát triển xã hội, và tạo dựng

những kỹ năng làm người. Học vừa là trường dưỡng, trong là trí, ý, tư duy...; ngoài là thân thái, tác phong. Học giúp ý thức về cách ăn, lối ở, hiểu biết về cách giữ gìn sức khỏe, để bề ngoài thân thể khang kiện, thần lực minh sáng. Học, còn giúp tăng cường lòng tự tin, sức khỏe để đẩy lùi giặc ngoại xâm, từ tế vi như con virus, vi trùng, đến tầm vĩ mô như giữ gìn biên cương cho quốc gia, dân tộc.

Nguyễn Hiền (1234–1255) vốn quê làng Hà Dương (tỉnh Nam Định). Ông thi đỗ trạng nguyên khi mới 13 tuổi, trở thành trạng nguyên trẻ nhất trong lịch sử khoa cử Việt Nam tại khoa thi tháng 2 năm Thiên Ứng Chính Bình thứ 16 (1247) thời vua Trần Thái Tông. Tại lễ triều kiến các vị tân khoa, vua Trần Thái Tông thấy trạng quá nhỏ, bèn cho trạng về quê, hẹn ba năm sau sẽ cho vào triều phong quan. Được ít lâu, sứ thần Trung Hoa sang An Nam đem theo một bài thơ, thách giải nghĩa: “Lưỡng nhật bình đầu nhật, tứ sơn diên đảo sơn, lưỡng vương tranh nhất quốc, tứ khẩu tung hoành gian.” Vua quan trong triều không ai hiểu bài tứ tuyệt này muốn nói điều gì, mà thi cú như đang diệu võ dương oai. Một viên quan tâu với vua xin mời trạng nguyên Nguyễn Hiền (mà vua cho là bé đang ở nhà để rèn luyện thêm) đến để giải nghĩa.

Các quan về quê mời gặp lúc Nguyễn Hiền đang

nô đùa với chúng bạn, Nguyễn Hiền nói với các quan:

– Trước đây vua nói ta chưa biết lễ, thì nay chính vua cũng không biết lễ. Không ai đi mời trạng nguyên về kinh lại không có lễ nghĩa.

Quan về tâu lại với vua, rồi đem đồ lễ và xe ngựa đến đón, Nguyễn Hiền mới chịu về kinh.

Về đến kinh đô, vua đưa bài thơ của sứ Tàu ra, trạng Hiền liền giải thích như sau:

Câu thứ nhất nghĩa là hai chữ “nhật” (日) đều bằng đầu nhau. Câu thứ hai “Tứ sơn diên đảo sơn” là 4 chữ “sơn” (山), đảo ngược đảo xuôi cũng đều là chữ “sơn” cả. Câu thứ ba “Lưỡng vương tranh nhất quốc”, nghĩa là chữ “vương” (王) hai vua tranh một nước. Câu thứ tư “Tứ khẩu tung hoành gian”, có nghĩa là 4 chữ “khẩu”(口) ngang dọc cũng đều thành chữ “khẩu” cả. Tóm lại tất cả 4 câu thơ chỉ nói đến chữ “Điền”(田). (Đây là thâm ý muốn xâm chiếm đất Việt).

Khi giải được nghĩa, chúng tỏ được nhà Trần không thiếu nhân tài, nên lúc đó Nguyễn Hiền cũng góp phần quan trọng ngăn chặn can qua. Tiếc là ông mất sớm, hưởng dương chỉ hai mươi một tuổi.

Trong giới tôn giáo, việc tu và việc học phải song hành như lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

“Học mà không tu như đọc thuộc lòng một bản thực đơn

mà không thực phẩm; Còn tu mà không học ví như người mù đi đêm. Học tu, tu học phải đi đôi.”¹ Và:

“Tu học rất cần thiết cho mỗi con người, nhất là người của tôn giáo (...). Thế nên thánh hiền xưa, đến phút cuối cùng rời xa nhục thể vẫn còn thiết tha tu học...”²

Xin mượn lời của Vương Dương Minh để đúc kết cho hai chữ tu học: “Học, là để tìm lại được lương tâm; Tu, là để sống theo đúng lương tâm.”

Các tôn giáo đều khởi nguyên từ việc nội tu của đấng Giáo Chủ, rồi tùy căn cơ của môn đệ mà giáo huấn về nội tu hoặc ngoại tu. Chúng ta sẽ mở cánh cửa tu học, và ghé thăm hai căn phòng của cùng một thánh thất: nội tu và ngoại tu

NỘI TU

Nội, có thể hiểu là bên trong của từng cá nhân, tu trong nội bộ từng thánh thất, chùa chiền; Trong từng tổ chức tôn giáo với giáo điều giáo lý khác nhau.

Trước tiên là tu với chính tự thân, tự tâm của mình. Phương tu Cao Đài gồm công quả, công trình, công phu. Mỗi một công đều có giá trị riêng và bổ sung cho nhau, không thể coi nhẹ công nào cả. Công phu là tâm pháp, con đường nội tu, đường chơn đạo, còn

1. Ngọc Chiếu Đàn, 05/01 Ất Tỵ, 06/02/1965.

2. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/4 Đinh Tỵ.

gọi là hành đạo bên trong, học và hành Kinh Vô Tự.

Rồi đến tu trong nội bộ từng thánh thất, chùa chiền, nhà thờ, thánh sở theo từng tôn giáo với giáo điều giáo lý khác nhau...

Nhờ nội tu mà có đủ tâm, hạnh, đức để “đem Đạo vào đời”, ngược lại không “hòa quang hống tục” được mà còn bị “người chết trôi lơ người chết đuối”, cùng chìm trôi trong khổ hải.

NỘI THÂN

Ý thức nội tu

Thầy dạy: “Tu là bồi bổ tinh, khí, thần cho đầy đủ, đức tánh cho hoàn toàn, bỏ nhờn đục tâm đường Thiên lý thuận mạng, giữ thanh tịnh ôn hòa. Chỗ nào sút mẻ, hư hao thì tô bồi cho đầy đủ.”³

Vũ trụ quan Cao Đài quan niệm: “Trời có ba báu là Nhật, Nguyệt, Tinh; hay là tam nguyên, thượng, trung, hạ; Đất có ba báu là Thủy, Hỏa, Phong; Người có ba báu là Tinh, Khí Thần. Trời có ba báu ấy mà dưỡng dục muôn loài, hóa sanh vạn vật, luân chuyển càn khôn, chia ra ngày đêm, sáng tối. Đất nhờ ba báu đó mà phong vũ điều hòa, cỏ cây tươi nhuận, phân ra thời tiết: Xuân, hạ, thu, đông; Người nhờ ba báu đó mà tạo Tiên tác Phật.”⁴

Đây cũng là căn bản của nhân sinh quan Cao Đài về phần tu bên trong. “THÂN ở trong mình con người, như vị để vương cai quản

3. Đại Thừa Chơn Giáo, 03/8 Bính Tý, 18/9/1936.

4. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, 28/8 Bính Tý, 13/10/1936.

*một quốc gia, KHÍ như chừ hầu, bá tước. TINH như con dân.*⁵

Các cấp nội tu

Nuôi hỗn: hình thức đơn giản nhất của tâm pháp là cúng tứ thời.

Đức Mẹ dạy: *“Tứ thời luyện giữ cao minh, Nuôi hỗn theo nhịp câu kinh tiếng đàn.”*⁶

Các lớp cao đi vào việc luyện hỗn (tinh, khí, thân...) để thoát vòng luân hồi sinh tử. *“THẦN ở trong mình con người, như vị đế vương cai quản một quốc gia, KHÍ như chừ hầu, bá tước. TINH như con dân.”*⁷

Công thức trì nội tu

a. Đoạn tình thức, vọng động để giữ tâm thanh tịnh, cũng là Thiên Địa chi tâm.

“Công phu ấy thượng thừa tâm pháp

Trị bệnh đời đa tạp biến sanh

Tâm con đồng mãnh chí thành

Đào sâu gốc rễ ngọn ngành còn đâu.

Tình thức đoạn, não sâu cũng đoạn

Vọng trần không, bệnh hoạn cũng không

Quy về một chủ như ông

5. Đức Chí Tôn, Đại Thừa Chơn Giáo, 28/8 Bính Tý, 13/10/1936.

6. Hội Thánh Trung Ương Tam Quan Trung Việt, Tiểu Thừa Chơn Giáo (bài thứ 3).

7. Ibid.

Thanh thanh tịnh tịnh ngoài trong vẹn toàn.”⁸

b. Khắc kỷ thuận Thiên.

Thân thể người hay mệt mỏi, trí não có lúc biếng lười. Nếu hành giả không vượt qua bạc nhược của thân thể, trì trệ của tâm trí, thì khoảng cách với Thích Ca trên đường tâm đạo còn xa diệu vợi. Từng thời, từng ngày tu, phải là một cuộc chiến không ngừng nghỉ. Như ngày xưa, khi còn bận bịu cuộc sinh tồn giữa hoang dã, ngọn lửa cũng là sự sống. Lửa thiền để giữ Tiên đơn, cũng nên xem như ngọn lửa sinh tồn.

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy: “... *một số tịnh viên ham học mà chưa ham tu nên còn trễ biếng hời hợt, chưa biết quý tánh mạng như quý sự sống còn hay kim ngân vật chất.*”⁹

Đại vận của trời đất một năm là bốn mùa xuân, hạ, thu, đông; tiểu vận mỗi ngày trong 4 thời: Tý, Ngọ, Mão, Dậu. Mỗi năm có 4 mùa tu, mỗi ngày có 4 thời tịnh để giúp cho hành giả làm cho thời của người hợp với thời của trời. Ngoài ra mỗi tháng còn ngày thượng huyền.

c. Bền chí thành trên đường dài luyện đạo.

Tâm chí thành, hạnh chơn tu là điều kiện tiên quyết cho ai muốn làm đệ tử của Thần Tiên, cũng là điều kiện bảo chứng cho hành giả đi trọn đường tu cho đến thành công.

8. Đức Diêu Trì Kim Mẫu, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14/8 Nhâm Tuất, 30/9/1982.

9. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29/8 Quý Hợi, 05/10/1983.

Bén bờ, cứu cánh của Nội Tu

a. Dưỡng sanh và thông công.

Phép trường sanh bất lão, từ xưa tới ngày nay, vẫn mãi là giấc mộng của loài người. Dù là các bậc vua chúa ngày trước, vẫn không diễm phúc bằng người học đạo, khi phép trường sanh hiển bày trên trang kinh như lời Đức Lý Giáo Tông dạy: “*Thiênng Liêng dạy chu hiển nhập tịnh là để ngăn ngừa sự vọng động nội tâm và để cho lòng được ổn định thanh tịnh, trước là dưỡng sinh, sau là thông công cùng thượng giới.*”¹⁰

b. Dứt nghiệp trần, thoát ra vạn dặm luân hồi.

Sinh lão bệnh tử, ta nghe rất thường. Nhưng chiêm nghiệm sâu sắc, có khi phải nếm trải mới tận hiểu tột cùng nỗi phiền não kiếp người. Cho nên, Đức Thích Ca khi thành đạo, mới gọi là sự giải thoát. Đức Mẹ dạy: “*Công phu, phương pháp bảo trì, cho con nên đạo thoát đi nghiệp trần.*”¹¹

NỘI TU TRONG NỘI BỘ TỪNG THÁNH THẤT, CŨNG NHƯ CHUNG TRONG TÔN GIÁO CAO ĐÀI

Ý thức chung

Xây dựng, tu bổ các thánh thất thánh tịnh, đoàn kết quy hợp các chi phái trong nội bộ Cao Đài, hòa ái thương yêu và xây dựng tổ

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 22/4 Nhâm Tý, 03/6/1972.

11. Vinh Nguyên Tự, 11/11 Bính Thìn, 31/12/1976.

chức, hệ thống tiếp nối trong từng thánh sở, có thể xem như là một phần quan trọng của NỘI TU. Để duy tu trong nội bộ Cao Đài nói chung và nội bộ từng thánh sở nói riêng, lời dạy của Đức Quang Đức Chơn Tiên là kim chỉ nam:

“Trong hoạt động đạo sự, chu hiền hầy cố gắng, không thể thiếu ba điều mấu chốt, đó là quyền pháp, minh triết, công năng đại định.”

Quyền là tình thương, pháp là sự sống. Trên dưới lấy lễ đãi nhau, dựa trên nền tảng thương yêu tôn kính bạn đạo để cùng chèo thuyền sứ mạng, đồng thời, *“phải sáng suốt tế nhị, đừng nên hăng say giẫm chân lên việc làm của kẻ khác...”*¹²

Minh triết chỉ được khơi nguồn từ công phu. Công năng đại định là sức mạnh của nội lực để an trú thân tâm, hóa giải bất đồng, nên Đức Quang Đức Chơn Tiên dạy: *“Thiếu công năng đại định thì không thể hiện đạo hạnh thanh cao của người tu, làm cho khảo đảo không yên trong tập thể.”*

Đức Hiền Thế Đạo Nhơn ban cho một cầm nang, để mỗi hành giả thực hiện được nội tu trong đơn vị của mình, để phần nào giúp Cao Đài tỏa sáng dưới lăng kính của các tôn giáo bạn:

“... trong địa phận chùa thất, dầu gặp cảnh ngộ nào có trái tai gai mắt hoặc không hài lòng, cũng phải cố nén lòng phần nộ hạ đẳng, tìm lời dịu dàng có lẽ độ để minh xác biện hộ, hoặc xử sự với nhau cho thích hợp với hoàn cảnh. Như vậy mới hơn người thế gian. (...) đến chùa thất là phải tạm dẹp tất cả những khí tiết ngôn ngữ tầm thường hạ

12. Đức Lý Giáo Tông, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/7 Đinh Tỵ,

29/8/1977.

đăng để trở nên người đạo đức thanh cao.”¹³

Cùng tập thể để dệt tấm lưới thiêng, độ rỗi vạn sanh

Đức Giáo Tông Vô Vi dạy: “Về khóa tịnh kỳ dài hạn 9 ngày, chư đệ muội có biết mình là những Thiên Thân đang dệt tấm lưới thiêng đó chăng? Đây là cơ hội mà Đức Lão Tổ đã dành cho chư đệ muội để làm đầu mối tự độ, độ tha.”¹⁴

Nội tu là con đường thống nhất Cao Đài, hồng khai Đại Đạo

Năm 1970, ngay khi khánh thành Thánh đường Quảng Tín, Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Tổng Lý Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài dạy:

“Giờ đây Thánh đường ngoại giới đã an bài, toàn đạo hãy quay về xây dựng Thánh đường nội tâm. Bởi nơi ấy Thầy hằng ngự và bốn phương dễ dàng chung về. Hãy cố gắng xây dựng Thánh đường nội tâm được chắc chắn, thêm uy nghi xán lạn. Thánh đường nội tâm mới là nhà chung chi phái, là kỳ đài cờ Đạo trường cao vậy.”¹⁵

NGOẠI TU

MỤC ĐÍCH, LẬP TRƯỜNG VÀ ĐỊNH HƯỚNG CỦA NGOẠI TU

13. Ngọc Minh Đài, 23/12 Kỷ Dậu, 30/01/1970.

14. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01/12 Bính Dần, 31/12/1986).

15. Tinh Đạo Quảng Tín, 11/7 Canh Tuất, 12/8/1970.

Người môn đệ Cao Đài thực hành ngoại tu trên lập trường “Thiên nhân hiệp nhất”, “Thuần chơn vô ngã”, quân bình “nhân sinh và tâm linh” với tinh thần nhập thế “tích cực”.

*“Hành đạo đâu phải chỉ đóng khung trong thánh thất, thánh đường, chùa chiền, am tự. Hành đạo là xây dựng cả một thể hệ và những thể hệ tiếp nối mãi mãi. Hành đạo là gieo giống lành cho đất nước, cho dân tộc đó vậy.”*¹⁶

Ngoại tu là cách tu thể hiện ra bên ngoài thân: cử chỉ, lời nói, hạnh đức; cách thể hiện cụ thể tinh thần ái chia sẻ với nhơn sanh, bạn đạo; là cách giao tiếp hòa ái với tôn giáo bạn; là cách tôn trọng và tuân thủ những quy định pháp lý, nối bàn tay với chính quyền để xây dựng xã hội văn minh, tươi đẹp.

Trên đường ngoại tu, tín đồ Cao Đài luôn sắt son một lập trường nhất quán:

+ Thuần chơn vô ngã, để hiệp nhất với Trời.

+ Quân bình nhân sinh và tâm linh.

Như lời dạy của Đức Quan Âm Bồ Tát:

*“... phải đem lại sự quân bình cho cả hai, tâm linh và nhơn sanh. Có được sự quân bình ấy, thế giới này mới hòa bình, nhơn loại mới an vui thịnh trị.”*¹⁷

+ Nhập thế tích cực: “Đời toan tách rời đạo, đạo bắt buộc phải đi vào đời. Đời đã xa đạo, đạo phải tha thiết kêu gọi người đời. Ngọn

16. Đức Minh Đức Đạo Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 10/02

Nhâm Tý, 24/3/1972.

17. Chơn Lý Đàn, 01/4 Nhuận Giáp Dần, 22/5/1974.

*đuốc thiêng không bao giờ đốt lên khi trời quang đãng, mà chính phải dùng trong đêm tối âm u.*¹⁸

NGOẠI THÂN

Đối với bản thân

Một ngày đã xưa, khi tôn giả A Na Luật từ tịnh xá Kỳ Viên đến nước Kiều Tát La. Đường dài vắng vẻ, lại gặp cơn mưa lớn, A Na Luật dừng chân trước một trang viên, xin tá túc qua đêm. Khi bước vào nhà, tôn giả mới biết gia chủ đi vắng, chỉ có một thiếu nữ trong nhà. Biết là bất tiện, nhưng ngoài trời, cơn mưa đang dần thêm nặng hạt. “Vũ vô kềm tỏa năng lưu khách”, A Na Luật đành phải xin ở lại qua đêm... Thiếu nữ đối với tôn giả rất mực ân cần, rót trà mời nước, hỏi chuyện gần xa... Trả lời gắng gượng, rồi A Na Luật nhất mực tọa thiền, một lòng niệm Phật... Nửa đêm, trời vẫn mưa, sương lạnh làm gợn sóng ái tình, xôn xao lòng thiếu nữ, nàng mạnh dạn tỏ tình, nắm tay tôn giả... A Na Luật rụt tay, sắc vốn ẩn chứa ba đào, nhưng không lay động được thuyên Bát Nhã, tôn giả ôn tồn khuyên:

– Tình ái nam nữ trên thế gian là thường tình của nhân gian, tôi là người xuất gia, đã rời xa sông ái, nơi chứa đủ thứ phiền não, thị phi. Lửa tình sẽ đốt rụi cõi Bồ Đề, vùi chôn tâm chánh niệm, xin

18. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 09/01 Mậu Thân, 07/02/1968.

nữ thí chủ giữ gìn khoảng cách...

Ngoại tu, là thể hiện ra ngoài, từ ngôn từ lời nói, đến hành vi cử chỉ. Nên kinh xưa có câu: “Ngôn giáo không bằng thân giáo”. Một lời nói đạo đức hoa mỹ không thể hơn được những hành động thiết thực, một việc làm đúng mực thương yêu, vượt qua cơn khảo thí như tôn giả A Na Luật. Thánh giáo Cao Đài, có lời dạy của Đức vạn Hạnh Thiên Sư:

*“Đạo tuy định nghĩa khắp muôn phương
Căn bản làm đầu một chữ thương...”*¹⁹

Nội tu, cũng là ngoại tu, luôn song hành để bề ngoài không cần gắng gượng, giữa thặng trầm thế cuộc vẫn tỏa hương thơm, sáng đức tâm, soi cho bóng tối trần gian:

*“Tâm linh phải trong sạch sáng suốt và bình đẳng như nhiên, ngõ hầu thể hiện thái độ hành vi hoàn toàn đạo đức. Nói những lời nói, làm những việc làm đều có thể xem như khuôn vàng thước ngọc cho mọi người cảm hóa noi theo mà không cần một lời quỵến rũ.”*²⁰

Diện mạo của Thánh nhơn, không thể giả bộ hay đóng kịch mà có. Dáng vẻ thuần hậu, dễ mến, phong cách khiêm cung, hòa ái, thuần thành, là bước tu chứng ban đầu, cũng là điều kiện cần để bước sang con đường đem đạo – những chiếc bánh không phải là bánh vẽ – đến tận tay nhơn sanh, như lời dạy của Đức Lý Giáo Tông:

“Mỗi chư hiền đệ muội phải thể hiện một tấm gương đạo đức; nhưn

19. Minh Lý Thánh Hội, 04/9 Quý Sửu, 29/9/1973.

20. Đức Lê Văn Duyệt, Ngọc Minh Đài, 09/5 Tân Hợi, 02/6/1971.

sanh nhìn vào cảm phục, yêu mến và vâng lời.”²¹

Tu chứng, là để hoàn thành sứ mạng và niềm vui giúp cho nhiều người hiểu đạo, góp một tay cho lời nguyện cầu “thiên hạ thái bình”.

“Người tu chứng tâm đức sẽ hiển lộ, suốt thấu tất cả sự vật chung quanh mà lòng như dòng nước mát, không ngăn cách phân biệt thấp cao, sang hèn, thanh trước. Tận độ với một lòng bác ái vô biên.”²²

Riêng phần ngoại tu cho thân, hiện nay chúng tôi nhận thấy các tín đồ Cao Đài còn thiếu sót trong phần ngoại công để giữ thân thể khỏe mạnh cường tráng. Lo nội quên ngoại, đến khi con bệnh trầm kha ghé về, ta đâu còn sức để mà luyện thân hiệp khí, trường dưỡng Tiên đơn. Nên xin đừng quên lời Thầy hằng nhắc nhở:

“Các con phải biết rằng, hễ muốn cho chơn thần đặng tinh khiết, thì phải giữ thân thể cho tráng cường, Muốn dưỡng phần hồn tất phải nuôi phần xác. Bởi thế, các con chẳng nên trọng vô mà bỏ HỮU, hay trọng Hữu bỏ Vô. Hữu, Vô phải nương núp với nhau cho mật thiết mới được. Phép tu phải đừng ép xác hủy mình, vì hễ xác phàm mà đặng khương kiện thì linh hồn mới đặng thông huyền.”²³

Đối với gia đình

Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “*Trước tự tu cho bản thân, kế đó sẽ diu*

21. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 17/02 Đinh Sửu, 25/3/1997.

22. Đức Minh Chiếu Đại Tiên, Minh Đức tu viện, 01/02 Tân Dậu, 06/3/1981.

23. Đại Thừa Chơn Giáo, 18/9 Bính Tý, 01/11/1936.

dẫn gia đình quyến thuộc cùng những người lân cận cũng đồng bước theo đường lối đó. Trước để tỏ ra xứng đáng bậc hiền nhân quân tử; sau nếu có khả năng, có phương tiện sẽ hợp tác cùng bạn lành, làm một sứ mạng cao cả phổ độ quảng đại chúng sanh đi theo đường chánh đạo.”²⁴

Đối với đồng đạo

Đức Tiếp Văn Pháp Quân dạy: “Thánh đền là nơi ban Quyển Pháp Đạo, là nơi chung hiệp của nhơn sanh, là nơi Thiêng Liêng ngự trị dạy dỗ, là nơi cứu vớt đấm linh căn, là nơi bày phỏ Chơn lý, là nơi giao tiếp giữa Thiên Nhơn, là trường tiến hóa chứng phẩm của người tu.”²⁵

Đối với đồng bào, nước non dân tộc

a. Phục hưng tinh thần truyền thống của dân tộc.

Đức Trần Hưng Đạo dạy: “Sứ mạng trọng đại của Đại Đạo. Phục hưng tinh thần truyền thống cổ truyền của dân tộc dính liền với sự phục hưng văn minh nhân loại để xây dựng một ngươn hội thái bình vĩnh cửu cho muôn người, tạo lập một thiên đàng cực lạc tại thế.”²⁶

b. Rạng ngời nòi giống Lạc Hồng, vẻ vang thánh địa Việt Nam.

24. Chơn Lý Đản, 23/12 Ất Tỵ, 14/01/1966.

25. Trung Hưng Bửu Tòa, 29/01 ĐĐ 31, Bình Thân, 11/3/1956.

26. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Thánh Giáo Sứ Tập 1965, NXB Tôn Giáo, 2010, tr.118.

Đối với nhân loại: sứ mạng Quyển Pháp

Người môn đệ Cao Đài thực hành ngoại tu sau khi tu tiến hoàn thành Nhơn đạo, Thần đạo thì mở rộng tâm linh đến Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo để có ngày giương cao ngọn đuốc Trời, chỉ lộ cho cả nhân loại.

Đức Mẹ dạy:

“Đạo mẫu huyền nhiệm lắm con ơi

Chúng quả rồi con sẽ độ đời...”²⁷

Khi đã nếm một quả ngon ngọt, hay nghe được khúc nhạc hay, ta còn muốn đem chia sẻ cho thật nhiều bạn bè, người thân. Nên khi bén được vị Đạo siêu thoát, hiểu được đường thiên thanh cao, giúp thân bất lão, tâm bình an, linh hồn thoát xiềng sinh tử, sao ta có thể không ước ao được chia miếng bánh quý báu ấy cho thật nhiều người. Đó là tình thương, mà cũng là sứ mạng.

“Chu hiền đệ muội đừng bao giờ có ý nghĩ này: Vào đạo để độ thiện kỳ thân. Đóng cửa tự luyện phép mầu để chấp cánh bay bổng cung Tiên, hoặc vào hang sâu rừng thẳm tịnh luyện nội ngoại công phu để làm tướng trời đẹp loạn. Nếu trong khi đó, quốc gia mất chủ quyền, non nước suy vi, cửa nhà tan nát, xóm làng tan hoang, dân tộc nô lệ, thì sự tu ấy không có ý nghĩa gì hết.”²⁸

Truyền Đạo, hay là chia sẻ cõi an bình mà hành giả phân nào đã được nếm trải, như chút khe rừng suối nhỏ, hòa chung thành

27. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/4 Kỷ Mùi, 10/5/1979.

28. Đức Quan Thánh Đế Quân, Nam Thành thánh thất, 15/02 Kỷ Dậu, 01/4/1969.

dòng sông yêu thương của tín đồ khắp nơi, của các tôn giáo đông tây, để tưới mát cho lòng nhân loại. Trong một lần giảng cơ qua cơ bút Cao Đài, Đức Chúa Giê-su đã trải tấm lòng Trời Đất:

*“Ta đã đến với nhơn sinh trong đau khổ lạnh lùng, đem thân mình hòa đồng trong băng tuyết, trong gió rít đêm đông. Có người bảo chú hiền: Không vào tận hang cọp làm sao bắt được hùm con. Ta lại nói: Chỉ có đem mình vào bể khổ mới cứu vớt sự đắm chìm của nhân loại.”*²⁹

NÓI SỢI DÂY HÒA ÁI TƯƠNG GIAO VỚI CÁC TÔN GIÁO BẠN, HƯỚNG TỚI VIỆC NHẬN RA VẠN GIÁO NHƯ ANH EM ĐỒNG MỘT CỘI

Theo chúng tôi, đây là phần ngoại tu quan trọng và thật cần thiết trong thời điểm thế giới xảy ra bao cuộc thảm sát tương tàn mượn danh tôn giáo, ngộ nhận sự khác biệt tôn giáo. Đây cũng là sứ mạng mang tính thời đại của Cao Đài, để giúp nhân loại từ khắp nơi trên thế giới, nhận ra các tôn giáo dù đông hay tây, xưa hay nay, chỉ là những cánh cửa khác nhau để cùng vào một chỗ duy nhất: TÌNH THƯƠNG, SỰ SỐNG, VÀ CHÂN LÝ. Tất cả gom trong một từ ĐẠO.

Thánh ngôn Đức Lê Đại Tiên có lời:

“Rũ hết cần đai chốn bụi hồng

Anh linh soi sáng cửa huyền không

29. Thánh thất Bàu Sen, 23/11 Đinh Mùi, 24/12/1967.

Tình dân tộc đối tình nhân loại

Nghĩa nước non ra nghĩa đại đồng.”³⁰

Giáo sư Archie J. Bahm (1907–1996), giáo sư giảng dạy triết học và tôn giáo đối chiếu tại Viện Đại Học New Mexico phát biểu:

“Các tôn giáo trên thế giới sẽ có xu thế hướng về một nền tôn giáo toàn cầu (...) thực chất, nền tôn giáo đó là nền đạo duy nhất. Tôn giáo đó vượt hẳn các tôn giáo khác chỉ vì bản thân tôn giáo đó chứa đựng tinh hoa của các tôn giáo khác.”³¹

Trong Nói Chuyện Cao Đài³², tác giả Đơn Tâm viết:

“Mặc dù hình thức tôn giáo khác nhau, kinh kệ nghi lễ khác nhau, các tôn giáo sẽ cùng nhau hết sức phát huy những mặt khả cứu độ của Đấng Tối Cao (...); các tôn giáo chung hướng về khổ nạn của nhân sanh, về suy đồi của đạo đức xã hội (...); các tôn giáo hiệp nhất tình thương, thống nhất hành động, lấy nhơn hòa làm cứu cánh.”

Khi nói về tôn giáo của tương lai, Albert Einstein đã phát biểu rằng: “Tôn giáo của tương lai sẽ là một tôn giáo hoàn vũ. Tôn giáo ấy vượt khỏi một Thượng Đế cục bộ, tránh xa những giáo điều và thần học, bao gồm cả thiên nhiên, vật lý và tâm linh...”

Đây cũng là quy luật muôn đời của Tạo Hóa, như lời dạy của

30. Ngọc Minh Đài, 15/7 Bính Ngọ, 30/8/1966.

31. Dẫn theo Lê Anh Dũng, Lịch Sử Đạo Cao Đài Thời Kỳ Tiếm Ẩn 1920–1926, NXB Thuận Hóa, 1996, tr.20–21.

32. NXB Tôn Giáo, Hà Nội: 2012, tr.10.

Đức Di Lạc Thiên Tôn:

*“Tuy chia ra nhiều tôn giáo, nhiều hình thức, kỳ trung ‘Nhứt bốn tán vạn thù, vạn thù quy nhứt bốn’ đó thôi.”*³³

Trên con đường NGOẠI TU mang tâm vóc liên tôn, Cao Đài chủ trương phá chấp triệt để: *“Cao Đài không là Cao Đài, đó chính thị là Cao Đài.”*³⁴ Hình tượng, giáo điều của các tôn giáo chỉ là những chuyến đò, cùng xuôi trên một dòng sông, phá mọi bức tường ngăn chia tôn giáo.

KẾT LUẬN

Nếu ngày xưa, các bậc đạo sĩ chọn núi cao rừng vắng làm nơi luyện đờn, thì ngày nay, Cao Đài thời mạt kiếp, là con thuyền cứu hộ xuôi theo dòng nhân gian để tận độ chúng sanh, đó cũng con đường ngoại tu, như là một kết hợp miên viễn trên đường hành giả, là tương hợp giữa Thiên đạo giải thoát và

33. Trúc Lâm Thiển Điện, 07/02 Tân Hợi, 03/3/1971.

34. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, 15/01 Giáp Dần, 06/02/1974.

Thế đạo đại đồng, như tôn chỉ hằng định của Cao Đài.

“Một thuyền một mái lướt dòng ngân

Độ rồi nguyên nhân thoát biển trần

(...)

Nội tâm mới chỗ an thiên hạ

Ngoại cảnh là nơi tạo thế thân.”³⁵

Các tôn giáo đều có đủ ngoại tu và nội tu.

Nội tu là hành đạo bên trong, ngoại tu là hành đạo bên ngoài. Nội tu là pháp đạo, ngoại tu là quyền đạo, có quyền đạo mà pháp đạo không tương xứng thì đạo sự không hanh thông vì nhân sanh chưa “yêu mến, cảm phục, vâng lời”. Ngoại tu: người môn đệ Cao Đài không tu cho riêng cá nhân hay gia đình mà trách nhiệm là thực hiện được thánh đức cho nước non dân tộc, để Việt Nam trở nên điểm quyền pháp, hạt nhân của thực thể Đạo Cứu Thế Kỳ Ba cho cả thế giới trên quả đất này.

Nội tu hay ngoại tu, dù ở trình độ nào, ở hình thái nào, vẫn là hai phạm trù phải liên đới và hòa quyện nhau, hỗ tương cho nhau, như là TU với HỌC, như là TU với HÀNH. Đó là sự hòa hợp của thân và tâm, của thần và khí; cũng là kết nối của ĐẠO và ĐỜI, sự cảm thông giữa chính quyền và tôn giáo. Luôn luôn để

35. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm Thiển Điện, 18/7 Canh Tuất, 18/8/1970.

ra sau lưng cái tôi, một lòng khắc kỷ phục lễ, thì con đường ngoại tu mới có thể viên mãn, từ trong phạm vi cá thể, cộng đồng hay liên tôn giáo.

Đúc kết cuối cùng về Nội tu và Ngoại tu, xin chép lại nơi đây lời dạy của Đức Lý Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo:

*“Bản Đạo không đưa ra những gì vượt quá tâm với của chư đệ muội. Bản Đạo cũng không bảo chư hiền phải noi gương tử đạo của Jésus. Bản Đạo chỉ khuyên chư hiền đệ hiền muội hãy làm đúng lời dạy cũ từ mấy năm qua của Ôn Trên về nội tu và ngoại tu. Những gì đã được ban trao và dạy bảo, chư hiền đệ muội hãy lấy tâm chí thành thực hành cho đến nơi đến chốn, sẽ thấy được kết quả, được Trời, được Đạo, được Tâm.”*³⁶

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Thánh Giáo Sứ Tập 1965–1974, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2011.
2. Đại Thừa Chơn Giáo, NXB Tôn Giáo, 2006.
3. Nói Chuyện Cao Đài, Đơn Tâm, NXB Tôn Giáo, 2012.
4. Dưỡng Chơn Tập, Minh Lý Đạo, NXB Tôn Giáo, 2014.

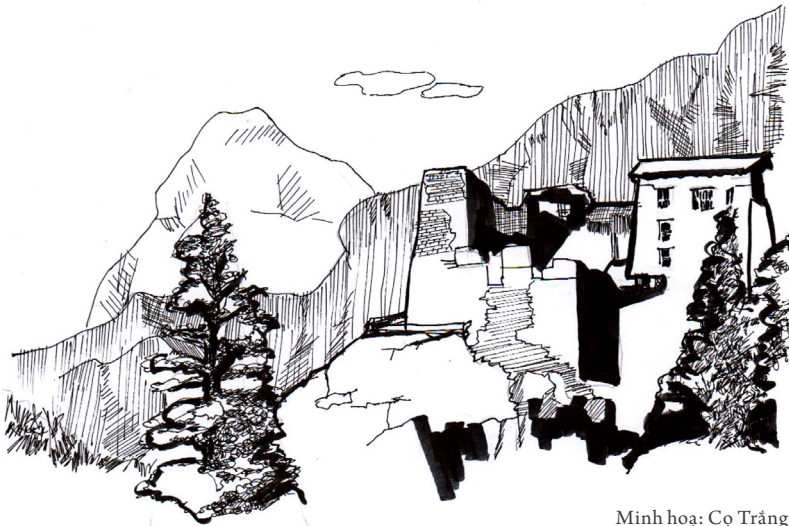
36. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/02 Nhâm Tuất, 10/3/1982.

Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo

QUÁCH HIỆP LONG

*“Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo
Đạo là đường hoài bão như sanh
Người tu ý thức tri hành,
Hẽ vào cửa Đạo, chí thành mà tu.”*

Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông
Giáo Lý Đại Đạo, Thiên Lý Đàn, 20/5 Ất Tỵ, 19/6/1965.



Minh họa: Cọ Trắng

Mỗi chúng ta sau một thời gian đắn đo suy nghĩ hoặc do một hoàn cảnh đặc biệt của cá nhân trong đời sống làm đánh thức tâm linh, hoặc do truyền thống đạo đức trong gia đình, hoặc do ảnh hưởng của bạn bè, của môi trường xã hội sinh sống... thúc đẩy chọn lựa một con đường, một lý tưởng cho đời sống của bản thân. Có người chọn khoa học, chọn nghệ thuật, chọn một tôn giáo, một bộ môn thể thao, một nghề nghiệp thanh cao cho cuộc đời mình để phục vụ cho bản thân hay cho tha nhân, cho gia đình, cho tổ quốc, cho nhân loại, cho Thượng Đế, cho người mình yêu, v.v.

Trong cái đa diện của cuộc đời, chúng ta có thể tìm thấy nhiều câu trả lời cho câu hỏi: “Tại sao chọn một tôn giáo và với mục đích gì?” Trong bối cảnh tôn giáo, theo đức tin Cao Đài, Đức Lý Giáo Tông

Vô Vi Đại Đạo dạy chúng ta nhập môn theo một tôn giáo là để tìm, để học, để hành cái Đạo: “*Tôn giáo ấy cửa vào tìm Đạo.*” Thế chúng ta phải có chút ít khái niệm “Đạo là gì?” để biết phương hướng mà tìm...

ĐẠO Ở ĐÂU MÀ TÌM?

Trong quyển “Le Monde du Tao (Thế Giới Đạo Lão)”, tác giả Chang Chung-Yuan, NXB Stock: 1979, Paris 6ème, trang 45, có một giai thoại như sau:

Ông Tung Kuo Tử hỏi Trang Tử:

- Cái Đạo ông nói nó ở đâu?
- Khắp mọi nơi, Trang Tử trả lời.
- Nhưng ông có thể nói rõ hơn?
- Nó ở trong con kiến.
- Làm sao mà nó có thể hạ xuống thấp như vậy?
- Nó ở trên mái ngói bằng đất đun.
- Sao còn tẻ quá vậy!
- Nó ở trong đồng phân.

Tới đây, Tung Kuo Tử nín thinh. Trang Tử mới giải thích: “Các câu hỏi của ông không đi vào trong tâm của Đạo. Đừng có hỏi Đạo ở đâu vì không có chỗ nào trên đời này mà không có Đạo!”

Trong Thánh giáo về chữ Tâm, Đức Bác Nhã Thiên Sư cũng đã dạy “*Đạo ở khắp mọi nơi*”:

“Đạo là gì? Không là gì cả!

*Chớ cái gì hóa hóa sanh sanh?
Cái không phải, cái vô danh,
Không sanh không hoá, hóa sanh muôn loài.
Nó ở đâu, trong ngoài cho biết?
Không ở đâu, kỳ thiệt khắp nơi,
Trong, ngoài, cũng bật tâm hơi,
Hu hu thiệt thiệt, không lời giải phân.”¹*

ĐẠO Ở TRONG TÂM

Đức Tiên Bối Cao Triều Phát dạy: “*Cao Đài chẳng khá ở ngoài tâm.*” Đức Đông Phương Lão Tổ dạy phải tự mình tìm kiếm, nghiên cứu, tham cầu trong tâm:

*“Đại Đạo vốn không lời diễn tả,
Phải do Tâm hành giả tham cầu,
Hỏi rằng biệt quyết là đâu?
Khí Thần, Tánh Mạng đạo mầu Âm Dương.”*

Trong truyện “Đông Du Bát Tiên”, có kể lại một sự tích như sau: Hai vị Tiên là Hán Chung Ly và Lữ Động Tân hỏi Tào Quốc Cửu: “Ông tu luyện ra sao?” Tào Quốc Cửu nói: “Lòng mộ Đạo thì lánh trần, chớ không có phép tắc chi hết!”. Hai vị Tiên mới hỏi:

1. Minh Lý Thánh Hội, 14/12/1974.

“Đạo ở đâu mà mộ?”. Tào Quốc Cửu chỉ lên trời. Hai vị Tiên lại hỏi: “Trời ở đâu?” Tào Quốc Cửu chỉ vào tim. Hán Chung Ly cười mà rằng “Lòng là Trời. Trời là Đạo. Đã biết cội rễ, tu ắt sẽ thành Tiên!”²

Đạo tại tâm nhưng tâm người thường hay dao động, bất an, vọng động... Tham, sân, si, thất tình, lục dục thường dành chỗ của chơn tâm. Như vậy, muốn đạt Đạo, phải có cách trị tâm, an tâm. Tôn giáo là trường dạy các phương pháp đó: “*Vào đạo tu thân, trước hết là xem kinh đọc sách đạo, học tập Thánh ngôn – Thánh giáo để thanh lọc tư tưởng, gội rửa tánh xấu, hầu xa lìa những ngôn ngữ tổn đức thất nhân tâm, tránh không làm những điều tội lỗi, tập làm những điều nhân việc thiện. Ban đầu hơi ngỡ ngàng đối với người đã quen tánh cũ nhưng phải cố gắng bền chí thanh lọc ngày ngày tháng tháng trong câu “Nhật tu nguyệt tăng” hay “Nhật nhu nguyệt nhiêm”.*

Dòng nước sông, múc vào chậu, để yên sẽ được lắng trong phần trên và thải hồi phần cặn cáu. Người tu hành siêng năng bền chí thanh lọc trau sửa bản tâm bản tánh lẫn hồi sẽ trở nên thuần lương Thánh thiện.”³

2. Đông Du Bát Tiên, quyển 4, trang 32.

3. Đức Hiệp Thiên Đại Đế, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 01/02 Tân Hợi, 25/02/1971.

ĐẠO LÀ ĐƯỜNG HOÀI BẢO NHƠN SANH

Vào đạo tu thân, trước là để tự giác, sau là giác tha. Đức Chí Tôn có dạy: *“Thấy đã đến chung cùng với các con; các con duy có tu mà đắc Đạo; phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn sanh còn phải trầm luân nơi khổ hải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rỗi.”*⁴

Trong tâm nguyện của các bậc chơn tu có lời nguyện:

“Pháp môn vô lượng thế nguyện học.

Phật Đạo vô thượng thế nguyện thành.

Chúng sanh vô biên thế nguyện độ.

Phiền não vô tận thế nguyện đoạn.”

Kinh Tam Thừa Chơn Giáo (2006, trang 157) có ghi lời dạy của Đức Huệ Đức Chơn Nhơn Nguyễn Văn Phùng:

“Trách nhiệm đầy ứng sanh nguyện lực,

Tìm thấy mình đúng mục chánh chơn,

Để mà độ dẫn chúng sanh,

Giải điều sai quấy thu hườn giác linh.”

Trong bài kinh Ngũ Nguyện: *“Nhất nguyện*

4. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển I, Toà Thánh Tây Ninh, đàn ngày 04/8/1926.

Đại Đạo hoằng khai, Nhì nguyện phổ độ chúng sanh.”
Độ chúng sanh như thế nào? Phải lo giúp đỡ cả hai phương diện nhân sinh và tâm linh. Đức Quan Âm Bồ Tát dạy: “Độ đời nơi đây không phải nhằm chỉ riêng về khía cạnh vật chất mà phải đặt nặng về tinh thần trong câu tự giác giác tha, tìm mọi cách, tận dụng mọi hoàn cảnh, mọi cơ hội, đem giáo lý đạo đức để bày giải thích tình người đời đi về đường Đạo lý.”⁵

Cuộc đời thường được ví như một dòng sông, Đạo như con thuyền Bát Nhã rước người từ bến mê sang bờ giác, Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo dạy:

*“Có sông mới đóng ra thuyền,
Có người tội lỗi mới truyền pháp tu.”*⁶

Trước cảnh hỗn loạn, đảo điên, tâm khổ của cuộc đời, người hành đạo là đem Đạo vào đời, đó là con đường nhập thế, thực hiện “Thế Đạo đại đồng” hầu lập công bồi đức: “Hỡi chư hiền! Đời càng hỗn loạn, Đạo càng phải trị. Đời toan tách rời Đạo, Đạo bắt buộc phải đi vào Đời. Ngọn đuốc thiêng không bao giờ đốt lên khi trời quang đãng, mà chính phải dùng trong đêm tối âm u!”⁷

5. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 17/3 Kỳ Dụ, 03/5/1969.

6. Thánh Thất Từ Quang, Quảng Nam, 08/02/1948.

7. Đức Thánh Trần Hưng Đạo, Minh Lý Thánh Hội, 09/01 Mậu Thân, 07/02/1968.

TẠM KẾT

Con đường tu sửa thân tâm đến chỗ chí thiện, chí mỹ là con đường tiến hóa tâm linh, phân bốn hoàn nguyên, dài thăm thẳm, qua công phu tu luyện, nhằm thực hiện “Thiên Đạo giải thoát”. Phải có ý chí, sáng suốt quyết định nhanh chóng vì tuổi đời không cho phép chúng ta chần chừ. Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

*“Đường phân bốn không ngoài Đại Đạo,
Nẻo về Nguyên do lão Chủ ông,
Chủ ông là cái tấm lòng,
Lòng người giác ngộ cộng thông đất trời.
Muốn được vậy, cấp thời tu tỉnh,
Muốn quay về, chấn chỉnh sửa đang,
Tâm trần vướng mắc rộn ràng,
Rút gươm thần huệ đoạn phăng cho rời!”*

“Là người giác ngộ, phải tự thắp đuốc mà đi. Đó là điểm đáng lưu ý, đừng cho đó là một điều lạ!”⁸

8. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý
Đại Đạo, 15/10 Kỷ Mùi, 04/12/1979.

Năm Gà, nhấp chén Xuân thường ngoạn

Hai câu đối Tiên về gà và hạc

TỬ LALAN

Nhạc sĩ Nguyễn Văn Đông (sinh 1932), sinh trưởng ở Bến Cầu, Tây Ninh. Một chiều xuân 1956, ông viết Chiều Mưa Biên Giới. Chất đạo học bàng bạc trong bút danh Đông Phương Tử, hay khí thiêng miền đất Thánh phảng phất tiếng chuông kinh, mà lời bài hát vừa thơm thơ vừa đượm thiền: “Lòng trần còn tở vương khanh tướng, thì đường trần mưa bay gió cuốn còn nhiều em ơi...”.

Trong những tác phẩm của mình, Nguyễn Văn Đông còn có bài hát mang tên “Hiến Dâng”. Tại Minh Lý Thánh Hội, năm Kỷ Dậu 1969, khi dạy về hai chữ hiến dâng, Đức Cao Triều Phát đã lưu lại những lời tâm huyết ân cần: “*Ai khanh tướng, ai công hầu? Nay đất đai, này cương thổ (...)* Bốn phận Tiên Huynh đặc trách đang đè nặng

trên vai với tâm hồn đi về hư tĩnh, đầu phải vì chịu đơn độc lẻ loi mà quên thiên chức trôi giòng lúc bình minh.”

Linh hồn con người luân lạc, từ ngàn năm quá khứ về vô tận hư vô, như con thuyền nhân ảnh thấp thoáng cánh buồm giữa bát ngát đại dương. Mỗi cuộc đời lại là một cánh buồm số phận khác nhau, và có khi khác rất xa. Giáng cơ dạy đạo vào năm Gà 1969, Đức Cao Triều có hai câu đối, vừa mang tính ví von, vừa nhắn gửi ý đạo thâm trầm về ý thức hệ kiếp nhân sinh:

“Chiếc gà cao giọng gáy, ngậy ngất kê vàng, mảnh đất hữu tình bao kẻ giữ,

*Cánh hạc vút từng mây, thần thơ danh lợi, kho trời vô tận của mình riêng.”*²

Bộ Gà (danh pháp khoa học: *Galliformes*) là một bộ của lớp chim, trên thế giới bộ này có khoảng từ 250–294 loài còn sinh tồn trong 68–85 chi, tùy theo quan điểm phân loại. Tuy vậy, trong hai câu đối Tiên phía trên, ta chỉ còn thấy hai thân phận: Gà và hạc.

Giang Thượng Ngâm, Thi Tiên Lý Bạch viết:

Tiên nhân hữu đãi thừa hoàng hạc

Hải khách vô tâm tùy bạch âu.

(Dịch: Người tiên chờ cưỡi hạc vàng/ Khách sông lòng vắng theo đàn bạch âu).

Tống Biệt, Tản Đà viết:

1. Đức Cao Triều Phát, Minh Lý Thánh Hội, 23/4 Kỷ Dậu, 07/6/1969.

2. Ibid.



Cánh hạc bay lên vút tận trời
Trời đất từ đây xa cách mãi
Cửa động đầu non đường lối cũ
Nghìn năm thơ thần bóng trắng chơi.

Hoàng Hạc Lâu, một bài thơ lừng lẫy của Thôi Hiệu, nơi có cuộc chia tay diễm tuyệt của cánh hạc vàng và lầu Hoàng Hạc. Đó là một tương phản giữa động và tĩnh, sự khác biệt giữa tiên và trần, nhưng lại là những pha trộn tốt đỉnh. Tuyệt đối hư vô rười rượi chan tương đối sở vật, một phương định chuyển dịch siêu nhiên tan hòa vào giả tạm vô thường.

Bài thơ Hoàng Hạc Lâu, Vũ Hoàng Chương có những phút xuất thần khi bút hạ thi đề cho bản dịch:

Xưa cánh hạc bay vút bóng người
Nay lầu Hoàng Hạc chút thơm rơi
Vàng tung cánh hạc bay bay mãi
Trắng một màu mây vụn vụn đời.

Trở lại câu đối của Đức Cao Triều, ta hình dung đầu đó hình ảnh lầu và hạc. Lầu, phải chăng là gà, cũng là vật, là tục, là trần gian, là đời. Hạc, còn lại chi nếu không là hồn, là tiên, là thượng giới, là Đạo.

Tiên gắn liền với hạc, như Kinh cúng tứ thời của Cao Đài, có câu: “*Xin Thần Thánh ruổi giông cõi hạc, xuống phàm trần vội gác xe tiên.*” Gà là cõi nhơn gian. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, có bài thánh thi rất hay của Đức Nhàn Âm Đạo Trưởng:

“*Đường về chớ nệ bước non sông
Lần đến tìm nơi cảnh bá tông
Bụng trống thành thơ con hạc nội*”

Lúa đầy tủng thiếu phận gà lồng...”³

Trong câu thơ ba và bốn, câu thơ mượn điển tích từ thơ Lý Bạch:
“Lung kê hữu mẽ thang oa cận/ Dã hạc vô lương thiên địa khoan.”⁴

Cái lồng, là tương đối sở vật, là vô thường xác thân, là xích xiềng danh lợi. Người còn bận bịu bốn ba, như tự trói mình vào cũi rất tạm, chỉ nhìn thấy cái giả trước mắt. Thoát khỏi lồng, gà sẽ hóa thân cánh hạc để ngự xe tiên mà tâm thương hải, mượn tiêu dao vui thú non Bồng.

Nhưng, tại sao là “chiếc – chiếc gà”?

Ta thường nghe: Chiếc áo bà ba, chiếc lá cuối cùng, chiếc xích lô... Chữ “chiếc gà” không phải là phương ngữ, cổ ngữ, thì có thể mang ý nhân sinh, để đối với “cánh hạc” thoát trần.

Chiếc (Chích 隻: lẻ loi, đơn độc). Chữ chích này chúng ta đã gặp trong một câu thánh thi của Đức Chí Tôn:

*“Chích cánh vui riêng con hạc lãnh
Ngựa thuyền còn đợi nhánh tùng rơi.”⁵*

Hai câu thơ này, cũng là một cặp “song kiếm” âm dương. Hạc lãnh, chữ “lãnh” không phải là chữ Lãnh (冷) thanh nhàn, mà là đỉnh núi (lãnh – 嶺). Hạc bay cao trên đỉnh núi, mới đối rất sát với “nhánh tùng rơi”. Cái không đối với có, sự siêu thoát thanh cao lại

3. 12/4/1930, 17/3 Canh Ngọ.

4. Dịch nghĩa: Gà trong lồng, bụng lúa đầy/ Không hay nổi nước nóng ngay bên cữ/ Hạc vàng bữa có bữa khan/ mà đường vạn dặm thành thang đất trời.

5. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, 26/4/1931, 09/02 Tân Mùi.

lộng lẫy hơn khi ngựa mặt trông theo từ phía lòng thuyền.

“Kê vàng” (một danh từ và một tính từ, lại là một điển tích) không đối chỉnh với “danh lợi” (hai danh từ, lại không phải là điển tích).

Những nhà nghiên cứu ngôn ngữ học đã phân tách và gọi hiện tượng này là “song hành phi đối xứng” (asymmetric parallelism). Thi nhân khi phóng bút một mạch để ý thơ lai láng tuôn tràn tự nhiên mà tạo ra cái gọi là “tự đối tự phi đối”.

Trong tác phẩm Hồng Lôu Mộng, Lâm Đại Ngọc đã phát biểu “Quả thật nếu có những câu thơ kỳ lạ, thì dù không cần theo đúng bằng trắc, hư thực và không cần đối chỉnh cũng đều được cả” (Nhược thị quả hữu kỳ cú, liên bằng trắc hư thực bất đối đồ sử đắc đích).

“Kê vàng”, không phải là gà nướng cho vàng, mà mượn điển tích trong Giác Mộng Kê Vàng, hay Câu Chuyện Hoàng Lương của Bát Tiên Lữ Động Tân.

Lữ Động Tân là người huyện Vĩnh Nhạc, Bồ Châu triều Đường, họ Lữ tên Phẩm, tự là Động Tân. Cha của ông là Lữ Nhượng – Thứ Sử Hải Châu. Lữ Động Tân sinh vào ngày 14 tháng 4 năm 14 Trinh Nguyên (năm 798), hiệu là Thuần Dương Tử.

Truyền thuyết kể rằng khi Lữ Động Tân giáng sinh, mùi hương tỏa khắp phòng, âm nhạc thiên đường vang khắp không trung, lại có một con hạc trắng từ trên trời đáp xuống, bay vào trong màn trướng rồi biến mất.

Vào những năm Hội Xương nhà Đường, Lữ Động Tân vâng mệnh phụ mẫu đến Trường An dự thi. Một ngày nọ, khi đang uống rượu, ông gặp một vị đạo sĩ xưng danh Vân Phòng tiên sinh, ngụ tại Hạc Lĩnh, núi Chung Nam. Đạo sĩ ngỏ ý muốn nhận Lữ

Động Tân làm đồ đệ, nhưng ông từ chối.

Vân Phòng và Lữ Động Tân ở cùng một phòng trọ. Khi Vân Phòng đang rang hạt kê⁶, Lữ Động Tân đột nhiên ngủ mê mết. Ông mơ thấy mình đỗ Trạng Nguyên, nhậm một chức quan lớn ở triều đình, và cưới hai người con gái của một gia đình giàu có. Trong giấc mơ ấy, ông có nhiều thê thiếp, người hầu, tiền của và con cháu.

Khoảng 40 năm sau, ông trở thành Thừa Tướng, đảm nhiệm chức vụ quan trọng bậc nhất trong 10 năm. Sau đó, do vô ý phạm phải trọng tội, ông buộc phải lìa vợ xa con, lưu lạc nơi núi rừng hoang dã, khổn khổ tiêu tụy. Khi đang cưỡi ngựa giữa cơn gió tuyết, ông thở dài cảm thán thì bất chợt tỉnh giấc. Vân Phòng lúc đó ngồi cạnh nồi kê đang rang, cười và đọc hai câu thơ:

Hoàng lương do vị tục

Nhất mộng đáo hoa tư.

(Dịch: Kê rang chưa kịp cho vàng/ Mà cơn mộng ảo đã tàn chiêm bao)

Lữ Động Tân thất kinh, hỏi: “Tiên sinh có biết giấc mộng của tôi có nghĩa gì không?” Vân Phòng đáp: “Giấc mộng vừa rồi của người, thăng trầm muôn vẻ, vinh nhục đa đoan. Năm mươi năm chỉ thoáng trong nháy mắt. Do vậy, được mất trong cuộc sống ngắn ngủi này không có nghĩa lý gì cả...”

6. Kê là tên gọi chung để chỉ một vài loại ngũ cốc có thân cỏ giống lúa, hạt nhỏ, thoạt nhìn tương tự cỏ lông vược nhưng hạt to và mẩy hơn. Hạt kê làm lương thực như gạo cho người ăn hoặc chim chóc. (Theo Wikipedia).

Chiếc gà, cũng là một thân phận, một con thuyền nhân sinh trôi trên giấc mộng đời. Ngây ngất kê vàng, là một chút say sưa, một chút lạc bước, một chút muội mê,... giữa bao thăng trầm trong giấc mơ trên chiếc chiếu đỉnh chung.

Mảnh đất hữu tình, là cái có, là vật chất, là đất đai cương thổ, là xác thân pha trộn giữa biết bao tình ái, lo toan với những biến động vô tình của thời gian, của vô thường. Dù là tạm, biết là tạm, nhưng bao người chen đua để cầm cho lâu những vật chất không thể giữ mãi ấy.

Nên: “mảnh đất hữu tình bao kẻ giữ”, không chỉ là tấm gương soi chuyện trần gian, mà cũng lời tán thán của bậc Thần Tiên khi đã bay thoát lên cao để thấy biết trong cái nhìn của trời đất.

Thoát lên cao, mới gọi là cánh hạc vút từng mây, hay hạc dạo gót lãnh sơn, mới trọn thẩn thơ với lợi danh cảm dỗ đang bộn bề bên dưới.

Cao Bá Quát (1809–1855), cách chúng ta gần trăm năm trước, đã từng phác họa con đường danh lợi:

Kim nhân bất kiến cổ thời xuân

Trù trưởng kim xuân đối cổ nhân⁷

Thế sự kỹ hà kim bất cổ?

Nhân tiền mạc nhận huyễn vi chân

Kỷ đa danh lợi chung triều vũ

Vô số anh hùng nhất tỵ trần

7. Thơ Lý Bạch: Kim nhân bất kiến cổ thời nguyệt, Kim nguyệt tăng kinh chiếu cổ nhân. (Bả từu vấn nguyệt)

Tự tiểu tục câu phao vị đặc
Nhĩ lai huế quyển thái chuân chuân.
Trương Việt Linh dịch:
Xuân trước người nay có thấy không
Xuân nay người trước ngẩn ngơ lòng
Chuyện đời mấy chốc kim thành cổ
Thế sự đừng coi giả hoá chân
Vô số anh hùng, làn bụi đỏ
Muôn ngàn danh lợi, bóng mưa xuân
Cười ta thói tục còn vương víu
Chưa bỏ đam mê quyển sách cầm.

Đã rũ bỏ hữu hình trần thế, thì kho trời ảo ảnh còn tưởng vọng hay sao! Kho trời là gì? Sao lại là “của mình riêng”? Con người lánh xa danh lợi để cầu Tiên vọng Phật, có phải là đang vướng vào một ham muốn tốt cùng?

Lễ Ký viết: “Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri, trí tri tại cách vật” (Muốn mình được chân thành vô tư (thành ý), trước hết phải hiểu rõ sự vật (trí tri), hiểu rõ sự vật là nhờ ở chỗ truy cứu tới cùng cái lý của sự vật (cách vật).

Tri, chỉ mới là một cách BIẾT. “*Tri cũng biết, mà thức cũng biết, nhưng chữ Giác mới có thể đồng song song với chữ Mê.*”⁸

Giác ngộ là cái biết tận cùng nhất, không phải học mà thành, luyện mà thấy. Đó là kết quả của sự vận tập từ nhiều kiếp tu học.

8. Đức Hiền Thế Đạo Nhơn, Ngọc Minh Đài, 09/5 Bính Ngọ, 27/6/1966.

Giác ngộ để biết đâu là chân và giả, đâu là mộng và thực, đâu là dòng sông tạm và bờ bến trường tồn.

Từ sự giác ngộ, ta mới hiểu được cái muốn của người tu. Ngày đầu tiên khi Huệ Năng đến Hoàng Mai bá Ngũ Tổ, Tổ hỏi:

– Người là người phương nào, muốn cầu việc chi?

Huệ Năng thưa:

– Đệ tử ở Tân Châu, Lĩnh Nam. Đường xa đến đây lễ Tổ, chỉ cầu làm Phật, chớ chẳng cầu chi khác...

Giáng cơ qua Thánh Giáo Cao Đài, Đức Quan Âm Bồ Tát dạy:

*“Từ ngàn xưa, các bậc Thánh nhân cũng do chữ muốn mà sáng danh nơi hậu thế. Các đấng Phật Tiên Thánh Thần cũng do chữ muốn mà nên được Thiên Tôn và Thế Tôn. Các bậc tiền nhân ưu thời mãn thế, thương nước thương dân, được khâm vào sử xanh trong mai hậu, cũng do chữ muốn (...) Nếu không có chữ muốn nơi con người thì không có động lực thúc đẩy cho làm một sự gì. Nhưng nhờ các bậc ấy làm chủ điều khiển sự muốn...”*⁹

“Kho trời vô tận”, không hề là của cải, hay sự hưởng thụ cho riêng mình. Đó là bề dày và chiều sâu của tình thương mà người học đạo nhân lên từng ngày trong cái muốn tìm thấy bình an và chia sẻ cái bình an ấy cho mọi người:

*“Tình thương phát khởi tại tâm trung sẽ thể hiện lên gương mặt, tướng đứng, hình ngồi. Đi nằm đều lộ vẻ khả ái, đức độ từ bi. Từ đó sẽ hiện lên một nhị xác thân để bảo tồn nhục thể.”*¹⁰

9. Ngọc Minh Đài, 09/01 Đinh Mùi, 17/02/1967.

10. Đức Di Lạc Thiên Tôn, Trúc Lâm thiền điện, 02/01 Bính Ngọ, 22/01/1966.

Như vậy, Người biết Đạo thần thơ với danh lợi, khinh bạc khanh tướng công hầu, nhưng trì công tu pháp, một dạ sửa mình, là để như cánh hạc vàng bay vút từng mây. Trời chiều hay lá úa, chỉ là chuyện trần gian, cánh hạc đã bay xa trên đỉnh lãnh phong, đang trên đường mây vút thoát khỏi sanh tử luân hồi. Xin mượn bài tứ tuyệt của Đức Tiên Khai Đoàn Văn Bản, để kết thúc bài viết này:

*“Đạo sĩ màng chi chốn vị danh
Mặc ai tài cán đắp trường thành
Rửa tai e bợn mùi vương giả
Nương gót đường mây lánh tử sanh.”¹¹*

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Hoàng Hạc Lâu, Hải Đà Vương Ngọc Long. Bản PDF, tải từ www.vuonghaida.com/VAN/HoangHacLau.htm, ngày 06/12/2016.
2. Dưỡng Chơn Tập, Minh Lý Đạo, NXB Tôn Giáo, 2014.
3. Pháp Bảo Đàn Kinh, Huyền Mặc Đạo Nhơn, Đoàn Trung Còn dịch, NXB Tôn Giáo.
4. Thánh Giáo Sưu Tập 1967–1969, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2009.
5. Wikipedia, Bách Khoa Toàn Thư mở.
6. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Tòa Thánh Tây Ninh, Nhà In Trung Tâm Giáo Hóa Thiếu Nhi Thủ Đức, 1972.

11. Thiên Lý Đàn, 14/01/Bính Ngọ, 04/02/1966.

Hạo nhiên diễn ca

THIỆN CHÍ TRÍCH LỤC

Trong một lần giảng bút dạy đạo tại Minh Lý Thánh Hội, Đức Đạo Tổ đã cho một bài giáo pháp bằng thể “diễn ca” như sau:

“Hỡi chư môn sanh!

DIỄN CA

Đạo giả sanh chi, đức giả súc,¹

Khí Hạo Nhiên dưỡng dục khắp quần linh,

1. Nguyên văn trong Đạo Đức Kinh, chương 51 là: Đạo sinh chi, đức súc chi. [Đạo sinh (vạn vật), Đức dưỡng (vạn vật).]

Tâm trống không mới thấu triết lý chơn kinh,
Tánh ổn định mới tường máy hư linh là bất muội.
Mấy nhánh đơm hoa nhờ tốt cội,
Nhiều dòng khơi chảy bởi sung nguồn,
Chưa minh tâm chỗ vội nấu linh đờn,
Phải kiến tánh mới mong về cực lạc.
Hỡi ai trên giấy tìm chơn pháp,
Như kẻ mò kim trong cỏ dềm,
Đạo vô vi rất dễ kiếm tìm,
Đức cao rộng khó chi mà chẳng lập.
Trừ nghiệp chướng đoạn trừ cho gấp gấp,
Thoát trần la mới gặp Đấng Tiên Ông,
Chốn cung Đâu đã nhóm sẵn một lò hồng,
Hãy thoát khỏi Truân Mông² mà nhập Thánh.”³

CHÚ GIẢI

1. Khí Hạo nhiên

浩然 hạo nhiên

Từ điển Nguyễn Quốc Hùng:

Rất to lớn, mệnh mông vô bờ. Hát nói của Nguyễn Công Trứ có câu: “Khí hạo nhiên chí đại chí cương.”

2. Là quê Truân và quê Mông.

3. Minh Lý Thánh Hội, 27/11 Kỷ Dậu, 03/01/1970.

Trong bài có câu: “*Khí hạo nhiên dưỡng dục khắp quần linh*” ám chỉ “*Tiên thiên chính khí*” là nguồn năng lượng tuyệt đối tinh khiết trong trời đất, vạn vật nhờ đó mà hóa sinh. Người luyện đạo vận dụng đạo pháp nhiếp thu khí hạo nhiên để được trường sinh.

Tự điển của Minh Lý Đạo giải thích: “Hạo khí: khí trong bầu trời. Khí trong trăng.

Hạo nhiên chi khí: khí khái chánh đại, khí này do làm các điều đúng đạo lý ở ngoài mà sanh ra lưu hành ở trong người.

Hạo nhiên khí: khí trời mùa Hạ trong sáng. Khí ở trong bầu trời, ở cùng khắp, vạn vật đều hít thở khí này mà sống.

Hạo Nhiên: Thượng Đế; ơn cha mẹ rộng lớn như bầu trời mênh mông.”

2. Mấy nhánh đờm hoa

Theo phép luyện đờn, ám chỉ kết quả ba nguồn tinh hoa “tinh–khí–thần” kết tụ tại trung tâm não bộ (nê hoàn cung).

Tự điển của Minh Lý Đạo ghi: “Tam Huê Tụ Đảnh là Tinh Khí Thần gom lại ở Nê Hườn. Ban đêm Tinh Khí Thần trú ở trái thận. Ban ngày thì ở ba nơi khác nhau, ba chỗ ấy là: Tinh ở nơi lỗ tai; Khí ở tại miệng; Thần ở tại mắt. Miệng nói, tai nghe, mắt thấy điều này điều kia làm cho lần lần hao mòn Tinh Khí Thần.

Kê tu hành luyện đạo phải dùng chơn ý mà gom Tinh, Khí, Thần đem vào Kim Đảnh (Nê Hườn).”

Kinh Đại Thừa Chơn Giáo viết:

“Muốn thành xá-lợi cần vận chuyển pháp-luân cho ngũ khí triều-nguơn, tam-huê tụ-đảnh.

Làm sao cho ngũ-khí triều-nguơn, tam-huê tụ-đảnh đặng?

Muốn tam-huê tụ-đảnh phải bảo tinh, dưỡng khí, tôn thân. Luyện chơn chưởng thành đồ cho tinh hóa khí, khí hóa thân, thần hườn hư. Ba báu quy về tại kim đảnh là thành Đạo.

Còn muốn cho ngũ-khí triều-nguơn phải dụng công phu định cái tâm, gìn cái ý, bế ngũ quan, thì ngũ-tạng hiệp về, tâm hồn thanh tịnh vô-vi...”

3. Chấn Cung Đâu: Cõi trời Đâu Suất

Theo Đạo giáo: Trong thần thoại Đạo giáo, thì Thái Thượng Lão Quân có trước cả trời đất, chính là nguyên khí thời hỗn mang ngưng kết mà thành, chính là Nguyên Thủy Thiên Vương.

Khi Nguyên Thủy Thiên Vương tan biến vào hỗn nguyên đã phân thành tam khí (Tam Thanh), Tam Thanh đó: thứ nhất là Nguyên Thủy Thiên Tôn, thứ hai là Linh Bảo Thiên Tôn và thứ ba là Đạo Đức Thiên Tôn. Tuy ba người nhưng lại là một thể.

Thái Thượng Lão Quân giáng trần vào đời Chu chính là Lão Tử, viết Đạo Đức Kinh, được Đạo giáo

tôn là Giáo chủ, Đạo tổ.

Thái Thượng Lão Quân ở tại cung Đâu Suất, tại tầng trời cao nhất. Trong cung Đâu Suất có lò Bát quái là nơi luyện các loại Tiên đơn Thánh thủy để trường sinh bất tử.

Trong Phong Thần Diễn Nghĩa, Ngài xuất hiện cùng Sư tôn là Hồng Quân Lão Tổ để phân xử và nhập Tam giáo (Chơn giáo, Xiển giáo, Triệt giáo) làm một thành Đạo giáo.

Trong Tam Thanh, thì Thái Thượng Lão Quân có các tôn hiệu:

Đạo Đức Thiên Tôn (Đây là tôn hiệu chính thức trong Tam Thanh).

Hỗn Nguyên Lão Quân.

Thái Thanh Đại Đế.

Hàng Sinh Thiên Tôn.

Thái Thượng Thiên Tôn.

Hỗn Nguyên Giáo Tổ Thái Thượng Đạo Tổ.

Cõi của Thái Thượng Lão Quân ngự gọi là Thanh Cảnh.⁴

4. Truân Mông

Quẻ Truân: 水雷屯 THỦY LÔI TRUÂN 

4. Wikipedia https://vi.wikipedia.org/wiki/Th%C3%A1iTh%C6%B0%E1%BB%A3ng_L%C3%A3o_Qu%C3%A2n.

Truân có hai nghĩa: 1. Là đây đây; 2. Truân chiêm vất vả. Truân, nếu là thời kỳ đất trời vừa thoạt giao nhau, làm cho vạn vật nảy sinh đây đây khắp nơi, nhưng chính vì Âm Dương vừa thoạt giao nhau, nên sinh khí còn uất kết, chưa thông suốt.

Truân tượng trưng cho bước truân chiêm (truân chuyên) thuở ban đầu, quẻ Truân là hoạt động trong nguy hiểm.

Truân đối với vũ trụ, là thời kỳ Thiên Địa sơ khai, vạn vật bắt đầu sinh. Truân đối với cá nhân, là lúc sơ sinh, ấu trĩ. Truân đối với quốc gia là thời kỳ khai quốc, sáng nghiệp...⁵

Quẻ Mông: SƠN THỦY MÔNG 

Mông là mông muội, tối tăm, là non nớt, ấu trĩ. Có nhà bình luận cho rằng: chữ Mông gợi ra hình ảnh một căn nhà tối tăm, lụp xụp, mái rủ xuống gần sát đất, tiêu biểu cho thời kỳ man dại xa xưa, khi mà dân chúng còn ở trong những mái nhà thô sơ, còn ngu si, dốt nát...⁶

5. Nhân tử Nguyễn Văn Thọ, Dịch Kinh Đại Toàn.

6. Ibid.

Hạt giống đạo

CHÍ THẬT

Buổi bình minh của Đại Đạo, Đức Thượng Đế đã chọn Ngài Ngô Văn Chiêu làm hạt giống Đạo đầu tiên để ươm mầm, vun phân tưới nước, chăm sóc ân cần. Từ đó, hạt giống Cao Đài đủ điều kiện sinh sôi nảy nở phát triển sâu rộng cho tới ngày hôm nay.

Những hàng sứ đồ tiên phong được Đức Thượng Đế tuyển chọn và ban trao quyền pháp thực thi sứ mạng gieo hạt giống đạo Cao Đài cùng khắp mọi nơi, ngõ hầu thực hiện cơ cứu độ Kỳ Ba, mở ra một kỷ nguyên thánh đức với những nhân tố thánh thiện, nhận thức trách nhiệm thế Thiên hành đạo, ý thức tự hoàn hảo hóa bản thân đến chân thiện mỹ làm gương sống đạo cho nhân sanh, và thánh hóa tâm linh thăng hoa siêu xuất thế gian.

ĐỨC THƯỢNG ĐẾ CHỌN ĐẤT GIEO GIỐNG

Tình thương của Đức Thượng Đế¹ mang tính công bằng tuyệt đối, không lãnh vực, không biên cương, không giới hạn... Ngài vô tư ban rải đồng đều cho tất cả các chủng tộc hiện hữu trên khắp hoàn cầu, không có sự phân biệt màu da sắc tóc, quý tiện sang hèn. Bởi vì, trong tự thân tất cả muôn loài vạn vật đều chứa đựng mầm sống của Ngài. Mầm sống đó là Thượng Đế tính hàm tàng trong mỗi mỗi chúng sanh. Từ đó là động năng thúc đẩy cho nhu cầu tiến hóa của vạn hữu trên nấc thang của Tạo Hóa.

Sở dĩ Đức Thượng Đế chọn mảnh đất Việt để gieo hạt giống Đạo và ban đặc ân cho dân tộc Việt nhận lãnh trách nhiệm vun phân, tưới nước là vì có đức tin, tình thương, lòng hiếu hòa... trội hơn các giống dân khác trên thế giới.

Việt Nam là một quốc gia có nhiều tôn giáo du nhập và nội sinh, nhưng đất nước chúng ta không kỳ thị tôn giáo để đưa đến chiến tranh tôn giáo như một số quốc gia khác trên thế giới. Chính vì những ưu điểm nổi bật đó, dân tộc Việt mới hữu duyên, hữu phước hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Tôn chỉ Tam giáo đồng nguyên, vạn giáo nhất lý, lập trường thuần chơn vô ngã, là những tiền đề căn bản để hạt giống Đạo càng ngày càng tăng trưởng và phát triển sâu rộng khắp mọi nơi,

1. “*Tình thương chứa đựng trong phần vô tư.*” (Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/10 Giáp Dần).

ngõ hầu thực hiện mục đích: “*Thế đạo đại đồng, Thiên đạo giải thoát*” của Đại Đạo. Đức Chí Tôn dạy:

“Các con là dân tộc Việt cũng như các dân tộc khác sanh trưởng tại quả địa cầu này. Tình thương Tạo Hóa cũng ban đồng cho các con cũng như các con khác, nhưng dân tộc các con đã đau khổ quá nhiều. Non sông Tổ quốc các con đã bị giày xéo lâu đời, nhưng các con được trội hơn chúng về đức tin, về lòng đạo đức ngưỡng mộ Thượng Đế và các Đấng trọn lành. Tình thương các con không thiếu, lòng hiếu hòa các con có thừa, do đó dân tộc các con mới hạnh ngộ Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.””

Đức Thượng Đế chọn mảnh đất Việt Nam làm khu vườn mẫu để gieo giống và chọn con người Việt Nam làm những nông phu chịu trách nhiệm trực tiếp chăm sóc vun phân, tưới nước, theo dõi mức độ tăng trưởng của các hạt giống Đạo đã được gieo cho tới ngày thu hoạch đạt năng suất hiệu quả nhất. Có như vậy, hạt giống Đạo mới được nhân rộng ra nhiều nơi nhiều chỗ, đâu đâu cũng có.

Hạt giống Đạo là hạt giống tình thương, là sự sống, là đạo đức, là nhân bản, là tình người, là bảo bọc cho nhau trong cõi ta bà đầy biến động. Muốn cứu người trước tiên phải cứu mình. Dân tộc Việt phải là một dân tộc thuần túy đạo đức mới mong thuần hóa xã hội. “Thừa” trong nhà mới ra ngoài đồng, phải “đồng như vu tông”, rồi mới “đồng như vu giao”, và đi đến chỗ “đồng như vu dã”³. (Chung cùng với người trong họ hàng, chung cùng với

2. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30/10 Mậu Thân, 19/12/1968.

3. Kinh văn Quê Thiên Hòa Đồng Nhân.

người ở đồng nội, chung cùng với người ở ngoài đồng.)

Minh Lý Chơn Giải viết:

*“Phút đại đồng, đồng nhưn vu dã,
Cảnh thái hòa, thiên hạ thân tiên.”*

Đúng như lời Thầy giáo hóa:

“Thầy đem giống Đạo đến gieo trên mảnh đất hiền hòa nhưng đau khổ này để các con chung nhau vun xới, tưới nước, bón phân để hạt giống đó sớm nảy mầm đâm tược, đơm bông kết quả. Chỉ có giống này mới cứu đời vạn linh trong thời kỳ mạt kiếp này, mà trước tiên là cứu dân tộc các con.

Giống này cần phải gieo trồng càng nhiều, càng phổ biến cho quảng đại quần chúng cùng trồng, mới mong đủ trái lành ngon ngọt và mới có thể cứu đời khắp nhân loại trong thời kỳ sắp tới.

... Hạt giống lành Thầy vừa nói đó là Đạo, nên Đại Đạo mà các con đang tin tưởng, đang hành sự, đang công quả.”⁴

Nhà nông có câu: “Nhất nước, nhì phân, tam cần, tứ giống”, phải hội đủ những điều kiện như thế, các hạt giống chúng ta gieo mới đâm chồi nảy tược, gốc rễ cứng cáp, cành lá sum sê, hoa thơm trái đẹp... đó là những yêu cầu phải được cung cấp đầy đủ và đáp ứng kịp thời. Thế nhưng, còn một yếu tố rất quan trọng đóng vai trò quyết định cho việc thu hoạch đạt kết quả bội thu hay thất thu trong các vụ mùa, đó là vùng đất mà chúng ta chọn có phù hợp với những hạt giống chúng ta sẽ gieo hay không?

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhưn trong một lần làm đàn đã

4. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 30/10 Mậu Thân, 19/12/1968.

nhắc lại lời Đức Chúa:

“*Khi Đức Chúa Jêsus cùng chư môn đồ giảng đạo trước quần chúng, Chúa dùng lời thí dụ chuyện gieo giống. Các hạt giống được đem gieo, những hạt bị rơi ở mé đường cũng không khỏi bị chim chóc nó nuốt đi. Những hạt rơi trên tảng đá, sống tạm vào chút ít cát bụi mà lên, cũng không khỏi bị úa tàn vì rễ không chắm sâu được. Những hạt rơi vào lùm bụi gai góc cũng lên, nhưng bị nghẹt vì gai góc. Còn những hạt rơi vào đất tốt sẽ nảy tược đâm chồi và kết quả.*”

Các hạt giống có tồn tại, phát triển hay không là do tác động của môi trường. Như vậy, Hạt giống Đạo được gieo trên mảnh đất Việt là do chính Đức Thượng Đế chọn.

“*Chính mình Thầy đến chốn Nam bang,
Mượn đất đem gieo mối Đạo vàng.*”⁵

Đức Như Ý dạy:

“*Môn đồ hỏi Chúa: Thí dụ như thế có ý gì?*”

Chúa bảo rằng: hạt giống là Đạo, Thiên Chúa ban cho, còn:

– *Những hạt rơi trên mé đường là những kẻ nghe Đạo nhưng ma quỷ sợ họ tin rồi được cứu rồi đi nên chực rước đạo ra khỏi lòng họ.*

– *Những hạt rơi trên đá là những kẻ nghe đạo bèn vui mừng nhận lấy, nhưng họ không có rễ, chỉ tin tạm mà thôi, khi gặp sự cám dỗ thì họ sẽ ngã.*

– *Những hạt rơi vào gai góc là những kẻ nghe đạo rồi bị sự lo lắng giàu có vui thú của đời sống làm nghẹt đi mà không sanh được trái chín.*

– *Những hạt rơi vào đất tốt là những kẻ nghe đạo rồi lấy lòng thành*

5. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14/01 Bình Ngô, 04/02/1966.

thật lương thiện mà gìn giữ, nhân nại mà kết quả.”

Qua đó, chúng ta thấy rằng, hạt giống là Đạo, là linh hồn, là Phật tánh, là Thượng Đế tính, là mầm sống trong vạn vật, mầm sống đó là bản năng sinh tồn mà Thiên Chúa ban phát đồng đều. Muốn sinh tồn con người phải tự mình vươn lên tiếp thụ mùi sương gió, hứng lấy sinh khí của đất trời, hòa theo nhịp điệu của thời tiết, khế hợp với nhiệt độ của âm dương, tất cả phải được giao thoa đắm ấm trong khí thái hòa.

Kinh văn Quẻ Kiên viết: Tự cường bất tức (Không ngừng lớn mạnh).

Kinh văn Quẻ Tấn viết: Tự chiếu minh đức (Soi sáng chính mình).

Hàm nghĩa của hai câu kinh văn: Tự thân vận động, tự chiến thắng bản thân, tự tu tự tiến, tự vun bồi đức tin, tự thắp đuốc mà đi và có đi được đến nơi, có về được đến chốn là cũng do tự mình quyết định. Bề Trên đã cung ứng cho chúng ta vốn tự hữu lúc khởi thi, còn hoàn nguyên là việc của mỗi tự thể, tự lo liệu.

Trước khi phản hồi phục lệnh Đức Như Ý ân cần khuyên bảo:

“Chư hiền đệ hiền muội! Chính hôm nay Lão muốn nói lại lời Chúa Jésus với chư hiền, vì chư hiền là môn đồ của Chí Tôn Thượng Đế. Chư hiền sẽ lãnh hội và đem nói với con cái Đức Chí Tôn về ý đạo ấy. Lão muốn hạt giống Đạo được gieo vào đất tốt để đơm hoa kết quả. Lão muốn mỗi người đều tìm cầu cái Đạo ở bên trong mà đừng tìm cầu ở bên ngoài.”⁶

6. Vĩnh Nguyên Tự, 02/12 Quý Sửu, 25/12/1973.

Thế theo lời dạy của Đức Như Ý, có Trời mà cũng có người, phải tương tác theo lý Thiên nhân hiệp nhất, hạt giống Đạo phải được gieo vào đúng môi trường, và mỗi người tự chăm sóc mảnh tâm điền, luôn luôn phản tỉnh nội cầu, có sự quan tâm đúng mức, thì hạt giống Đạo sẽ phát triển đúng theo Thánh ý và đặc thành sở nguyện thỏa lòng mong đợi của Thiêng Liêng đã dày công chỉ đường dẫn lối.

HIỆN TÌNH CƠ ĐẠO

Nhìn lại hiện tình cơ Đạo ngày nay đã từng bước chuyển biến theo chiều hướng tích cực, tinh thần đoàn kết, sự gắn bó trong toàn Đạo được phát huy mang tính trí tuệ tập thể.

KHỐI LIÊN GIAO

Khối Liên Giao các Hội Thánh và các tổ chức trong nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được hình thành từ năm 2008 cho đến thời điểm hiện tại, đã tuân tự nhi tiến, có nhiều hoạt động tích cực thúc đẩy sự phát triển chung cho toàn Khối, xây dựng và thực hiện nhiều mô hình chung như:

- Kết hợp trí tuệ tập thể thực hiện được 23 số Tạp chí Cao Đài.
- Thống nhất quan điểm tiến tới thành lập Học Viện Cao Đài.
- Khai giảng các cấp lớp chức sắc chức việc với giáo trình chung: Hạnh đường Sơ cấp và Trung cấp, do các thành viên trong Khối liên giao biên soạn.

– Ban Phước Thiện thực thi công quả với sự góp sức chung của toàn Khối khi có thiên tai bão lụt...

– Ban Tang Lễ phối hợp hành lễ chung toàn Khối khi nhận được ai tín.

Khối Liên Giao hành đạo trong tinh thần đồng đạo, đồng Thầy, đồng trách nhiệm, tương thân tương ái mật thiết khi có hữu sự, chung sức chung lòng lo cho tiền đồ Đại Đạo.

CÁC THÁNH SỞ ĐƠN LẬP

Mặc dầu chưa chính thức là thành viên trong Khối Liên giao, nhưng các thánh sở đơn lập là thành phần cộng tác viên tích cực khi có đạo sự sẵn sàng tham gia hỗ trợ các phong trào vận động đóng góp chung như: giúp khó trợ nghèo, xây dựng nhà tình thương, ủng hộ học bổng...

Tham dự và hỗ tương công quả các công trình trùng tu, tái thiết các cơ sở đạo, các buổi lễ liên giao, trao đổi giáo lý, chia sẻ kinh nghiệm hành đạo, tương trợ về sức khỏe, tương thân việc quan hôn tang tế trong toàn Đạo...

Các thánh sở đơn lập tu học hành đạo trong tinh thần đoàn kết và cầu tiến.

Nhìn chung toàn Đạo hiện nay đang nỗ lực học tập, tu tập về mọi mặt, chung sức chung lòng xiển dương chánh pháp Đại Đạo, làm cho nhơn sanh biết Thầy hiểu Đạo, để cải tạo thanh bình nơi cõi thế gian, cho cục diện thế giới ngày nay lắng đọng hòa dịu, đong đầy tình thương, bảo tồn đạo đức, đó là trách nhiệm to tát,

là sứ mạng của những sứ đồ được chọn, vừa là chủ vườn, vừa là người làm vườn, để hạt giống Đạo được đâm chồi nảy tược trên mảnh đất Việt.

Đức Phật dạy:

*“Lành thay Nam thiệm bộ châu,
Đất linh gieo giống Đạo mẫu tế nhân.”*⁷

Trong giới tu hành chú trọng nhất là cái tâm, chính nhờ bốn tâm thuần phát lương thiện, Đức Thượng Đế mới chọn dân tộc Việt để gieo hạt giống Cao Đài và ban trao sứ mạng hoàng giáo độ nhơn trong cơ cứu độ Kỳ Ba, kiến tạo xã hội thanh bình cho nhân loại.

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy:

*“Bá tánh tuy xơ xác nghèo nàn, nhưng nhờ được một điểm tâm trung lương thiện, do đó Thượng Đế mới đem hạt giống đạo mẫu gieo rắc vào những mảnh tâm điền phì nhiêu đó.”*⁸

THẾ HỆ TIẾP NỐI

Đạo pháp trường lưu đời người hữu hạn, các công trình đã kiến tạo suốt gần một thế kỷ trôi qua, là sự hy sinh vô bờ bến, lòng quả cảm vô hạn của chư vị Tiên khai – Tiên bối trong toàn Đạo mới có được những thành quả như hiện tại.

7. Hườn Cung Đàn, 08/4 Ất Ty, 07/5/1965.

8. Văn Phòng Phổ Thông Giáo Lý Xã Tam Thôn Hiệp, 09/ 9 Ất Ty, 03/10/1965.

Hạt giống Đạo phải được gìn giữ cẩn thận, bảo tồn nguyên vẹn và được truyền thừa từ thế hệ này sang thế hệ khác như những đợt sóng trùng dương không bao giờ dứt. Có như vậy, đạo nghiệp ở hiện tại, vĩ nghiệp ở tương lai mới được phát triển bền vững đúng với tâm vóc của Đại Đạo.

*“Cơ tiến hóa tre tàn măng mọc,
Cuộc chuyển luân dân tộc nước non,
Giống lành quả tốt trái ngon,
Cây cam há trở bỏ hòn đui được ưu?
Thiếu niên ấy tạo đoan xã hội,
Thiếu nhi là muôn đội binh hùng,
Đất lành gieo giống tức sung,
Chẳng hoài công của, kẻ vun người trồng.
Thanh thiếu niên tinh thần Việt quốc,
Bốn ngàn năm mảnh đất Giao Châu,
Cùng chung vũ trụ hoàn cầu,
Hình hài un đúc trong bầu thiên nhiên.”⁹*

LỜI KẾT

Đức Thượng Đế vì thương nhân loại nên lâm trần khai Đạo và chọn mảnh đất Việt làm một khu vườn mẫu để gieo những hạt giống đầu tiên, đồng thời giao cho dân tộc Việt vun phân tưới

9. Đức Lê Văn Duyệt Đại Tiên, Ngọc Minh Đài, 03/3 Ất Tỵ, 05/4/1965.

nước, chăm sóc cẩn mẫn, để cho hạt giống Đạo càng ngày càng phát triển đúng theo Thánh ý Thiên cơ và chu trình tiến hóa của vũ trụ.

Đức Giáo Tông Đại Đạo dạy:

*“Không lo Đạo bị bế tắc mà chỉ lo không đủ sức vững vàng phát triển. Không lo đời chưa hiểu Đạo mà chỉ lo Đạo không sáng tỏ mà thôi. Không lo không làm nổi việc lớn mà chỉ lo không có tư tưởng lớn.”*¹⁰

Đức Ngọc Lịch Nguyệt Đại Tiên dạy:

*“Thượng Đế vì nhơn sanh mà mở Đạo. Tam Giáo Thánh Nhơn vì nhơn sanh mà giáo Đạo, thì các em là hàng hướng đạo, phải vì nhơn sanh mà hành đạo, truyền Đạo.”*¹¹

Đức Đông Phương Chưởng Quân dạy:

*“Hiện giờ các em là những người hành đạo, đem từ tư tưởng lành, những hạt giống lành gieo rải đó đây để sửa soạn cho đám mạ giống tốt tươi, đem cấy trên mảnh lương điền của giống dân tộc Việt.”*¹²

Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn dạy:

*Mượn chốn trần gian một kiếp người,
Lập thân hành đạo dựng xây đời,
Thánh Tiên xưa cũng theo đường ấy,
Quả mãn công thành trở lại ngôi.”*¹³

10. Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 19/02 Bình Dân, 28/3/1986.

11. Vĩnh Nguyên Tự, 02/9 Nhâm Tý, 08/10/1972.

12. Ngọc Minh Đài, 15/6 Mậu Thân, 10/7/1968.

13. Vĩnh Nguyên Tự, 15/3 Giáp Dần, 07/4/1974.

Lược sử Pháp Chánh Truyền

ĐẠT TƯỜNG

Hiện nay, phần đông tín hữu Cao Đài thường nói “Tân Luật-Pháp Chánh Truyền!” Trong thực tế, chúng ta cũng thấy sách đạo với tựa đề rõ cũng như thế!

Nhưng với những ai có hiểu biết sơ qua về 3 tháng “Lễ Thánh thất – Đại hội Tam giáo lập Luật” đều biết là chư vị Tiên bối thời Khai Đạo đã soạn nên Tân Luật căn cứ vào Pháp Chánh Truyền và Thánh ngôn đã được Đức Chí Tôn ban cho. Thật ra theo diễn tiến lịch sử, Pháp Chánh Truyền vừa nhận được khi đó vẫn chưa phải là văn bản luật hoàn chỉnh.

Tuy được học vài lần về mảng đề tài này nhưng bản thân chúng tôi cũng đã từng có những hiểu biết chưa đúng về nhiều điểm liên quan! Vì trong quá trình được tiếp nhận thông tin hầu như các

giảng viên chỉ đặt nặng, chú trọng về nội dung nhiều hơn về lịch sử.

Thiền nghi, qua kinh nghiệm lâm tường của bản thân, còn nhiều đạo hữu chúng ta cũng ở hoàn cảnh tương tự nên chúng tôi xin được góp phần tìm hiểu thêm về khía cạnh lịch sử của vấn đề này.

PHÁP CHÁNH TRUYỀN

– Được đọc Thánh ngôn chép tay của chư vị Tiên Khai, đúng là danh từ Tân Luật đã sớm hiện diện trước khi xuất hiện danh từ Pháp Chánh Truyền.

Ngay từ khi phong cho Hòa thượng Như Nhân là “Quản Pháp Thiền Sư Thích Đạo Chuyển Luật Lịnh Diêu Đạo Sĩ”, Đức Chí Tôn đã nói đến phần nhiệm vụ soạn Tân Luật:

“Con phải biết, Thầy ngày nay trông công con mà lập thành Tân Luật Thích giáo. Con phải đại tịnh kể từ tháng 9 cho tới Rằm tháng 10, Thầy không muốn cho con lo lắng điều gì khác hơn là xét xem kinh điển lại. (...) Con phải xem xét hết lại mà lập Tân Luật. (...)

Rằm tháng 10 này, Thầy xin con hội cả chư Hòa Thượng tại Thánh thất đây chung lo lập Tân Luật.”¹

1. Thiền Lâm Tự, Gò Kén, Tây Ninh, 29/7 Bính Dần 1926.

Qua Thánh ngôn, chúng ta thấy danh từ Tân Luật bắt đầu xuất hiện trong đàn cơ cuối tháng 7 Bính Dần. Còn với danh từ Pháp Chánh Truyền bắt đầu được đề cập đến trong Thánh ngôn của Thầy từ khi nào?

– Lúc ban đầu trong đàn ngày 12/10 Bính Dần, khi dạy việc Lễ chuẩn bị cho Lễ lần đầu tiên ra mắt Hội Thánh, tên gọi được Đức Chí Tôn dùng là Phật Truyền Chánh Pháp.²

“Thầy dặn: Hành lễ rồi thì phải biểu Lễ sanh xướng: “Thiên phong phò loan” đặng Thầy lập Phật Truyền Chánh Pháp. Cư, Tắc phải để Thiên phục vậy mà phò cơ nghe.”

Đêm sau Thầy mới đổi lại là Pháp Chánh Truyền.

“Vào lập vị hành Đại Lễ như buổi Vĩnh Nguyên Tự nghe Lịch à... là đã hết một đêm đầu rồi.

Kế đêm sau, thì là đêm Thiên phong cho cả chư môn đệ và là đêm các con phải thành tâm trai giới cho Thầy lập Pháp Chánh Truyền.”

Như vậy, danh từ Pháp Chánh Truyền bắt đầu xuất hiện sau danh từ Tân Luật khoảng 2 tháng rưỡi.

Ngày nay khi đọc văn bản Pháp Chánh Truyền hoàn chỉnh, nhiều đạo hữu Cao Đài như chúng tôi đã từng lầm tưởng, đêm Rằm rạng 16 lịch sử ấy toàn bộ Pháp Chánh Truyền gồm cả hai phần Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài đã được Thầy ban. Thật ra không phải thế!

2. Thứ Ba, 12/10 Bính Dần, 16/11/1926.

LẬP PHÁP CHÁNH TRUYỀN CỬU TRÙNG ĐÀI

Độc kỹ Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, hầu như mọi người đều biết Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam phái đã được Thầy ban cho trước tiên, gần ba tháng sau phần Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nữ phái mới được Đức Lý Giáo Tông ban tiếp.

Nhưng theo diễn tiến lịch sử, thật ra lúc khởi đầu chưa hề có danh từ Cửu Trùng Đài, Đức Chí Tôn chỉ mới dạy “Lập Pháp” về tổ chức điều hành chung cho cả nam và nữ.

1. Trong đêm thứ hai của đại lễ, Rằm rạng 16 tháng 10 Bính Dần, Thầy giáng đàn chỉ mới ban Pháp Chánh Truyền từ phẩm Giáo Tông cho đến Lễ Sanh³ (gồm 7 bậc).

“Chư Minh Lý có mặt ha. Thầy mừng các con.

Chư môn đệ nghe Thầy lập Pháp:

Giáo Tông nghĩ là anh cả các con,...”⁴

Khởi đầu ở thời điểm ấy, theo truyền thống của các cựu giáo, các chức phẩm đều giao hết cho bên nam phái chịu trách nhiệm. Chưa có phân biệt rạch ròi phần trách nhiệm của nam và nữ trong nền tổ chức Đại Đạo.

2. Qua đêm thứ ba, Thầy ban tiếp Pháp Chánh Truyền phần

3. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, NXB Tôn Giáo, tr. 61.

4. Thánh ngôn chép tay – Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh, tờ 179b.

Công Cử Chức Sắc.⁵

3. Vào trung tuần tháng Giêng Đinh Mão (1927), khi quá trình bàn thảo trình dâng Tân Luật lên Đức Lý Giáo Tông bước vào giai đoạn cuối, ngày 11 tháng Giêng Đức Lý Giáo Tông mới dạy thêm về phần tổ chức cho phái nữ:

“Thái Bạch...

Hội Thánh nghe Lão ban sắc phục cho nữ phái nghe và từ đây xem sắc phục ấy mà hành lễ theo đẳng cấp.

Nữ phái phải tòng Đầu Sư nữ phái, song tòng quyền của Giáo Tông và Chương Pháp (...)

Lâm Hương Thanh hiền muội phải viết thơ mời đủ mặt ngày Rằm này, Thầy đến phong chức lập thành nữ phái nghe em.”⁶

4. Danh từ Cửu Trùng Đài bắt đầu xuất hiện từ thời điểm nào trong Thánh ngôn, đây là việc cần tiếp tục tìm kiếm!

Vì các chức phẩm được Đức Chí Tôn quy định lúc đầu chỉ có 7 bậc từ Giáo Tông cho đến Lễ Sanh mà thôi. Kế tiếp, khi Đức Lý dạy về nữ phái cũng chỉ nói từ phẩm Đầu Sư đến Lễ Sanh. Như thế, lúc đầu Đức Chí Tôn và Đức Lý Giáo Tông dạy phẩm phái qua vị trí Lễ Sanh rồi sau đó mới có thể lên Giáo Hữu. Lời Đức Chí Tôn đã dạy:

“Lễ Sanh là người có hạnh, lựa chọn trong chư môn đệ mà hành lễ... Như vào đặng hàng Lễ Sanh, mới mong bước qua hàng chức sắc. Kỳ dư

5. Lịch Sử Đạo Cao Đài, quyển 2, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, NXB Tôn Giáo, tr. 66.

6. Thánh Ngôn chép tay – Chơn Truyền Bí Yếu – Thái Thơ Thanh, tờ 402b.

Thầy phong thường riêng, mới đi khỏi ngõ ấy mà thôi... nghe à!... Chưa môn đệ tuân mạng!”⁷

Phải đến năm năm sau, mới có bổ sung thêm cấp Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự trong Đạo Nghị Thứ Ba được Đức Lý Giáo Tông cùng Ngài Hộ Pháp ban hành vào đầu tháng 10 Canh Ngọ (1930). Sau này, Đức Lý có nhắc:

“Hộ Pháp... Hiền hữu nhớ rằng Lã Sanh là tín đồ để hành lễ mà thôi.

Bởi chúng ta muốn nền Đạo đủ Thiên đạo và Thế đạo, nên Lão xin cùng hiền hữu, buổi nọ lập nên Chánh Trị Sự, Phó Trị Sự và Thông Sự, rồi lại đem phẩm Lã Sanh vào hàng chức sắc làm đầu nhưn sanh trong Quyền Vạn Linh đã lập.”⁸

PHÁP CHÁNH TRUYỀN HIỆP THIÊN ĐÀI

– Ngày 12 tháng Giêng Đinh Mão (13 Février 1927), Đức Chí Tôn ban tiếp phần Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài.⁹

Thật ra, danh từ Hiệp Thiên Đài đã bắt đầu xuất hiện từ khi Thầy ban Pháp Chánh Truyền trong lời dạy về Chương Pháp. Trong Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài, Đức Chí Tôn chỉ quy định cơ cấu tổ chức đến Thập nhị Thời quân mà thôi.

7. Đức Chí Tôn, Pháp Chánh Truyền Nam phái, Thiên Lâm Tự, 16/10 Bính Dần.

8. Đức Lý Giáo Tông, Đền Thánh, 01/12 Quý Tỵ, 05/01/1954.

9. Lịch sử Đạo Cao Đài, quyển 2, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, NXB Tôn Giáo, tr. 82.

Đặc biệt, Thầy không có định việc công cử các chức phẩm Hiệp Thiên Đài.

– Pháp Chánh Truyền chú giải đã được Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ hoàn tất phần nội dung vào cuối tháng 3-1931 và in ấn, ban hành ngay sau đó. Xin nói thêm một điểm đặc biệt: Trong phần Chú giải Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài có đề cập đến một hệ thống chức sắc khác bên cạnh Pháp Chánh Truyền, đó là Thập Nhị Bảo Quân¹⁰. Thập Nhị Bảo Quân đối phẩm Phối Sư, được xem như là Hàn Lâm Viện của Đạo.

Châu tri số 11 của Tòa Thánh do Ngài Thượng Trung Nhật ký ngày Rằm tháng 2 Tân Mùi (02/4/1931) có đoạn: “Ngày nay, Đại Đạo lại ban hành Pháp Chánh Truyền chú giải...”

– Năm Nhâm Thân (1932), Ngài Hộ Pháp cùng chư vị Thập Nhị Thời Quân, có sự hợp tác của một số chức sắc cao cấp Cửu Trùng Đài đã lập thành “*Hiến Pháp và Nội Luật Hiệp Thiên Đài*”.

Sau một thời gian cân nhắc, ngày 04/12/1932, Ngài Hộ Pháp đã ký văn thư (không số) gọi đến chư chức sắc Hiệp Thiên Đài.

– Ngày 16/02 Ất Hợi (20/3/1935), Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn giảng dạy tại Tòa Thánh:

“Cười... Phẩm trật rắc rối khó nói rõ, nhưng chia ba: Pháp, Đạo, Thế; thì theo sự hiểu biết của Bản Đạo như vậy:

10. Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Văn Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Học Quân, Bảo Cô Quân, Bảo Y Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân, Bảo Thương Quân và Bảo Phong Hóa Quân.

Sĩ Tài là Secrétaire archiviste

Lên phẩm Truyền Trưng là Greffier

Rồi lên phẩm Thừa Sứ là Commissaire de la Justice

Phẩm Giám Đạo là Inspecteur

Lên phẩm Cải Trưng là Avocat

Lên phẩm Chương Ấn là Chancelier

Lên phẩm ấy rồi tùy phái lên đại vị Hiệp Thiên Đài, nhưng phải biết rằng: Chương Ấn lên đại vị Tiếp Dẫn Đạo Nhơn mà đặc phong phổ thông đặng một nước nào rồi mới vào chánh vị.”

– Ngày 23/5 Bính Tý (11/7/1936), Ngài Hộ Pháp Phạm Công Tắc ban hành sắc lệnh số 34: “Tuyển chọn hạng Luật Sự (agent judiciaire) trong chức việc nam nữ.” Đối tượng dự tuyển là Chánh Trị Sự nam nữ, Thông Sự nam nữ và tín đồ nam nữ. Từ phẩm Luật Sự mới lên Sĩ Tài.

Như vậy, từ đầu năm Ất Hợi (1935) đến giữa năm Bính Tý (1936), Hiệp Thiên Đài có thêm hàng chức sắc “trung cấp” trợ thủ cho chư vị Thập Nhị Thời Quân và Thập Nhị Bảo Quân.

KẾT LUẬN

LỊCH SỬ LẬP PHÁP TAM KỲ

Gắn liền với 3 tháng “hội Tam giáo lập Luật.” Khởi đầu với Pháp Chánh Truyền được Thiên ban, kết thúc với việc bổ sung Pháp Chánh và trình dâng lần thứ ba Tân Luật hoàn chỉnh. Vậy chúng ta nên tập thói quen nói đúng thứ tự ra đời của hai văn bản luật

căn bản này của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ: Pháp Chánh Truyền và Tân Luật.

Pháp Chánh Truyền là nền tảng để chư vị Tiên Khai Đại Thiên phong dựa vào soạn nên phần Đạo pháp trong Tân Luật.

LỊCH SỬ PHÁP CHÁNH TRUYỀN

– Phần lớn nội dung của Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài và Hiệp Thiên Đài lần lượt đã được Đức Chí Tôn ban cho vào thời gian đầu và thời gian cuối của 3 tháng “Lễ Thánh Thất– Đại hội Tam Giáo lập Luật.” Cũng có phần đóng góp của Đức Lý Giáo Tông, đặc biệt là phần Pháp Chánh Truyền về Cửu Trùng Đài Nữ phái.

Lúc đầu phần Lập Pháp vẫn chưa hoàn chỉnh, mới chỉ có 7 bậc, chưa có phẩm chức việc (Chánh Trị sự, Phó Trị sự và Thông sự). Thật ra trong các đàn cơ giữa năm 1927, những danh từ “Chánh, Phó Trị sự” đã có được nhắc đến. Thí dụ:

*“Trung bạch, về việc Trị Sự và phái viên.”*¹¹

11. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, Thuộc Nhiều, le 19 Juin 1927, tờ 318.

“Trung bạch: Hội chư Thánh đặng lập Bàn Trị Sự.”¹²

“Vi muốn tránh việc bất bình cho chư đạo hữu về việc tuyển cử phái viên nên Thầy định hủy chức ấy, duy để lại Chánh, Phó Trị sự, còn mấy người đắc cử phái viên rồi Thầy sẽ phong Thánh.”¹³

Nhưng phải đến đầu tháng 10 năm Canh Ngọ (1930) qua Đạo Nghị Định số ba mới bổ sung hoàn chỉnh hệ thống 9 bậc của Cửu Trùng Đài. Từ đây Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài mới hoàn chỉnh như văn bản hiện hành.

– Trong thực tế hiện nay, hầu như các Hội Thánh trong Đại Đạo đều cơ cấu nhân sự Hiệp Thiên Đài theo Pháp Chánh Truyền Chú Giải, có thêm: (Bảo Học Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Y Quân...) và... Truyền Trạng, Thừa Sứ, Giám Đạo,... cho đến Luật Sự.

– Cần lưu ý trong Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài không có phần quy định về “Công cử” như Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài. Trên nguyên tắc, Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài không có nữ phái tham gia.

12. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, tờ 320.

13. Thánh Ngôn Chép Tay, Thái Thơ Thanh, đàn Tân Định, 21/7/1927, tờ 324.



Minh họa: Cọ Tráng

Cao Đài

Bản thiết kế

của vũ trụ vạn vật

MẶC TÂM

Trong một lần giảng cơ tại Bác Nhã Thiên Đường năm Đinh Tỵ 1977, Đức Trần Hưng Đạo dạy:

*“Cao thị Thiên cao chương vạn loài,
Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai.”¹*

“Cao thị Thiên cao chương vạn loài”, chữ “cao” trong “Thiên cao” được hiểu như chữ “Cao” của danh từ “Cao Đài”; tức thể hiện giá trị

1. Đức Trần Hưng Đạo, Bác Nhã Thiên Đường, 29/01
Đinh Tỵ.

“cao” tột của Trời, nói lên sự cao cả của Trời. Chữ “chương” có nghĩa gieo trồng, tức ý nghĩa sáng tạo, sanh ra; nói lên khả năng thiết kế và tạo ra vạn loại. Toàn bộ câu thơ “Cao thị Thiên cao chương vạn loài” ý nói: chữ “Cao” của danh từ “Cao Đài” (nơi ngũ cảnh Vũ Trụ) thể hiện hay cũng chính là sự cao cả vô cùng, tuyệt diệu của Trời, khả năng có thể sáng tạo nên mọi sự vật, mọi hiện tượng trên thế gian.

“Đài vi Địa hậu dưỡng vô nhai”, “hậu” nghĩa là sâu, dày; tương tự như câu trên, “hậu” trong “Địa hậu” nói lên sự sâu dày của Đất. “Dưỡng” mang ý nghĩa dưỡng nuôi, “nhai” là biên giới, “vô” nghĩa là không. Toàn bộ câu thơ ý nói: “Đài” là sự sâu dày của Đất để nuôi dưỡng tất cả vạn loài không giới hạn, không loại trừ vật nào, cũng không bỏ sót vật nào.

Như vậy, hai câu thơ trên đã giải thích một cách khái quát ý nghĩa “Cao Đài” khi được đặt trong mối liên hệ với Trời Đất. Khi đó, “Cao” thể hiện cho khả năng sáng tạo vạn loài của Trời, “Đài” thể hiện cho sự bảo tồn, dưỡng nuôi vạn vật của Đất; nên Cao Đài là Trời Đất.

Với ý nghĩa này của Cao Đài đối với Trời Đất, ta có thể hiểu hơn về mối quan hệ giữa Cao Đài đối với Vũ Trụ – một không gian và thời gian vĩ đại, huyền bí mà con người luôn khao khát và nỗ lực khám phá.

VŨ TRỤ LÀ HÌNH THỂ CỦA CAO ĐÀI

Trong mối liên hệ với tâm linh và vật chất, chúng ta có thể hiểu:

“Trời” có ý nghĩa là tâm linh, còn “Đất” mang ý nghĩa vật chất². Khi hiểu “Trời” có ý nghĩa tâm linh, “Đất” có ý nghĩa vật chất, điều này đồng nghĩa với việc: “Cao” là sự cao cả của tâm linh – cái sáng tạo ra muôn loài vạn vật; “Đài” là sự sâu dày của vật chất – cái dưỡng nuôi tất cả. Như vậy, một lần nữa, ta có nội dung của danh từ “Cao Đài” mang ý nghĩa bao hàm cả Trời Đất (hay Càn Khôn, hay Thiên Địa, hay tâm linh – vật chất) – hai tác nhân vô hình được hình thể hóa thành Vũ Trụ. Sự hình thể hóa đó được Đạo Học Chi Nam xác nhận:

*“Vũ trụ là hình thể của Trời Đất.”*³

Khi kết hợp hai tác nhân vô hình này lại với nhau sẽ thể hiện ra cái hữu hình, được gọi là Vũ Trụ. Cái hữu hình này chưa nói lên được rõ ràng Vũ Trụ là gì; mà chỉ cho ta hiểu: Trời Đất là cái vô hình, khi cái vô hình đó thể hiện ra bên ngoài, có hình thể hữu hình, thì đó là Vũ Trụ. Như vậy, Trời Đất và Vũ Trụ là một; nhưng Trời Đất là những tác nhân vô hình bên trong, còn Vũ Trụ là sự thể hiện ra bên ngoài của Trời Đất.

Vũ Trụ là hình thể của Trời Đất, mà như đã khẳng định ở trên: Trời Đất là Cao Đài, nên Vũ Trụ cũng là hình thể của Cao Đài.

2. Nếu muốn hiểu rõ hơn nữa ý nghĩa vì sao như vậy, ta có thể tham khảo bài Tam tài đồng đẳng – trong quyển Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo – về ý nghĩa của Trời Đất trong mối liên hệ với tâm linh và vật chất.

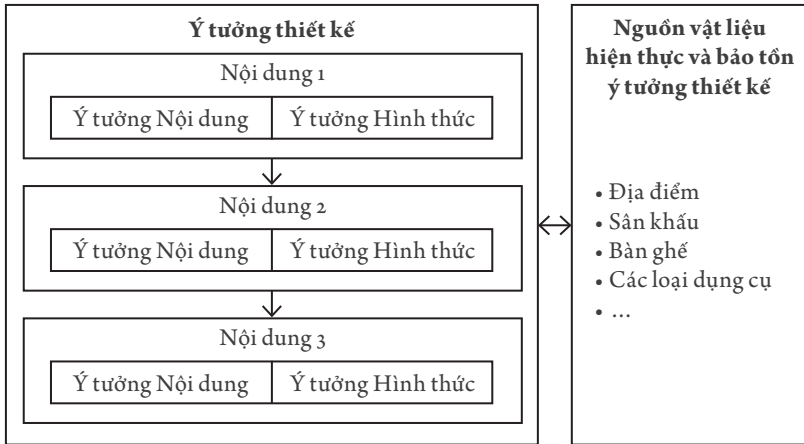
3. Đạo Học Chi Nam, chương 1, tiết 4, mục 1.

CAO ĐÀI – BẢN THIẾT KẾ CỦA VŨ TRỤ

Đến đây, sau tất cả những gì đã cùng bàn luận, thì Cao Đài là những nguyên lý bên trong (hay tác nhân mà ta đã cùng đề cập ở đoạn trước) để cấu thành một Vũ Trụ kỳ vĩ mà nhân loại đang cố gắng khám phá và chinh phục. Những nguyên lý này là những nguyên lý của sự sáng tạo, những nguyên lý của sự bảo tồn sự hiện hữu của Vũ Trụ. Nếu không có những nguyên lý ấy, Vũ Trụ làm thế nào có thể hiện hữu? Hay nói một cách khác, nếu không có những nguyên lý ấy, Vũ Trụ hoàn toàn không thể được sáng tạo, không thể được bảo tồn. Nếu khả dĩ, có thể được sáng tạo, cũng không thể được bảo tồn để hiện hữu như một đối tượng bên vững và linh hoạt theo thời gian. Vì lẽ đó, nếu nhìn Vũ Trụ như một công trình, thì Cao Đài vừa là bản thiết kế, vẽ nên Vũ Trụ ý tưởng; vừa là nguồn vật liệu để hiện thực Vũ Trụ ý tưởng đó trở thành một Vũ Trụ có thật và bảo tồn nó.

Nói rộng hơn, trong mọi công trình xây dựng nên vạn vật, từ những kiến trúc hữu hình mang tầm vóc to lớn như cao ốc, trung tâm cho đến những chiếc ly, chén nhỏ bé; những công trình chỉ có thể sử dụng, mà không thể chạm đến như chương trình máy tính; đến cả những công trình như tổ chức các sự kiện có ý nghĩa riêng biệt. Tất cả đều phải trải qua quá trình đầu tiên đó là quá trình thiết kế của ý tưởng. Vì bản thân mỗi sự vật, hiện tượng trên thế giới này không tự nó có ý tưởng; hay tự nó xuất hiện một cách dĩ nhiên, theo một cấu trúc dĩ nhiên, mà phải được thiết kế từ những ý tưởng sáng tạo lúc ban đầu. Sau

Sự kiện (Event)



đó, là nguồn vật liệu để hiện thực những ý tưởng sáng tạo đó. Do vậy, những ý tưởng và nguồn vật liệu này đóng vai trò chính yếu, như trái tim, như linh hồn của sự vật; mà linh hồn hay trái tim ấy ta gọi là Cao Đài.

Bây giờ, chúng ta sẽ tìm hiểu một “sự vật” có thiết kế khá trừu tượng về cấu trúc – sự kiện âm nhạc – để thấy rõ hơn yếu tố “Cao Đài” luôn có trong mọi sự vật, sự việc (xem hình bên trên).

Một sự kiện cũng như một tòa nhà, nó cũng cần có một bản thiết kế, một trái tim – điểm cốt yếu tạo nên sự kiện. Trái tim đó, chính là ý tưởng thiết kế – ý tưởng đã sáng tạo ra sự kiện – và những vật liệu từ vật chất để xây dựng, hiện thực một sự kiện trong ý tưởng trở thành một sự kiện có thật. Như hình trên, một sự kiện luôn phải có những ý tưởng về nội dung chương trình (Chương trình gồm có những nội dung chính, phụ; thứ tự thực

hiện), ý tưởng về hình thức (với mỗi mục nội dung, phải trang trí như thế nào, hình thức thể hiện ra sao); và nguồn vật liệu để hiện thực những ý tưởng thiết kế đó (địa điểm tổ chức sự kiện, sân khấu...). Một sự kiện, nếu không có nội dung, không có thứ tự thực hiện; cũng không có nguồn vật liệu để thực hiện những nội dung đó thì sự kiện này là sự kiện chết. Các yếu tố tạo nên sự kiện, hay linh hồn, hay trái tim của sự kiện, ta gọi là Cao Đài.

Vì lẽ đó, nên Vũ Trụ không thể không có Cao Đài, cũng vì lẽ đó nên Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn đã dạy:

*“Cao Đài là Tâm của vũ trụ.”*⁴

Thật vậy “nếu không có Cao Đài như một linh hồn, thì không thể có vũ trụ như một thể xác”. Điều này nhấn mạnh tầm quan trọng của trái tim Cao Đài bên trong (linh hồn) đối với Vũ Trụ bên ngoài (thể xác), và một lần nữa xác định ý nghĩa: Vũ trụ là hình thể của Cao Đài.

4. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 29/8 Quý Hợi.

KẾT LUẬN

Cao Đài là cái tâm, là cái cốt yếu, hay cái hồn, cái sức sống của vũ trụ. Chính vì ý nghĩa này, nên Cao Đài cũng chính là vũ trụ. Cũng như trong cái bóng đèn, tim đèn – như chính tên nó đã nói lên tất cả – là cái tâm, cái cốt yếu của bóng đèn; nên ta cũng có thể nói nó là bóng đèn. Và như vậy, như một sự nhắc lại, vũ trụ là chiếc đài cao, được thiết kế bởi những ý tưởng sáng tạo của tâm linh và được dựng xây từ nguồn vật liệu của vật chất.

Vạn vật, bao gồm cả con người trong vũ trụ này cũng như thế, đều là những chiếc đài cao được tạo nên từ bàn tay thiết kế, sáng tạo vô cùng của Đấng Tạo Hóa. Và nếu nhìn lại những công trình, những sản phẩm văn minh của nhân loại hiện nay, từ vật chất đến tinh thần, cũng là những “chiếc đài cao” được tạo nên bởi sự sáng tạo và bảo tồn của chính con người vậy.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Yếu Điểm Giáo Lý Đại Đạo, NXB Tôn Giáo, 2008.

Những mẫu chuyện từ cơ bút

(TIẾP THEO KỲ TRƯỚC)

ĐẠT TƯỜNG SƯU TÂM

TRƯỜNG HỢP ĐỘI SỞ LIÊM PHÓNG CỦA CHÍNH QUYỀN THUỘC ĐỊA

Ông này có phận sự theo dõi đàn cơ Cầu Kho. Ông trà trộn trong đám đông những vị đến hầu đàn để dò la xem xét hầu báo cáo với chính quyền thuộc địa. Trong lúc thừa hành phận sự, ông cũng thấy rất nhiều người tin tưởng Trời Đất, thật lòng thành tâm cầu Đạo.

Ông Đội này không tin lắm, nghi nghi ngờ ngờ cho rằng những người này tin nhầm nên ông muốn thử coi có thật Thượng Đế, Phật, Tiên giáng trần hay chăng.

Một hôm, ông làm một bài thơ để trong bao thơ và giấu kín trong túi áo tây của mình mà không cho ai hay biết. Rồi ông cũng

đến hầu đàn, quỳ trước bàn cơ miệng vái
lâm thâm có ý không cho một ai nghe ông
nói những gì.

Liên theo đó, cơ chuyển cho ông bài thơ
sau đây:

*“Đáp đặng lời thơ thật Ngọc Hoàng,
Đời cùng, Tiên Phật giáng trần gian,
Giác mê sanh chúng về đường chánh,
Độ tận toàn linh chính Ngọc Hoàng.”*

Cơ vừa dứt bài thơ, người ta thấy ông
Đội phủ phục lạy ba lạy trước bàn cơ và
đại ngôn xin làm đệ tử. Ông được thâu
nhận.

Sau khi bãi đàn, có người hỏi thì ông
thú thật rằng mình có giấu kín một bài
thơ trong túi áo để thử thách Ôn Trên hạ
bài thơ đó. Và liền lấy bài thơ ra cho mọi
người xem:

*“Uất ức nên đây vấn Ngọc Hoàng,
Có đâu Tiên Phật giáng trần gian,
Bày trò mê tín lừa dân chúng,
Đáp đặng thơ đây mới Ngọc Hoàng.”*

Cũng nhờ việc này mà chư tiền bối lúc
bấy giờ mới xác nhận rõ rằng những sinh
hoạt đạo của mình đã bị chính quyền thuộc
địa nghi ngờ và cho người theo dõi.

“Một viên Quản cũng thuộc sở Liêm Phóng Sài Gòn rất khét tiếng về tánh tình hung ác và được dân chúng tặng cho cái tên “Con hùm xám chợ Đũi” có nhiệm vụ theo dõi đàn cơ Cầu Kho mỗi đêm và làm phúc trình lên thượng cấp.

Có lẽ trong các phúc trình, ông đã buộc tội gay gắt đàn cơ này cho nên Ông Trên mới cho ông thấy sự linh hiển mà giảm bớt phần nào sự nghiêm khắc ấy.

Một đêm kia ông cũng đến hầu đàn như thường lệ. Ông Trên giáng cơ kêu tên “Hải” là tên riêng mà chỉ ông biết mà thôi, chớ không gọi tên thường của ông. Ông Quản kia khiếp sợ và từ đó về sau “khuôn uy” đã bớt được một vài phần.”

TRƯỜNG HỢP ÔNG THẦY GỒNG

Có Ông Thầy Gồng theo tín ngưỡng gọi là Mẹ Sanh. Ông nghe người ta đồn nhiều quá về sự linh diệu của đàn cơ. Ông không tin có Thiêng Liêng hạ trần dạy đạo, và cho đó là “tà điển”, là ma quỷ. Ông ý mình là Thầy Gồng, dao chém không đứt, nên định đến thử chơn giả thế nào.

Đến một đàn cơ nọ, khi cơ vừa chuyển, ông lẩm bẩm trong miệng: “Hừ! Tà điển ma quái!”. Tức thì cơ viết, kêu tên ông lên cầm cơ. Được dịp may để thử, ông thích thú lắm và lên liền cầm cơ ngay không ngần ngại gì cả, và cũng không lẽ bái chi hết.

1. Ý Nghĩa Ngày Khai Đạo – phần Khai Tịch Đạo 1971

Khi tay ông mới vừa cầm đến cần cơ thì tức thì cơ quay vun vút ngoài sức điều khiển của ông. Tay thì quay vù vù, còn miệng thì cười ha hả như điên như dại không ngưng được. Cơ quay một hồi thật lâu, ông cười cho đến nổi lá người mà cơ vẫn quay và ông vẫn phải cười. Cứ như thế một hồi lâu rồi cơ ngừng.

Sợ quá ông bèn liền quỳ xuống, bạch với Ôn Trên xin nhập môn cầu Đạo ngay nơi đó. Ông được thâu nhận.²

NẾU ĐỒNG TỬ MINH THÌ TIẾP TRỌN ĐIỂN CÁC ĐẮNG THIÊN LIÊNG VÀ TRẢ LỜI DỄ DÀNG CÁC MẬT KHẢI (KHẢI CẮT TRONG MÌNH HOẶC ĐỐT MÀ ĐỒNG TỬ KHÔNG HAY BIẾT)

Thí dụ: Vào độ năm 1935–1936, trong một đàn cơ lập tại Thánh Thất Long Hòa gần đồn điền cao su Gia Cấp Võ Đông, có một anh cặp rắng đi với vị thanh niên đến vấn nạn chư chức sắc và có để trong túi một mật khải, khi cơ lên thì Đấng Chí Tôn giáng xuống xưng danh xong và cho một bài thơ tứ tuyệt có hai câu đầu như sau:

*“Vân vụ mật mù bởi chiến tranh,
Đời còn ham muốn việc cầu danh.”
Và một bài trường thiên.*

2. Trích trong Tìm Hiểu Đạo Cao Đài, Đỗ Vạn Lý, tr 115.

Trước bữa ấy Đức Lý Giáo Tông có giảng cơ dạy riêng chư phận sự Thánh thất Long Hòa rằng: Ngày Đại đàn tới đây kẻ nào không đủ lễ thì không cho vào hầu đàn cơ. Vì lễ đó mà người cặp rắng và người thanh niên nói trên vì mặc áo cánh trắng (áo cụt) nên không được vào hầu đàn.

Sau khi bãi đàn người cặp rắng có hơi sợ sệt, cho biết mình có mật khải để trong túi áo. Khi ông đọc mật khải lên thì mới biết Đấng Chí Tôn đã trả lời cho ông ấy trong bài trường thiên không thiếu khoản nào và trong bài thơ tứ tuyệt Đức Chí Tôn đã có điểm danh ông ấy là VÂN.

Ông ấy nhìn nhận VÂN là tên ông. Đức Chí Tôn trong hai câu đầu đã cho biết hoàn cầu thế giới đều bao phủ không khí chiến tranh y như lời ông xin. Ở Trên cho biết và đồng thời quả ông còn mù mịt, tranh hơn thua còn cầu danh.³

(CÒN TIẾP)

3. Cao Đài Giáo Lý số 78, tháng 7 và 8 năm 1972.

Người hiền và người tu

TỬ LALAN

Trên đường đi, con người chúng ta bao lần dừng trước ngã ba đời, ngập ngừng phân vân như một cánh mỏng phù du trôi dạt trên đỉnh trời ngập gió:

“Màu tối mù lan vách đá

Nhớ mệnh mông đời mắt già từ

Rồi đi biệt

Để hồn trên đỉnh gió

Ta ở đâu?

Cánh mỏng phù du.”¹

Con người có mặt trên thế gian để làm gì?
Học tập, tạo dựng sự nghiệp, lập gia đình,
trải bao vất vả để vượt qua nỗi lo sinh kế,

1. Những điệp khúc cho dương cầm (Refrains pour piano), Tuệ Sỹ, NXB Phương Đông, 2009.

con cái, vượt qua nhọc nhằn của bệnh tật, đau khổ... Huy Cận cũng từng đau đáu nghi vấn “Về đâu hạt bụi vàng thao thức”². Đó là nỗi ám ảnh, niềm trăn trở day dứt khôn nguôi về ngày mai, về ý nghĩa của kiếp người. Nhưng không phải ai cũng tìm thấy một định hướng cuối cùng cho kiếp nhân sinh.

Robert Capon có lời khuyên: “Chừng nào còn cho rằng điều quan trọng nhất trong cuộc đời là không ngừng tìm kiếm hướng đi, là bạn vẫn đang lưu lạc trong nỗi lo sợ sẽ lạc lối. Nhưng một khi tinh thần đã đủ sẵn sàng để bị lạc lối, có nghĩa là bạn đang tìm thấy lối về.”

Là người học đạo, chúng ta may mắn tiếp cận tình thương Thiên Liêng, để được vạch đường chỉ hướng:

*“Xem trong rồi lại ngắm ngoài
Gót chân rõ dưới dậm dài thiên luân
Đường đạo đức cân phân suy gẫm
Nẻo thế đồ dò dẫm gần xa...”³*

Biết đường đạo, chúng ta mong chia sẻ với mọi người. Nhưng đây không phải là Google Map⁴ mà mọi người thường dễ dàng truy cập. Đối diện với chuyện đạo, thế nhân nhiều người thờ ơ. Bạn bè chúng tôi, cũng như chúng ta chắc không ít lần đã gặp, nhiều người quan niệm rằng: Ở hiền, làm việc thiện, chia sẻ cơm áo

2. Thơ Huy Cận.

3. Đức Giáo Tông Vô Vi Đại Đạo, Thánh thất Bàu Sen, 02/01 Ất Ty, 03/02/1965).

4. Bản đồ chỉ đường trên mạng truyền thông quốc tế Google.

với người nghèo chung quanh, tổ chức những chuyến xe từ thiện thăm viếng và chăm sóc cho những vùng miền hẻo lánh xa xôi, những xóm làng còn thiếu thốn, làm tốt nhất có thể trong công việc của mình... là chuyện cần và đủ. Tu hành mong làm Tiên làm Phật là chuyện viển vông, xa thực tế, thậm chí có khi là ích kỷ.

Phần đông những người bạn có quan niệm này, thường là những doanh nhân thành đạt, những trí thức với danh vị được xã hội vinh danh. Các bạn là những bậc hiền tài tể thế, và việc các bạn đã làm với trọn tâm huyết, cũng chính là đạo làm người. Hiền, đã đóng góp quá nhiều cho nhân loại, và có khi chiếm hết cả quãng đời người. Bạn lòng chuyện tu hành sẽ ích lợi gì?

Giải đáp đôi phần quan niệm “hiền là đủ”; tìm hiểu “tu để làm gì”; đâu là khác biệt giữa người hiền và người tu, là ước vọng của chúng tôi với bài viết này.

NGƯỜI HIỀN

Thánh giáo Cao Đài có lời dạy: *“An bang là việc của hiền nhân.”*⁵

Vậy hiền nhân là ai, an bang là gì?

Chữ Hiền(賢) trên bên trái là chữ Thân (臣), nghĩa là bầy tôi; Bên phải là chữ Hựu (又), nghĩa là lại thêm, lẫn nữa. Dưới là chữ Bối (貝), nghĩa là vật quý báu.

Khi phác tạo chữ Hiền, người xưa có ý cho thấy, một bầy tôi

5. Đức Cái Thiên Cổ Phật, Thánh thất Tân Định, 03/01, Ất Tỵ, 04/02/1965).

hiển, sẽ đáng quý nhiều lần hơn châu ngọc.

Sách Nam Hoa Kinh của Trang Tử chép:

– Chí nhân vô kỹ (người có lòng nhân thì quên mình mà lo cho người).

– Thần nhân vô công (người đứng vào bậc Thần thì làm điều lành mà không màng tính công lao).

– Thánh nhân vô danh (người đứng vào bậc Thánh thì làm mà không cần lưu tên tuổi).

Hiển nhân, có thể hiểu là người có tài, có đức, biết nghĩ, dám làm và đem lại nhiều ích lợi thiết thực cho xã hội, đem lại hòa bình và an vui cho dân tộc, góp tay giúp thanh bình thế giới.

Mạc Đĩnh Chi (1280–1346), đỗ trạng nguyên năm hai mươi bốn tuổi. Bốn năm sau, năm 1308 đời vua Trần Anh Tông, Mạc Đĩnh Chi được cử đi sứ nhà Nguyên, mừng vua Nguyên Vũ Tông mới lên ngôi. Đó là khoảng 30 năm sau cuộc chiến chống Mông Cổ lần ba (1287–1288). Sứ bộ Đại Việt bị nắn gân nắn cốt rất dữ.

Khi đến Yên Kinh, thấy Mạc Đĩnh Chi người thấp bé, nên người Nguyên tỏ ý khinh khi. Trong buổi tiếp kiến đầu tiên, một quan văn đã ra câu đối:

Nhật hỏa vân yên, bạch đán thiêu tàn ngọc thổ (Mặt trời là lửa, mây là khói, ban ngày thiêu cháy vầng trăng – Hàm ý là đại quốc đủ sức thiêu rụi nước nhỏ).

Mạc Đĩnh Chi đã đối lại: Nguyệt cung tinh đạn, hoàng hôn xạ lạc kim ô (Trăng là cung, sao là đạn, chiều về bắn rớt mặt trời – Mặt trăng tuy nhỏ, cũng có lúc làm chủ cả bầu trời)...

Khi Mạc sứ bộ bái biệt vua Nguyên để về nước, vua Nguyên ra

thêm một câu hỏi hiểm hóc, vừa muốn khoe dân giàu nước mạnh, vừa muốn bắt bí trạng nguyên đất Việt:

Vua Nguyên hỏi:

– Từ khi đến Yên Kinh, ngày nào nhà ngươi cũng cưỡi ngựa đi trên đường thăm phong cảnh, thế ngươi có biết mỗi ngày có bao nhiêu người qua lại trên quan lộ không?”

Câu hỏi thật là bất ngờ, sau một lát suy nghĩ, Mạc Đĩnh Chi đã điềm tĩnh trả lời, đúng mực “lợi nhi hành chi”⁶:

– Muôn tâu Bệ hạ, hàng ngày trên đường kinh đô chỉ có hai người đi lại.

Vua Nguyên ngạc nhiên, hỏi:

– Nhà ngươi lạ vậy, kinh đô ta đất rộng người đông, ngựa xe như nước chảy, sao lại chỉ có hai người?

Mạc Đĩnh Chi thưa:

– Muôn tâu Bệ hạ, nói chỉ có hai người, không phải là cái thấy, mà là cái biết. Dưới nhãn mục của hạ thần, dù rất đông người qua lại, tựu trung chỉ có hai người: Một là kẻ cầu danh; hai là người cầu lợi.

Trong câu trả lời đầy ứng biến, Mạc Đĩnh Chi vừa tránh được việc bị bắt bí để phải trả lời sai, lại vừa nhắc khéo vua Nguyên đừng vì hai chữ lợi danh mà dấy động binh đao. Khâm phục tài ứng đối, vua Nguyên đã xuống chỉ, sắc phong Mạc Đĩnh Chi làm “Lưỡng Quốc Trạng Nguyên”.

Lịch sử nước ta với 49 vị, có bốn người được các triều đại

6. Thấy việc có ích lợi thì làm.

Trung Hoa ban tặng là “Lưỡng quốc Trạng Nguyên”, đó là:

Mạc Đĩnh Chi triều vua Trần Anh Tông
Nguyễn Trục triều vua Lê Thái Tông
Nguyễn Đăng Đạo triều vua Lê Hy Tông
Tống Trân triều Tiên Lý.

Tuy không chính thức đỗ Trạng Nguyên ở một nước khác, nhưng học vấn của họ được công nhận như một Trạng Nguyên của nước đó – đều là Trung Quốc, nên xem như có hai tấm bằng Trạng Nguyên. Đây là một minh họa rõ nét nhất cho việc an bang của một hiền nhân. Chữ “bang” có nghĩa là quốc gia, nước nhà. An bang là giữ hòa bình, toàn vẹn lãnh thổ, biên cương.

Người hiền là những người mang sứ mạng giúp đời. Hai chữ an bang, có thể là cội đặt địa trên thế lộ. Những khoa học gia lừng danh của nhân loại, như Albert Einstein, Marie Curie, Thomas Edison...; Những người quên mình cho tự do và phát triển của đất nước như Nelson Mandela, Lý Quang Diệu...; Những Nobel văn chương, hòa bình như Mạc Ngôn, Mikhail Gorbachev... Đức Khổng Tử được đời sau tôn xưng Khổng Thánh Tiên Sư (Vạn Thế Sư Biếu), do cả cuộc đời dạy người như đạo, hướng cho các vị vua quan cách thức an bang. Những lời dạy của Ngài qua vạn thế vẫn còn nguyên nhiều ý nghĩa. Chúng tôi xin đơn cử nơi đây: “Có kiến thức thì không nghi ngờ, có lòng nhân thì không ưu tư, có dũng cảm thì không sợ hãi.”

Nếu nhà cửa đã yên ổn, đất nước thái bình, cuộc sống tiện nghi, thì vai trò của người tu là gì, sứ mạng của Đạo là đâu trên hành trình nhân loại?

NGƯỜI TU

Chữ Tu (修), là sửa cho nên tốt, bên trái là chữ Nhân (亻) là người, bên phải là chữ Ngạn (彥), nghĩa là kẻ sĩ có tài có đức. Như vậy, một phạm nhân, khi trau luyện, sửa đọan cho mình thành người tài đức, là người tu.

Chúng tôi xin viết trọn câu thánh thi đã đọc từ đầu bài viết:

“Đại đồng tôn giáo ở trần gian

Khoa hội trường thi đến Niết Bàn

Hạnh phúc bởi người tha thiết lập

Mới là tế thể với an bang

An bang là việc của hiền nhân

Tế thể, người tu phải gánh phần.”⁷

Tế thể, khác với an bang như thế nào?

Nếu an bang là giúp con người đạt địa, thì tế thể là giúp nhân loại thông thiên. Nói cách khác, tế thể là đem ĐẠO vào lòng người.

Trong phạm vi cá thể. Dù sống giữa một đất nước thanh bình, không chiến tranh; dù là một giáo sư, bác sĩ hay một lực sĩ, dù giàu có hay nghèo khó; dù già hay trẻ... Chúng ta không khó để nhận ra hạnh phúc, sức khỏe, người thân, công việc, tuổi thọ, tất cả đều thật mong manh. Mọi thứ chung quanh ta, ngay cả sự tồn tại của trái đất, là những điều không thể kèm theo tinh từ vĩnh hằng.

Nhưng giữa vô cùng của vô thường, vẫn có một cõi vĩnh hằng:

7. Đức Cái Thiên Cổ Phật, Thánh thất Tân Định, 03/01 Ất Ty, 04/02/1965).

Sự giải thoát của linh hồn khỏi luân hồi sinh tử. Kiếp người, chưa phải là mức tiến hóa xa nhất. Lịch sử nhân loại đã từng chứng kiến những dấu chân vĩ đại của tâm linh con người: Sĩ Đạt Ta, Jesus Christ, Lão Tử, Huệ Năng, tiền bối Ngô Văn Chiêu, mẹ Têrêsa...

Cho nên, nếu người hiền giúp ĐỜI, cho thế giới an Khang, thì người tu giúp cho thế giới tâm hồn được an lạc, hay đem ĐẠO vào tâm mình – tự độ, và gieo cho tâm người – độ tha.

Tu là con đường để nhận ra đâu là thực, đâu là mộng; đâu là chân, đâu là giả. Khi thấu hiểu, là ta đã bước qua cõi mong manh tràn ngập con đường người.

Tuy vậy, không phải ai cũng dễ dàng nhận ra và chấp nhận sự tiến hóa khó nhìn thấy này. Ta sẽ không hiểu vì sao một thanh niên cường tráng mới mười chín tuổi, một bậc thế tử với vợ đẹp và con thơ, lại có thể rời giang sơn, khoác áo cơ hàn mà tìm kiếm cõi bình an thực sự, nơi không có chỗ cho mong manh lão sinh bệnh tử. Nhà Phật gọi đó là DUYÊN. Cái duyên ấy là kết tập của nhiều tiền kiếp đã tắm mình trong dòng sông đạo.

Cái duyên ấy, khác xa với cái trí, có thể học tập mà biết; khác với cái sức, có thể thao dượt mà thành.

Chữ duyên (緣) gồm bộ Mịch (糸), là sợi dây tơ đứng trước chữ Thoán (象), là lời bàn chung của một quẻ trong Kinh Dịch. Sợi dây cột vào quẻ, như muốn nói cái duyên ấy là sự kết nối từ bao đời của nhân nghiệp mà tạo thành. Nhờ có duyên, mà một người ít học như Huệ Năng, mới cảm được con đường thiên định, một căn bản để người đời biết Đạo.

“Người hiền để người ta biết đó

*Thì cũng chưa thiệt rõ người hiền
Người hiền an tịnh nhĩn kiên
Lo làm âm đức mới thiên tâm linh.”⁸*

Đây là cách tu mà Đức Ngộ Đại Tiên không ít lần gọi là “tu ẩn, tu thâm”. Tu như một cuộc dạo chơi cho riêng mình trên đường tu lẫm chông gai xen lẫn không ít hoa thơm cỏ lạ. Đó là chuyến đi riêng của linh hồn, một hành trình mà hành giả không muốn, và không nên khoe bày.

“Thánh xưa đâu có khi nào tưởng mình là Thánh, vì chỉ thích ưa việc thiện, độ chúng giáo nhân trên đường ngay lẽ phải mà làm. Phật xưa đâu nghĩ rằng mình sẽ là Phật, chỉ vì lòng “Từ bi cứu chúng giúp đời/ Xả thân hành thiện cho người noi theo.” (...) Người đời vì phải cái bệnh hưởng ngoại đi tìm hạnh phúc ở viễn vông nên suốt đời không sao tìm được cái chân hạnh phúc, dẫu cho quanh năm suốt tháng cầu nguyện hòa bình, lập đàn tế tự. Chỉ khi nào con người biết hướng nội, tự làm lấy, tự tìm lấy, tự tạo lấy mới mong hưởng được cái chân thiện mỹ, chân hạnh phúc, thái hòa an lạc mà thôi.”⁹

Con đường của người tu, đòi hỏi nhiều gian truân hơn con đường học làm hiền nhân. Hiền nhân có thể nhờ “tấm bằng” trạng nguyên, tiến sĩ, nhờ danh vị bác sĩ, kỹ sư mà hưởng danh thân lợi. Khi phú quý, lại dễ sanh tà ái, nên Mạnh Tử mới nhắc: “Phú quý bất năng dâm”.

8. Đại Thừa Chơn Giáo.

9. Đức Quan Âm Bồ Tát, Minh Lý Thánh Hội, 06/4 Giáp Dần, 27/4/1974.

Đường tu thì trắng tay, lại phải giới điều, chay lạt. Mà nhờ có trắng tay mới dễ sạch lòng, nhờ chay lạt mới trừ bớt nghiệp thân.

“Khuyên con ráng tập đạo Bản

Nhờ Bản con khỏi lưới trần vẩn vương.”¹⁰

Nhưng đâu là khác biệt dễ thấy nhất giữa người hiền và người tu?

Nếu hiền nhân có thể dày CÔNG QUẢ, hằng gieo việc thiện lành, có thể cũng nặng nhọc CÔNG TRÌNH luyện trí, dày công theo đuổi phát minh khoa học để giúp đời giúp người, thì vẫn thiếu phần CÔNG PHU, thiên định mà xưa Đức Phật nhờ đó mà nhận ra cội giải thoát rất ráo nhất.

“Muốn không ưỡng bình sinh tại thế

Thì lo tu chớ để cách xa

Tuy thân ở cõi ta bà

Mà tâm linh đã thoát ra cửa phiên.”¹¹

Khái quát hơn, nhưng cũng chi tiết và rõ ràng hơn, là lời dạy của Đức Ngô Đại Tiên:

Tu hành gắng chí con ôi

Khẩu, tâm dè dặt đặng ngồi luyện đơn

Mặc ai cao thấp thiệt hơn

Phận con, con giữ Kim Đơn trong mình

Lời ra khí giận tổn tinh

Đoạn tâm luyện đạo như bình nước trong

10. Đức Ngô Đại Tiên, Thánh Ngôn Yếu Lược, LH, 17/3 Ất Mùi, 08/5/ 1955.

11. Đức Quan Âm Bồ Tát, Thánh thất Bình Hòa, 08/4 Canh Tuất, 12/5/1970.

Đa văn khí tồn nơi lòng

Giữ tròn Thầy dạy non Bông con leo.”¹²

Luyện đạo, là con đường thiên định, luyện thuốc, là “trường đại học” bắt buộc phải bước qua nếu muốn tốt nghiệp trường Tiên:

“Con người trong cõi phàm, muốn thay hồn đổi xác, hoặc xuất thân đến một cõi Phật Tiên, điều sơ đẳng là phải qua được cửa tham thiên nhập định.”¹³

KẾT

Chu Đôn Di (đời Tống) có đề lời:

“Sĩ hy Hiền; Hiền hy Thánh; Thánh hy Thiên” (Kẻ sĩ mong sao đạt đến bậc Hiền; Người hiền mong sao đạt được đến bậc Thánh; Bậc Thánh thì sẽ hợp làm một thể với Trời. Vậy Thánh tức Thiên. Nên Cao Đài có lời Thánh giáo mà tín đồ nào cũng nằm lòng:

“Tu là học để làm Trời

Phải đâu muôn kiếp làm người thế gian.”¹⁴

Trong bài thơ “Hạt Lạ Gieo”, Huy Cận viết một tâm tình chứa chan chia sẻ:

12. Thánh Ngôn Yếu Lược, Chiếu Minh Tam Thanh Vô Vi, CD, 08/8 Bính Tý, 23/9/1936.

13. Đức Vạn Hạnh Thiên Sư, Minh Lý Thánh Hội, 03/01 Canh Tuất, 08/02/1970.

14. Đức Đại Tiên Lê Văn Duyệt, Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, 10/5 Giáp Dần 29/6/1974.

Rồi một ngày kia già côi này

Xin cho gieo hạt hết trong tay...

Dù sở học luôn là hạn hẹp, đường tu học vẫn còn những bước tập tành. Vẫn biết chuyện vấp ngã vẫn là thói thường của nhân gian, chưa ráo được vết chân của tục tử phạm phu, chúng tôi vẫn mang một tâm huyết đem được đạo Trời đến gần hơn với thế nhân, như hai trong năm lời nguyện mà tín đồ Cao Đài hằng tâm niệm:

Nhứt nguyện Đại Đạo hoằng khai; Nhì nguyện phổ độ chúng sanh...

Sứ mạng của người hiền và người tu, có thể tóm gọn trong lời Thánh giáo này:

“Khoa học sẽ giúp người đạt địa. Đạo lý sẽ giúp người thông thiên. Thế gian không còn là biển khổ sông mê.”¹⁵ Và:

“Thượng Đế không kêu gọi con người phụng sự cho Thượng Đế, mà con người hãy cải tạo để xây dựng thiên đàng cho con người và thế giới ở trên đời.”¹⁶

Kính nguyện cầu. Những người con Cao Đài, và thật nhiều nhân duyên, vừa có hiền, vừa có tu, để có thể giúp thật nhiều cho cuộc đời và giúp cho cả chính mình.

15. Đức Cao Triều Phát, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 15/7 Giáp Dần, 01/9/1974.

16. Chư Tiên Khai Đại Đạo, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, 14/02 Giáp Dần. 07/3/1974.

Những cuộc hội ngộ tình cờ và cảm động

CAO BẠCH LIÊN

Sau hơn tám mươi năm bị đô hộ bởi thực dân Pháp, nước ta vừa giành được độc lập, một chính quyền non trẻ mới thành hình. Nhưng rồi giặc Pháp trở lại xâm lược nước ta một lần nữa. Tình hình trong nước rối ren, các đảng phái nổi lên tranh giành ảnh hưởng. Lợi dụng tình hình đó, giặc Pháp mua chuộc một số lãnh tụ đảng phái, chức sắc tôn giáo theo chúng để nhằm thực hiện âm mưu dùng người Việt đánh người Việt, huynh đệ tương tàn, nổi da xáo thịt. Cảnh giết chóc xảy ra không chỉ ở người cầm súng, mà người dân vô tội cũng chịu

vạ lây do bởi những thành phần xấu lợi dụng kháng chiến để triệt hạ, hay hãm hại những người không cùng phe nhóm hay có mâu thuẫn riêng tư. Do đó, tình hình đồng bào bị giết chóc xảy ra lẻ tẻ rồi tăng lên bộc phát. Ai là người có lương tri đâu có thể ngồi yên nhìn cảnh tương tàn.

Đức Chí Tôn Từ Phụ, qua đàn cơ ở Hòn Chuối, đã ban trao sứ mạng cứu người cho đệ tử Cao Triều Phát. Ngài Cao Triều nhận lãnh sứ mạng đem tình thương của Thượng Đế ban rải cho chúng sanh, đem lại cuộc sống bình yên cho mọi người. Như có một phép nhiệm mầu, tình hình lắng dịu dần dần ổn định.

Thời gian trôi nhanh, đời người là hữu hạn, hầu hết những người trong cuộc, những chứng nhân lịch sử, nay đã sang thế giới khác. Những câu chuyện xảy ra cách nay hơn sáu mươi năm chắc rằng chưa có quyển sách lịch sử nào ghi lại. May thay có một ít người trong cuộc, kịp kể lại những kỷ niệm mà họ giữ gìn như suốt cuộc đời mình cho con cháu nghe. Kỳ diệu thay, hơn sáu mươi năm đã trôi qua, ngẫu nhiên có những cuộc hội ngộ đầy xúc động, họ kể cho nhau nghe nhờ tình thương của Thượng Đế mà người thân của họ được cứu sống, nghe ra như có phép nhiệm mầu.

– Nguyễn Phích – con trai ông Nguyễn Văn Biện kể rằng:

“Một buổi tối, gia đình tôi đang quây quần bên mâm cơm, thì có một số người xông vào nhà, bắt ba tôi trói lại dẫn đi, lý do là có liên hệ với tôn giáo. Trước đó tại đây và vùng lân cận cũng có người bị bắt đi thủ tiêu vô cơ như vậy. Hay được tin dữ, cụ Cao

Triều Phát kịp thời giải cứu ba tôi và một số người nữa cùng bị bắt vì có liên hệ với Cao Đài. Thoát chết, Ba tôi lại trở về với cuộc sống đời thường, tu hành và tham gia công việc xóm làng. Sau này còn tham gia chính quyền trong kháng chiến chống Pháp ở xã Hậu Thạnh. Các con của ông lớn lên đi bộ đội đánh Tây.”

– Trong khi đọc những tài liệu hoạt động của Cao Đài Cứu Quốc thời kháng chiến chống Pháp, tôi có chú ý đến tên các vị đại biểu về dự các lần đại hội, nhất là các vị tham gia ban chấp hành Hội Cao Đài Cứu Quốc và các vị trong Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vì đó là những người đã từng là bạn đạo cùng hoạt động với cha tôi thời trước. Tuy lịch sử đã trôi qua lâu rồi, các vị trẻ nhất lúc đó, nay chắc cũng khoảng chín mươi, nhưng tôi vẫn hy vọng tìm gặp được những vị còn sống để tìm hiểu thêm về một thời xa xưa.

Nhưng cuộc đời đâu dễ thực hiện được điều mình mơ ước. Tình cờ tôi nghe nói có cụ Nguyễn Quang Sanh, nguyên ủy viên ban chấp hành Cao Đài Cứu Quốc, còn sống ở Sài Gòn sau ngày miền Nam giải phóng, tôi chỉ được biết về cụ như vậy. Lần dò tìm mãi mới hay cụ đã qua đời rồi.

Một hôm có người bạn đạo rủ tôi đi đám giỗ cụ Sanh ở Bình Dương, thôi thì không gặp cụ khi sống thì đi đám giỗ cụ vậy. Tiếp chúng tôi là chị Kim Chi, con gái cụ Sanh. Người bạn cùng đi giới thiệu tôi là con của cụ Cao Triều Phát với gia chủ. Bất ngờ chị Kim Chi ôm tôi và òa khóc. Chị kể: “Ba tôi lúc còn sống hay nhắc đến cụ Cao Triều Phát, người ân đã cứu mạng năm nào. Hồi năm 1946 giặc già liên miên, ở Bình Hòa, Bình Nhâm cũng như

nhiều nơi khác, không khí âm ảm chết chóc bao trùm xóm làng. Nhiều người đàn ông trong làng, ngày còn lao động ngoài đồng ruộng, tối về chưa được ăn bữa cơm, đã bị lừa đi thú tiêu, riêng ấp Đông Ba tối tối có nhiều đàn ông bị lừa đi như vậy. Ba tôi là thầy ký Sanh làm kế toán cho hãng xi măng Hà Tiên ở Sài Gòn, ông là một người theo đạo. Chiều thứ bảy về thăm gia đình ở ấp này thì tối bị lừa đi tập trung cùng với mấy thanh niên trong ấp như Ba Gừng, Ba Trọng, Út Thăng, Ba Đức, Ba Trò... và một số người nữa. May thay cụ Cao Triều Phát kịp giải thoát họ khỏi bàn tay tử thần, tình nghĩa ấy còn lưu lại mãi mãi đối với lớp con cháu như chúng tôi.”

– Ngày lễ kỷ niệm bảy mươi năm công khai đạo Cao Đài ở Miền Trung được tổ chức trọng thể tại Trung Hưng Bửu Tòa, thật long trọng và hoành tráng. Ngoài đạo hữu của Cao Đài thuộc Hội Thánh Truyền Giáo, còn có rất đông đạo hữu các phái khác từ các nơi, nhất là các tỉnh phía Nam như Cà Mau, Bạc Liêu, Rạch Giá, Hà Tiên, Đồng Tháp, Kiên Giang, Tiền Giang... quy tụ về dự lễ rất đông. Những người con một Cha tụ họp về mừng vui cho nền Đại Đạo ngày một hồng khai. Đây cũng là dịp may hiếm có để bạn đạo các nơi có dịp gặp gỡ nhau, trao đổi, học hỏi, tâm tình.

Buổi tối, một cô ở Tiền Giang tìm đến gặp tôi, mắt cô đỏ hoe, xúc động nói: “Chị ơi! Sáng nay, thấy ban tổ

chức giới thiệu chị ở hội trường, em nóng lòng muốn gặp chị ngay mà chưa được, chờ tới bây giờ mới được gặp chị. Em đâu có ngờ chị em mình ở cách nhau có bảy chục cây số mà đâu biết có chị để em đi tìm. Phải bay gần cả ngàn cây số, mới biết có chị trên đời, và gặp mặt nhau ở thành phố Đà Nẵng. Một cuộc hội ngộ thật kỳ diệu phải không chị? Em kể cho chị một chuyện, mà em biết chắc là chị chưa biết: Lúc ba em còn sống có kể cho em nghe một câu chuyện có liên quan tới bác Cao Triều Phát. Ba em nói nhờ bác cứu ba khỏi chết nên mới có con trên đời này. Em khắc ghi điều ba em nói trong lòng.

Ba em kể: “Năm đó, ở Cai Lậy – Mỹ Tho và các vùng lân cận, người đạo bị giết chóc do tranh tối tranh sáng hiểu lầm xảy ra liên tiếp. Ở xã Mỹ Phước Tây, ấp Láng Biển có chùa Láng Biển, người đạo cũng chịu tình trạng chung đó. Hôm đó có ba người, một phụ nữ và hai thanh niên phải chết. Ở đây có lệ trước khi bị xử, họ được cho ăn bữa cơm ân huệ, để khi chết rồi không thành ma đói phá phách xóm làng. Người phụ nữ bưng chén cơm chan đầy nước mắt, nói với hai thanh niên: chúng ta cứ ăn cho lâu, kéo dài sự sống được phút nào hay phút đó; biết đâu sẽ có phép mầu xảy đến cứu chúng ta thoát chết. Thời gian chậm chậm trôi thật nặng nề. Bỗng một chiếc xuồng tam bản, mui cà rèm, có một cụ già ngồi và hai thanh niên chèo xuồng ghé vào bờ sông, gần chỗ ba

người đang ngồi ăn cơm. Chính là bác Cao Triều Phát đến kịp cứu họ thoát chết trong gang tấc. Cô Đinh nói thêm: người phụ nữ tên là Nguyễn Thị Ngâu là bà nội em, còn hai thanh niên là Mai Văn Phùng và Mai Văn Triệu là bác và ba của em. Sau khi thoát nạn khá lâu ba em mới cưới vợ và sanh ra em. Em rất nhớ ơn bác Cao, nếu không có bác cứu ba em thì làm sao em được có mặt trên cõi đời này.”

– Tại Thánh tịnh Minh Đức ở thành phố Mỹ Tho, tôi được gặp một nhân vật là nhân chứng sống của thời máu lửa. Người đó là ông Bảy Nhị, 95 tuổi. Tuy tuổi đã cao, nhưng ông còn rất khỏe mạnh, tinh thần minh mẫn sáng suốt, kể chuyện mạch lạc rõ ràng. Ông kể rằng: “Vào năm 1946, tình trạng chiến tranh hỗn loạn, người ta giết chóc nhau, cái sống và cái chết cách nhau chỉ một lần ranh nhỏ xíu. Lúc đó, tôi là một thanh niên 30 tuổi, sống bằng nghề nông. Ngày sóc vọng có đến Thánh thất cúng lễ mà thôi. Một ngày kia, tôi và người bạn đạo tên là Lành bị bắt. Hai cái hố đã đào xong đang chờ chúng tôi. Anh Lành xin chờ đi gặp cụ Cao Triều Phát để cầu cứu. Cũng may lúc này cụ Cao từ miền Tây đã lên Tháp Mười, gần nơi của chúng tôi. Khi anh Lành cầm được tờ giấy có xác nhận của cụ Cao về tới, chúng tôi và những đạo hữu vô tội đều được cứu thoát. Nếu cụ không lên kịp thì chúng tôi tiêu hết rồi, đâu còn

tới bây giờ. Đã 65 năm trôi qua, tôi luôn nhớ ơn cụ Cao cứu mạng nên lo tu hành, và đóng góp công tác xã hội, để không phụ công ơn người đã cho tôi thêm thời gian sống có ích cho đời. Tôi còn nhớ một bài Thánh giáo Ôn Trên – lâu quá không nhớ đàn ở Thánh thất nào – dạy cụ Cao như sau:

*“Cao Triều Phát ơn nhà nợ nước,
Thầy biết con một bước một dò,
Đáng trang liệt sĩ Thầy cho,
Giang san một gánh con dò cho in.
Vai con gánh muôn nghìn sanh chúng,
Miệng hô to Thầy cũng giúp cho,
(... câu này quên...)
Ngày gần có cuộc mây mưa,
Con tua nghe lệnh Thầy thừa sắc ban.”*

Tôi xin chép lại bài Thánh giáo này để kỷ niệm, và cũng để đọc giả cùng chia sẻ.

Từ già ông Bảy, tôi chúc ông luôn khỏe mạnh và được thêm nhiều thời gian hành đạo giúp đời. Ông là Thích Chương Pháp của Hội Thánh Cao Đài Tiên Thiên và nay đã quy tiên.

Những con người nhờ tình thương của Thượng Đế, thoát khỏi cơn hoạn nạn để trở về cuộc sống đời thường chắc còn nhiều hơn chúng ta tưởng. Cầu xin Ôn Trên ban ơn cho họ và con cháu họ có một cuộc sống yên bình, hạnh phúc và an lạc.

Nhớ về một mùa xuân của tín hữu Cao Đài ở miền Bắc

CAO BẠCH LIÊN

Thời kỳ Pháp đô hộ, nước ta chia làm ba kỳ: Bắc kỳ, Trung kỳ và Nam kỳ. Mỗi kỳ có một hình thức cai trị khác nhau. Nam kỳ là thuộc địa chịu sự cai trị hoàn toàn của người Pháp. Bắc kỳ là chế độ bảo hộ nhưng Pháp trực tiếp điều khiển. Hà Nội, Hải Phòng và Đà Nẵng, là đất nhượng địa. Trung kỳ là đất bảo hộ, duy trì chế độ Nam triều, quyền lực hạn chế trong phạm vi Trung kỳ. Theo hòa ước Harmand (1883) giữa đại diện của Pháp là François Jules Harman và đại diện của triều đình Huế là Trần Đình Túc (Hiệp Biện Đại Học Sĩ, Chánh Sứ) và

Nguyễn Trọng Hợp (Thượng Thư Bộ Lại, Phó Sứ). Hòa ước có 27 điều khoản, trong đó xác lập quyền bảo hộ lâu dài của thực dân Pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

Đạo Cao Đài ra đời ở Nam Kỳ 1926, ngày 07/10/1926 lập tờ khai tịch đạo có 28 vị tiêu biểu ký tên, gửi cho Quyển Thống đốc Nam Kỳ thông báo một tôn giáo mới là đạo Cao Đài công khai hóa hoạt động. Nửa tháng sau khi có tờ khai tịch đạo, trong đàn cơ tại nhà ông Hồ Quang Châu và bà Phan Thị Lân, Đức Cao Đài có dạy:

*“Từ nay nòi giống chẳng chia ba,
Thầy hiệp các con lại một nhà,
Nam Bắc cùng rời ra ngoại quốc,
Chủ quyền chơn đạo một mình Ta.”*¹

Vâng lời Ông Trên dạy lúc khai đạo, các vị tiền bối đã mở rộng hoạt động ra Trung, Bắc để phổ truyền mới đạo Thầy.

Những năm đầu thế kỷ 20 ở Trung kỳ, nhiều phong trào yêu nước nổi dậy chống

1. Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, quyển 1, đàn ngày 15/9
Bính Dần, 24/10/1926.

thực dân Pháp và Nam triều. Như phong trào Duy Tân, phong trào Cần Vương, phong trào nông dân tự phát... Trong tình hình rối loạn này, triều Nguyễn và thực dân Pháp thấy cần thiết ngăn cấm những tôn giáo mới như Tin Lành, Cao Đài lan tràn tới Trung kỳ. Ngoại trừ đạo Thiên Chúa, do có bản hòa ước 1884, mới được truyền giáo mà thôi. Triều Nguyễn ra nghị định, Đạo dụ, nhất là Đạo dụ số 10: Không cho đem sách báo đạo Cao Đài truyền bá, phát tán và tàng trữ trong hạt xứ Trung kỳ; cấm truyền bá đạo Cao Đài trong dân chúng; cấm theo đạo Cao Đài.

Từ năm 1929, các vị Tiên bối ra miền Trung truyền đạo đều bị ngăn cấm trực xuất khỏi Trung kỳ.

Nhiều vị Tiên khai của Đạo đã lần lượt đặt chân đến Bắc kỳ xem xét tình hình để mở mang cơ đạo.

Năm 1933, Tòa Thánh Tây Ninh bổ nhiệm chức sắc ra truyền giáo tại Bắc Kỳ.

Người đầu tiên được Tòa Thánh Tây Ninh bổ nhiệm là Giáo hữu Thượng Tuất Thanh. Sau thời gian hành đạo ngăn ngùi tại miền Bắc, ông đã quy vị. Kế tiếp là Giáo hữu Thượng Chử Thanh được cử ra Bắc kỳ thay thế. Ông tạm lập Thánh thất tại phố Ga Hàng Cỏ, Hà Nội. Một thời gian ngắn sau đó, ông Chử xin trở về Tòa thánh. Đầu năm 1934, Tòa thánh cử tiếp đoàn truyền giáo Bắc Việt gồm bốn vị chức sắc: Giáo hữu Thượng Ngoạn Thanh, Lễ sanh Thượng Điểm Thanh, Chánh trị sự Thạch, Phó trị sự Phong ra Hà Nội. Quý vị nhờ Hội Nam Kỳ Tương Tế chỉ dẫn thuê được một ngôi nhà rất khang trang ở phố Harmand (sau này đổi tên là phố Phù Đổng Thiên Vương, gần nhà máy rượu). Ngôi

Thánh thất đầu tiên (của Toà thánh Tây Ninh) khai đạo Cao Đài tại Hà Nội ngày mồng 1 tháng 3 năm Giáp Tuất (14/4/1934). Sau nhiều lần thay đổi địa điểm Thánh thất, đến năm 1954 Thánh thất Thăng Long thuộc Hội Thánh Cao Đài Tây Ninh ở Hà Nội, tọa lạc tại số 29 đường Lý Thường Kiệt, quận Hoàn Kiếm, Hà nội.

Thái Giáo hữu Nguyễn Văn Thái, Đầu họ Đạo Thánh thất Thăng Long, Giáo hữu Đoàn Thị Dư, Đầu họ Đạo phái nữ.

Năm 1937, Ngài Giáo Tông Nguyễn Ngọc Tương ghé thăm cố đô Huế, rồi ra thăm Hà Nội. Chuyến đi này có đem theo thanh đồng Tô Văn Pho (18 tuổi, sau này giữ vững cơ đạo ở miền Bắc cho đến năm 1954 miền Bắc được giải phóng và tiếp tục về sau này). Khoảng đầu năm 1939, Hội Thánh Ban Chính Đạo cử hai chức sắc là Bảo Đức Chơn Quân Nguyễn Văn Cui và Thượng Lễ Sanh Huỳnh Minh Chư cùng ông Tô Văn Pho ra Hà Nội truyền Đạo và tạo lập Thánh thất. Quý vị mượn nhà số 12 ngõ Mai Hương, phố Bạch Mai. Tạm thời lập Thiên bàn nhưng chưa có tên Thánh thất. Tuy vậy, nghi lễ cúng kính hàng ngày thu hút sự chú ý của đồng bào chung quanh, nhất là những công chức hưu trí, sau ba tháng số người nhập môn gần một trăm. Như vậy, đầu năm 1939, ở Miền Bắc đã manh nha hình thành Thánh thất Cao Đài thuộc phái Ban Chính Đạo. Sau nhiều lần dời chỗ, tới năm 1948, Thánh thất mới có địa điểm chính thức (số 48 phố Hòa Mã, quận Hai Bà Trưng, thủ đô Hà Nội) và tồn tại cho tới ngày nay.

Hàng ngũ chức sắc ban đầu có quý vị: ông Đốc phủ Lê Tụng, Thượng Giáo sư; ông Phạm Đồng Hưng, Ngọc Giáo sư; Bà Vương Thị Tổng, Giáo sư; Bà Bé Tý, Giáo sư và ba vị Giáo hữu... Năm

1954, Thượng Giáo hữu Tô Văn Pho được Hội Thánh bổ nhiệm Quyền Đầu họ đạo Thánh thất Hà Nội, thay cho Thượng Giáo sư Lê Tụng, Đầu họ Đạo di cư vào Nam.

Nền Đạo truyền ra Bắc Việt trước tiên ở Hà Nội, sau đó lan truyền đến Hải Phòng, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Hoàn Kiếm, Tây Tựu, Đặng Giang, Phúc Đức.

Quá trình truyền đạo ra Bắc Hà gặp nhiều khó khăn, phần do thực dân Pháp nghi ngờ theo dõi tra hỏi, phần do tài chính eo hẹp, nên việc phát triển không được nhanh chóng như ý nguyện của người đi truyền đạo.

Năm 1954, Hiệp định Genève được ký kết chấm dứt chiến tranh Việt-Pháp ở Việt Nam. Sau đình chiến, hai bên thực hiện điều khoản hiệp định, tập kết chuyển quân. Phía Pháp rút quân vào miền Nam, phía Việt Nam kháng chiến rút quân về miền Bắc trong thời hạn 300 ngày. Lấy vĩ tuyến 17 làm ranh giới tạm thời, sau hai năm Việt Nam sẽ tổng tuyển cử thống nhất đất nước.

Bộ đội và cán bộ chủ chốt của kháng chiến tập kết ra Bắc, chuyến cuối cùng rời cửa sông Ông Đốc trong một buổi chiều buồn, bụi ngùi lưu luyến giữa kẻ ở lại, người ra đi, hai ngón tay giờ lên trước lúc chia ly hẹn hai năm sẽ tái ngộ.

Quân viễn chinh Pháp lục tục kéo nhau lên tàu vào Nam. Theo sau đội quân viễn chinh Pháp rút vào Nam là hơn một triệu dân di cư, phần lớn là người theo đạo Thiên Chúa vì họ tin là Chúa đã vào Nam, hơn nữa họ là đối tượng thứ nhất được ưu tiên trước những thường dân khác. Đối tượng thứ hai di cư nữa là những người đã làm việc cho Pháp, thân Pháp và gia đình bà con thân

thuộc của họ. Đối tượng thứ ba là một số thường dân. Cuộc di cư rầm rộ kéo dài, làm cho người dân rất hoang mang lo sợ.

Cũng có một số tín hữu Cao Đài di cư, còn phần lớn là những người lao động chơm chất, tuy ở lại nhưng cũng rất hoang mang lo sợ. Thấy người ta di cư, còn mình ở lại không biết sẽ sống ra sao đây với chính quyền mới.

Ngày 10/10/1954, chính phủ Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa chính thức vào tiếp quản thủ đô Hà Nội.

Trong những người dân đi dự cuộc mít tinh đón mừng các vị lãnh đạo chính phủ hôm ấy có những tín đồ Cao Đài ở thủ đô, họ kịp nhận ra trên khán đài có một vị đại biểu mặc áo dài trắng đầu đội khăn đóng, đứng cạnh mấy vị sư mặc áo vàng và mấy linh mục mặc áo dài đen. Ôi niềm vui nào hơn cuộc hội ngộ bất ngờ này. Người mặc áo dài trắng là Cụ Cao Triều Phát, Anh Cả Chương Quân Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, vừa từ miền Nam tập kết ra Bắc. Tin này lan khá nhanh trong các tín hữu Cao Đài ở Hà Nội, lần lần những nơi khác cũng biết tin vui này. Sau đó đại diện Thánh thất Hà Nội (thuộc Phái Ban chính Đạo) do Thượng Giáo hữu quyền Đầu họ Đạo Tô Văn Pho và cô Ngô Thị Bình cùng với Thái Giáo hữu Nguyễn Văn Thái, Đầu họ Đạo và Giáo hữu Đoàn Thị Dư, Đầu họ Đạo phái nữ Thánh thất Thăng Long (thuộc phái Tây Ninh) cùng đến vấn an Anh Cả và báo cáo tình hình hành đạo của hai Thánh thất. Anh Cả thông báo: “Vì trong điều kiện chiến tranh, sự thông tin giữa hai miền có hạn chế nay thông báo cho chư đạo hữu miền Bắc biết: Từ năm 1947, trong Nam

đã thành lập Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, đoàn kết thống nhất 12 chi phái tham gia cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc, nay cuộc kháng chiến đã thắng lợi, miền Bắc đã được giải phóng, nhưng còn một nửa nước chưa hoàn toàn giải phóng. Nhiệm vụ của chúng ta là những công dân Việt Nam, cần phải đoàn kết xây dựng miền Bắc để làm hậu thuẫn cho đồng bào miền Nam, sau hai năm sẽ tổng tuyển cử thống nhất non sông về một dải. Phương hướng hành đạo sắp tới, tôi có gợi ý, hai Thánh thất thuộc hai phái Ban Chính Đạo và Tây Ninh, quý vị nên về họp với đạo hữu của mình, thảo luận xem có nên tham gia vào Hội Thánh Duy Nhất, thống nhất danh xưng là Thánh thất của Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ không? Điều này do quý vị và đạo hữu của hai Thánh thất tự quyết định. Đây chỉ là gợi ý của cá nhân tôi, không ép buộc gì cả. Từ nay đến trước tết dương lịch xin cho biết ý kiến.”

Anh Cả cũng nói thêm: “Các vị chức sắc của đạo tập kết ra Bắc có: Đầu sư Nguyễn Hiền Ngô; Phối sư Nguyễn Văn Khoan; Thượng Giáo sư Nguyễn Văn Khâm, Phó Chưởng Quản Cứu Trùng Đài Hội Thánh Duy nhất; Giáo sư Hoàng Minh Viên. Trước mắt, tôi xin cử Đầu sư Nguyễn Hiền Ngô trực tiếp cùng làm việc với họ đạo Thánh thất Thăng Long. Phối sư Nguyễn Văn Khoan cùng làm việc trực tiếp với họ đạo Thánh thất Hà Nội. Ban cai quản và họ Đạo của mỗi Thánh thất họp bốn đạo bàn bạc cùng nhau có thống nhất tùng theo sự lãnh đạo của Hội Thánh Duy Nhất hay không.”

Sau khi hai Thánh thất Hà nội và Thăng Long cùng xin đứng

vào hàng ngũ của Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ngày 01/01/1955 (08/12 Giáp Ngọ), tại Thánh thất Hà Nội (48 phố Hòa Mã, quận Hai Bà Trưng, thủ đô Hà Nội), Anh Cả Cao Triều Phát tổ chức Hội nghị thống nhất nền đạo ở miền Bắc, chính thức giới thiệu đạo Cao Đài với danh xưng Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ với chính quyền và nhân dân thủ đô. Tín đồ Cao Đài được hưởng quyền tự do tín ngưỡng trong khuôn khổ hiến pháp quy định. Người tín hữu Cao Đài ở miền Bắc có đại diện chính thức của mình trong Quốc Hội và Mặt Trận Dân Tộc Thống Nhất.

Ngày 06/02/1955 (14/01 Ất Mùi), dưới danh xưng Hội Thánh Duy Nhất Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Anh Cả Cao Triều Phát ra Đạo lệnh số 02 như sau:

ĐẠO LỆNH

HỘI THÁNH DUY NHẤT ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Cao Đài cứu quốc 12 phái thống nhất)

Chiếu y Tân luật và Pháp chánh truyền của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Xét vì đại hội nhơn sanh mười hai phái đạo họp ngày 14/10/1948 ở Đồng Tháp Mười đã bầu lên Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất để đảm nhận những quyền tối cao của vị Giáo Tông quy định trong Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ,

Xét vì Thượng Hội dưới quyền chủ tọa của Chương Quản Cửu Trùng Đài Hội Thánh Duy Nhất có thẩm quyền phong thưởng chức sắc cho mười hai phái Đạo trong hàng ngũ Cao Đài

Cứu Quốc đã giữ vững chơn truyền của Đại Đạo và đã tham gia cứu nước và kiến thiết nước nhà,

Chiếu y chương trình hành đạo được Khoáng đại Hội nghị Cao Đài Cứu Quốc Nam Bộ thông qua ngày 14/10/1948,

RA ĐẠO LỊNH

Điều thứ Nhất:

a. Hiền hữu Đầu họ Đạo, hiền hữu Chánh hội trưởng Ban cai quản Thánh thất Trung ương Hà Nội thuộc phái Ban Chính Đạo và các Ban trị sự trực thuộc,

b. Hiền hữu Đầu tộc Đạo, hiền hữu Chánh hội trưởng Ban cai quản Thánh thất Thăng Long thuộc phái Tòa thánh Tây Ninh và các Ban trị sự trực thuộc,

Đoàn kết hợp tác với nhau đi các nơi củng cố hàng ngũ tín đồ, trấn tĩnh tinh thần bốn đạo ở Thủ đô và các tỉnh.

Điều thứ hai:

Quý vị Thượng Pho Thanh và Thái Thái Thanh, mỗi người tùy theo phận sự, chiếu Đạo lệnh thi hành.

Thủ đô Hà Nội, ngày 14 tháng Giêng âm lịch năm Ất Mùi, 06/02/1955.

ANH CẢ

CHƯƠNG QUẢN CỨU TRÙNG ĐÀI

HỘI THÁNH DUY NHỨT ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

(Cao Đài Cứu Quốc 12 phái thống nhất)

CAO TRIỀU PHÁT

(Chữ ký và con dấu)

Tiếp theo là Anh Cả cùng quý chức sắc miền Nam vừa tập kết ra Bắc, đi thăm hỏi bốn đạo ở các nơi như Hải Phòng, Quảng Ninh, Cẩm Phả, Tây Tựu, Đặng Giang, Phúc Đức. Sự tiếp xúc giữa những người đồng đạo của hai miền thân thiện và cởi mở, trong tình đồng đạo, đồng Thầy.

Được sự hướng dẫn tận tình về đường hướng hành đạo, sự mở đường dẫn lối của các vị hướng đạo miền Nam, các đạo hữu miền Bắc rất vui mừng, gạt bỏ mọi lo lắng ban đầu, tham gia công cuộc xây dựng đất nước, yên tâm hành đạo trong hoàn cảnh mới.

Một mùa xuân độc lập đến với nhân dân miền Bắc, đặc biệt đối với người tín hữu Cao Đài thực sự đón một mùa xuân với tinh thần đoàn kết, xây dựng và hành đạo, mùa xuân năm Ất Mùi đầy ý nghĩa.

thơ

Xuân hy vọng

HUYỀN NGA

Sân nhà ai mai vàng đang nở rộ
Lay nhẹ cành đùa với gió mơn man
Sáng còn sương khoe sắc đón xuân sang
Chúa xuân đến vạn vật tràn sức sống.
Cuộc vẫn xoay tiết trời xuân lại đến
Để đổi thay mang lại sự bình yên
Cho cuộc đời tươi đẹp sắc tự nhiên
Cho quên hết những ưu phiền năm cũ.
Xuân mang đến niềm vui cho đời Hạ
Để vỗ về an ủi mảnh hồn đơn
Bỏ lại sau lưng buồn tủi giận hờn
Mùa xuân đến mang về bao tươi đẹp.
Hãy tin tưởng xuân là niềm hy vọng
Đời thường xuân hoa thắm sắc mai vàng
Lộc Trời ban là áo mới xuân sang
Cho vạn vật nhận ân lành Trời bố điển.

thơ

Dứt nghiệp trần

MINH NGUYỆT

Nhân loại thầy là con Thượng Đế
Nguyện ơn Thầy lấp bể đau thương
Cùng chung đi một con đường
Kỳ Ba cứu độ phục hườn căn xưa.
Nguyện lấy đức vun bồi âm chất
Đạo làm người cho thật chí chơn
Đường tu dù khó không sờn
Giữ gìn tâm hạnh, không còn trái oan
Duyên kiếp chót trần gian gặp đạo
Thì phải tu rốt ráo chẳng lơ
Công phu công quả đắp bồi
Đường tu gắng bước luân hồi lánh xa
Trả cho hết nợ trần nghiệp quả
Ra khỏi vòng nhân ngã đua tranh
Không còn lên xuống quần quanh
Non Bồng trở lại đắc thành quả ngời.

vọng cổ

Hạt giống Cao Đài

CHÍ THẬT

THƠ

*Chính mình Thầy đến chốn Nam bang,
Mượn đất đem gieo mỗi Đạo vàng,
Tưới nước vun phân Nho, Thích, Lão,
Nâng cành sửa lá Pháp hòa Tăng.¹*

LÝ CHIÊU CHIÊU

Đời còn đau khổ trong thiên miền, nên
Thầy đây,

1. Đức Chí Tôn, Thiên Lý Đàn, 14/01 Bình Ngô,
04/02/1966.

Quyết đem Đạo mầu cứu thế, cho sanh linh thức tỉnh tâm hồn.

Bao khó khăn ban đầu, cũng đều âm thầm vượt qua, xương minh hai tiếng Cao Đài.

VỌNG CỔ

1. Thấy là Chúa Tế Càn Khôn sanh tạo muôn loài vạn vật, dinh hư tiêu trường đều nằm trong định luật của Đấng... Cha... Trời.

Vũ trụ mênh mông không đổi không dời.

Cai quản Tam thập lục thiên, Tam thiên thế giới; Thất thập nhị địa cầu Tứ đại bộ châu.

Quyền năng vô hạn vô biên bất khả tư nghì, đó là sự nhiệm mầu của Thầy định sẵn.

Buổi Hạ ngươn Thầy đến Việt Nam khai Đạo, kêu gọi toàn linh hồi đầu thức tỉnh.

THƠ

Phật Trời, Trời Phật cũng là Ta,

Nhánh nhóc chia ba cũng một Già,

Thích, Đạo, Gia Tô tay chường quản,

Thương dân xuống thế độ lần ba.

2. Thấy đã nhiều phen xuống thế, cất tiếng còi linh

thúc giục cả nhân loài.

Giác ngộ tâm tu bóng xế non Đoài.

Dụng tiểu quốc để khai hội Niết Bàn, ban truyền chánh Đạo tại Thánh địa Nam bang.

Hướng dẫn toàn thể sanh linh sớm tỉnh tu, để về cõi trường tồn chánh giác.

Lắm hồi Bồ Tát Ma Ha, bao lần Khổng – Mạnh cũng Già này đây.

THƠ

CAO rộng lòng thương cả chúng sinh,

ĐÀI nguyên sinh tạo ở thân mình,

GIÁO đời hỗn độn ra bình trị,

CHỦ ngự lòng phàm hết lệch chênh.²

VỌNG CỔ

5. Từ nơi Linh Tiêu Điện giáng điển quang hạ trần giáo Đạo, dụng huyền cơ diệu bút gieo hạt giống... Cao... Đài. Sinh trường thương yêu dưỡng dục bảo tồn.

Ngày khai Đạo với nhiều thử thách, Thầy luôn đóng vai trò của một người Cha.

2. Thánh Huấn Hiệp Tuyển, quyển 2, trang 145.

Cao Đài là cái đài cao, vượt lên tất cả đốn rào ngăn che.
Tình Tạo Hóa, Đức Háo Sanh bao trùm vạn vật; cứu
vớt quần linh thoát cảnh luân hồi.

LÝ SÂM THƯƠNG

Cha hỡi Cha kính yêu, vì con nên lâm phạm tá thế.
Cho giống dân Nam bang, Đài Cao hồng dương
khắp nơi.
Lòng hòa lòng thiên nhiên, tình thương chung xá ân
Tam kỳ.
Ngày Cao Đài rạng danh, lòng chúng con thiết tha
mong chờ.

(TRỞ VỀ VỌNG CỔ)

6. Thầy sắp cuộc dinh hoàn tái tạo, dụng huyền linh Đại
Đạo vận hành.

*Trước xây đắp Cao Đài thánh đức,
Dụng Nam bang làm mức phóng khai,
Dân Nam sứ mạng Cao Đài,
Năm châu bốn bể hòa hài từ đây.³*

3. Đức Chí Tôn, Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý, 15/02 Quý Hợi,
29/3/1983.

vọng cổ

Kiếp phù sinh

CHÍ THẬT

THƠ

*Phù sinh bá tuế đa như mộng,
Thế cuộc nhứt trường khán tợ vô,
Dấn thân trong nẻo hoạn đồ,
Chim lông ai biết, cá hồ ai hay!¹*

LÝ CHIÊU CHIÊU

Đời người như chiếc lá vàng rơi, rơi về đâu?
Đắng cay muôn phần ai thấu,
Quanh năm sống trong phập phồng, tâm trí luôn
quay cuồng,
Chạnh lòng thương thế nhân, mau mau bước chân
quay về.

1. Đức Vô Cực Từ Tôn Diêu Trì Kim Mẫu, Trúc Lâm Thiền Điện,
06/01 Ất Tỵ, 07/02/1965.

VỌNG CỔ

1. Đời người trong kiếp sống tạm găm lại chỉ có mấy
mười năm ngắn ngủi, ta là khách phương xa còn nặng
nợ... dương... trần.

Thành bại hưng vong bĩ thời bao lần.

Kiếp con người như tằm trả nợ dâu, bao năm lao nhọc
biết phải về đâu.

Ngày đêm tối sáng sống ăn mặc ở, nghèo giàu thiếu đủ
xuôi ngược bôn ba.

Đầu xanh mấy lúc tóc đã điểm sương, tấm thân tứ đại
buộc ràng tứ khổ.

THƠ

Sanh phải vượt qua bao trọng trước,

Bệnh càng giam hãm tợ tù đày,

Lão lai tài tận khôn dò bước,

Tử hậu vô tri khó giải bày.²

2. Người đời mang lấy mảnh thân trần tục, mấy ai bá
niên miên viễn trường tồn.

Tiền tài danh lợi hành hạ tâm hồn.

Một kiếp làm người ước định trăm năm, ba vạn sáu
ngàn ngày khó ai hưởng trọn.

Ngày tháng thoi đưa mong cầu ước vọng, lo nghĩ vui
buồn hờn giận ghét ganh.

Nếu ta chẳng biết tìm cơ giải thoát, vô thường đến
cửa phải hẹn sao đây?

THƠ

*Nếu sớm biết tu trì hạnh đạo,
Chẳng muộn màng cõi thảo nghiệp duyên,
Dầu đời đang lúc đảo điên,
Chính mình thoát khổ dạy truyền người sau.³*

VỌNG CỔ

5. Là một nhơn sanh sống nơi cõi thế với cuộc đời đổi
thay dâu bể, tu mau kẻo trễ, công trình công quả bốn

2. Đức Như Ý Đạo Toàn Chơn Nhơn, Ngọc Minh Đài, 01/12 Bính
Ngọ, 11/01/1967.

3. Đức Đông Phương Chương Quán, Minh Lý Thánh Hội, 26/9
Mậu Thân, 16/11/1968.

buổi công phu khuya sớm... trưa... chiều.
Hạnh người tu trong giới luật quy điều.
Kiếp phù sinh như hoa trôi mây nổi, sương rơi lác
lõng đời đổi nay mai.
Nỗi cộng nghiệp chung thương đời diễn biến, quy luật
tuần hườn luân chuyển lại qua.
Thức tỉnh ai ơi trong cảnh trời tà, mau chân quày gót
thoát ra vòng trần.
Lý tương phùng
Tuy thân ở cõi ta bà,
Tâm linh trong lành thoát ra trầm luân,
Nguyên Thần về nơi thanh khiết,
Lánh xa dương trần hồn linh tiến hóa thăng hoa,
Tháng năm thanh nhàn lòng không có gì vương vấn,
Chốn nơi Thiên Đình cùng nhau sống đời thông dong.

(TRỞ VỀ VỌNG CỔ)

6. Vào đạo lo tu thanh lọc tánh tình, đoạn trừ nghiệp
quả bốn linh phục hồi.

*Trời Nam mở cửa đón bình minh,
Nhơn loại đua chen thoát mộng huỳnh,
Cắt bước lên đường về lối cũ,
Thoát vòng ô trược kiếp phù sinh.⁴*

4. Đức Cao Triều Phát, Thánh thất Bình Hòa, 26/12 Đình Mùi,
25/01/1968.

Năm Dậu nói chuyện gà

DIỆU THUẬN

Trong 12 con giáp, gà là con vật gần gũi thân thiết nhất, không chỉ có mặt trong mọi khía cạnh đời sống của con người, mà còn đi sâu vào nhiều lĩnh vực đời sống tinh thần một cách lý thú.

Từ thời cổ đại, gà vốn được xem là một loài vật linh thiêng gắn chặt với nhiều hệ thống tín ngưỡng và thờ cúng tôn giáo với tư cách là lễ vật (vật hiến tế hay vật tế thần). Gà còn đóng một vai trò rất quan trọng trong cuộc sống của con người ở vùng nông thôn với tiếng gà trống gáy được xem như là tiếng

đồng hồ báo thức vào buổi bình minh.

Ở Châu Âu: Hình ảnh những chú gà trống ưỡn ngực bệ vệ vốn đã được in một cách tinh xảo từ xa xưa trên các món đồ gốm sứ Châu Âu. Người Hy Lạp tin rằng nhờ sở hữu tính dũng cảm mà gà trống được cho là tượng trưng của Thần Ares, Heracles và Athena, ngay đến sư tử cũng sợ gà trống. Đối với người La Mã thì Gà trống rất có ý nghĩa về mặt tôn giáo. Họ cho rằng gà trống có mối liên kết với thần Mercury, người đưa tin của các vị thần, cũng là người chịu trách nhiệm đưa các linh hồn người chết về thế giới bên kia. Người Do Thái dùng gà hiến tế trong một nghi thức gọi là kapparos vào buổi chiều trước ngày Yom Kippur (Ngày sám hối linh thiêng). Nghi lễ hiến tế này mang ý nghĩa rằng động vật đó sẽ mang đi mọi tội lỗi của người làm lễ. Sách Talmud có nói đến việc học hỏi “tính lịch thiệp đối với bạn đời” từ gà trống (Eruvin 100b), khi gà trống tìm thấy thứ gì ăn được, nó sẽ gọi các gà mái đến ăn trước. Sách Talmud viết: “Giả sử nếu chúng ta không có kinh Torah thì chúng ta sẽ học sự nhu mì từ mèo, sự cần cù lao động lương

thiện từ kiến, sự trinh bạch từ bỏ cầu và sự lịch thiệp từ gà trống.”
(Jonathan ben Nappaha. Talmud: Erubin 100b)

Trong Kinh Tân Ước, Chúa Giê-Su đã tiên đoán sự phản bội của Thánh Phê-rô: “*Thầy bảo thật anh, nội đêm nay, gà chưa kịp gáy, thì anh đã chối thầy ba lần.*”² Lời tiên tri đó đã trở thành sự thật.² Và trong các Phúc âm Matheu, Phúc âm Máccô và Phúc âm Luca của Tân Ước đều đề cập chuyện gà trống đóng vai trò là hiện thân của Giê-Su. Vào thế kỷ thứ 6, Giáo hoàng Grêgôriô I tuyên bố gà trống là biểu tượng của Kitô giáo. Đến thế kỷ thứ 9, Giáo Hoàng Nicôla 1 ra lệnh đặt hình gà trống lên tất cả các gác chuông nhà thờ. Chúa Giê-Su đã dùng hình ảnh con gà mái mẹ khi nói về Jesusalem: “*Hỡi Jesusalem, Jesusalem, người giết các Đấng tiên tri và ném đá những kẻ chịu sau đến cùng người, bao nhiêu lần ta muốn nhóm họp các con người như gà mái túc con mình lại ấm áp trong cánh, mà các người chẳng hững.*”³

Trong rất nhiều truyện cổ tích Trung Âu, người ta tin quỷ dữ sẽ chạy trốn khi nghe tiếng gáy đầu tiên của gà trống báo hiệu bình minh. Ở Pháp, con gà Gô-loa là biểu tượng của nước Pháp.

Ở các nước châu Á, hình ảnh chú gà trống thường hiện diện rất nhiều trong các vật dụng, tác phẩm văn hóa, vì từ thời cổ đại, trong tín ngưỡng tôn giáo của con người, gà trống đã vô

1. Lc 22:34.

2. Lc 22:61.

3. Mt 23:37; Lc 13:34.

cùng linh thiêng. Tại Indonesia, gà mang ý nghĩa hết sức quan trọng trong nghi lễ hỏa táng của đạo Hindu, được xem như là đường nối cho linh hồn xấu xa. Trong buổi lễ, gà bị chặt chân để bảo đảm rằng mọi linh hồn xấu xuất hiện trong buổi lễ sẽ nhập vào gà thay vì nhập vào các thành viên trong gia đình người chết. Sau lễ, người ta mang gà về nhà và nó lại tiếp tục cuộc sống bình thường. Cũng ở trong quốc gia này, người ta thường giết gà Ayam Cemani để cúng tổ tiên, thần thánh trong lúc người phụ nữ lâm bồn, bởi vì họ tin rằng may mắn sẽ tới. Ayam Cemani còn được hiến tế vào một số dịp khác. Tiếng gáy của Ayam Cemani cũng được cho là đem lại thịnh vượng.

Còn theo tín ngưỡng dân gian Trung Quốc thì gà là món dành riêng để kính dâng lên tổ tiên và thờ cúng Thành hoàng. Trong tiếng Hán, đại kê (gà trống) gần âm với chữ đại cát. Và đây cũng là nội dung của một quẻ bói tốt nhất cho công việc hoặc tương lai của con người được sử dụng trong tranh thay cho lời chúc lành mà người ta gửi đến nhau trong ngày xuân. Rắn thần được xem là nở ra từ trứng gà trống và sẽ chết đi khi nghe tiếng kêu của gà trống.

Ở Việt Nam, gà được xem là một trong những dấu tích của văn minh và văn hóa nông nghiệp. Trên trống đồng Đông Sơn có nhiều hình gà và chim. Có truyền thuyết về vua An Dương Vương Thục Phán cố công xây thành nhưng đắp đến đâu thì đất lở đến đấy, Rùa thần báo cho nhà vua biết ở núi Thất Diệu có một con gà trắng sống đến ngàn năm rồi hóa thành yêu tinh ẩn trong núi, nếu diệt được nó thì việc xây thành sẽ thành công. Sau khi An Dương Vương giết được con gà trắng thì xây được thành.

Trước đây trong truyền thuyết Sơn Tinh – Thủy Tinh, gà cũng là một trong ba lễ vật thách cưới của Vua Hùng để gả con gái của mình là My Nương gồm: Voi chín ngà, gà chín cựa, ngựa chín hồng mao.

TRONG VÕ THUẬT

Vào thời Tây Sơn, tương truyền Nguyễn Lữ là người đã sáng tạo ra môn võ Hùng Kê Quyền (quyền gà chọi) hay Hồng Kê Quyền. Đây là bài quyền mô phỏng các kỹ thuật của gà chọi, một trong 10 bài danh võ được Liên đoàn võ thuật cổ truyền Việt Nam lựa chọn qua các kỳ hội nghị chuyên môn toàn quốc. Đặc trưng của bài quyền là những động tác dũng mãnh của con gà chọi nhỏ bé mà nhanh nhạy trước đối thủ.

TRONG TRANH VẼ

Đặc biệt, gà đi vào hội họa Việt Nam với những bức tranh gà sinh động của dòng nghệ thuật tranh Đông Hồ tiêu biểu cho sức sống của dân tộc trong nền văn hóa nông nghiệp đã được Tú Xương, một nhà thơ trào phúng nổi tiếng của nước ta, mô tả cảnh Tết dân tộc trong bài thơ “Xuân”: “Đi đệt ngoài sân trảng pháo chuột/Om sòm trên vách bức tranh gà” cho thấy pháo chuột và tranh gà, là những đặc trưng không thể thiếu được của người Việt Nam trước đây trong dịp Tết.

Hình ảnh những chú lợn ủn ỉn, những con gà cục tác trong

tranh Đông Hồ là nét chấm phá về làng quê Việt Nam an bình, với những triết lý sống nhân bản, thiên nhiên. Trong bức tranh “Con gà trống gáy sáng”, chú gà trống oai vệ với chân trái dựa nhẹ bên khóm trúc, chân phải đặt lên mỏm đá mấp mô, toàn thân như đang vươn lên phía trước, đầu ngẩng cao, mắt mở to, ức ưỡn ra, đuôi xòe rộng. Đó là lúc gà đang chuẩn bị cất tiếng gáy chào buổi bình minh đẹp nắng. Hoặc trong bức tranh “Gà mẹ gà con” hay “Đàn gà” với nhiều cách diễn tả khác nhau, ngoài ý nghĩa tượng trưng cho sự giàu có, no đủ, nó còn toát ra một “mối tình mẫu tử” thiêng liêng, một sự đoàn tụ sum vầy của gia đình gà, được xem là một trong những loại tranh gà đẹp nhất còn giữ lại cho đến nay.

Với bức tranh “Em bé ôm gà” (dân gian gọi là bức “Vinh hoa”), vừa thể hiện cái khỏe cái mạnh của em bé khiến cho chú gà cảm thấy hoàn toàn bất lực trước sức mạnh và sự điềm tĩnh chủ động của em bé, tạo nên một nội dung mang ý nghĩa tâm lý, có kịch tính. Gà “thư hùng” là hình ảnh chú gà trống và cô gà mái cùng bầy gà con chiu chít quanh bên mẹ. Biểu trưng cho sự hạnh phúc đoàn tụ: Hợp gia đại cát.

Do gà gáy báo sáng, hàm ý nghĩa xua tan đêm tối nên người ta xác tín gà có công năng xua đuổi ma quỷ (những loại vốn lấy đêm làm ngày). Vì vậy, tranh gà còn được coi là một thứ bùa treo trước nhà để trừ tà. Việc dùng tranh gà vào dịp Tết, ngoài việc cầu mong điều tốt lành (cát, đại cát) vốn được bắt nguồn từ một quan niệm truyền thống cho rằng ngày mồng 1 là ngày sinh ra gà (mồng 2 sinh chó, mồng 3 sinh lợn, mồng 4 sinh dê, mồng 5 sinh trâu... mồng 9 sinh trời, mồng 10 sinh đất) nên đầu năm tết,

người ta hay treo những bức tranh gà: “Ngũ tử đăng khoa”, “Giáo tử thành long”, “Vọng tử thành long”, “Nhất phẩm đương triều” là những tên đặt cho hình ảnh chú gà trống cất cao cổ gáy, xung quanh là 5 con gà con, ngụ ý gà trống đang dạy con.

TRONG PHONG THỦY

Theo quan niệm dân gian, gà mang đủ năm đức tính tốt của người quân tử: Văn (mào đỏ tựa như mũ cánh chuông của quan văn) – Võ (cựa gà bén nhọn như gươm – vũ khí để đấu chọi) – Dũng (gặp đối thủ đấu chọi không sợ, quyết giành thắng thua) – Nhân (có cái ăn gọi nhau cùng hưởng nên kiếm ăn theo đàn, cùng với đồng loại) – Tín (gáy báo giờ chính xác, không ngày nào quên). Phải chăng chính vì vậy mà gà trở nên là biểu tượng tốt trong phong thủy.

Theo Ngũ hành âm dương thì Gà (Dậu ở hướng Tây) thuộc hành Kim nên thích hợp đặt ở hướng Tây của ngôi nhà. Nếu đặt hình tượng gỗ gà trống ở hướng nam thì có tác dụng thu hút may mắn.

Đặc điểm nổi bật nhất của Gà trống theo phong thủy đó là có thể giải trừ các thế sát cho ngôi nhà, đặc biệt là “đào hoa sát”. Nếu đặt gà trống trong phòng khách nhìn thẳng ra trước cửa nhà có thể ngăn chặn được sự không chung thủy của người bạn đời. Khi chồng hoặc vợ đã có tình cảm với người khác ở bên ngoài, thì nên đặt một cặp gà trống bên trong tủ quần áo của chồng hoặc vợ, mỗi góc tủ một con để hóa giải.

Trong phòng ăn ở các gia đình thường có nhiều ống dẫn khí

tròn dài, hình ảnh này liên hệ gắn với hình dạng của loài rắn nên không tốt. Nên bày tượng gà trống ở đây vì gà có thể trị được rắn và ngăn chặn được những năng lượng xấu từ ống thoát khí.

Gà trống có tư thế vương giả nên hỗ trợ rất tốt cho các nhà lãnh đạo, việc đặt một tượng gỗ gà trống trong nhà còn giúp bảo vệ cho cá nhân tránh bị tiểu nhân nói xấu sau lưng. Trong công việc kinh doanh nên đặt một tượng gà trống quay mặt về các dãy phòng làm việc để tránh những bất đồng ý kiến và thúc đẩy kinh doanh phát triển.

TRONG NGÔN NGỮ DÂN GIAN VÀ TRONG VĂN THƠ VIỆT NAM

Gà găng gũ và găng bó mật thiết trong cuộc sống hằng ngày của người dân Việt, được coi là tiêu biểu cho tinh thần lao động, cần cù, vì gà chính là chiếc đồng hồ báo thức của nhà nông. Từ canh ba gà đã đập cánh gáy vang, không bao giờ sai chạy. Với đặc tính của loài, Gà là loài ngủ sớm và thức dậy sớm. Gà trống báo sáng theo quy luật và rất chuẩn xác, “đĩ kê vi hậu” người xưa dùng gà để đo lường thời gian (gà gáy vào ban đêm thường bắt đầu vào khoảng 11–12h đêm và cách nhau khoảng 2 tiếng đồng hồ sẽ gáy một lần, từ đó người ta căn theo số lần gà gáy để tính thời gian). Người xưa cũng quan niệm tiếng gà trống gáy sáng còn giúp xua đuổi ma quỷ bằng việc báo hiệu bình minh đang lên.

Vì vậy, Gà cũng là một biểu tượng đặc biệt về thời gian khi mà ngày xưa người ta còn tính thời gian bằng cách đếm năm canh,

ngày sáu khắc; lúc mà chiếc đồng hồ vẫn còn xa lạ với dân gian:

“Gió đưa cành trúc la đà

Tiếng chuông Thiên Mụ canh gà Thọ Xương.”

Và tiếng gà gáy trong thơ văn đã đi vào tâm thức con người như những thao thức trăn trở về sự vui buồn, chìm nổi của phận người, mà Nguyễn Du tả trong Truyện Kiều:

“Những là đo đản ngược xuôi

Tiếng gà nghe gáy đã sôi⁴ mái tường

Lâu mai giữa lúc còi sương

Mã Sinh giục giã vội vàng ra đi.”

Có thể nói con gà, đặc biệt là tiếng gà gáy là những hình ảnh và âm thanh thân thương quen thuộc ở nông thôn, làng xóm Việt Nam như “chó giữ nhà, gà gáy trống canh”. Chính vì vậy, rất dễ tìm thấy hình ảnh con gà và tiếng gà gáy trong nhiều câu thành ngữ, tục ngữ liên quan cuộc sống con người. Chẳng hạn như để chỉ một người đàn ông góa vợ, phải chăm lo cho con, thì người ta gọi là “gà trống nuôi con.”

Để chỉ một người thiếu hiểu biết trong một lãnh vực nào đó, thì người ta thường nói: “Ngây ngô như gà mờ, lờ mờ như đom đóm đục”.

Để ám chỉ khi cha mẹ (hoặc xếp) đi vắng thì con cái (hay nhân viên) tha hồ làm gì thì làm, người ta thường nói: “Vắng chủ nhà, gà vọc niêu tôm”.

4. Gáy sôi: Gáy âm ỹ, rộn dập. Chữ “sôi” có hàm ý giục giã.

Để chỉ người đàn bà chanh chua đánh đá, hay ăn hiếp chồng, người ta nói: “Nữ kê tác quái, gà mái đá gà cồ”.

Để khuyên con người tránh cảnh nổi da xáo thịt, huynh đệ tương tàn, dân gian đã có lời khuyên: “Khôn ngoan đối đáp người ngoài, gà cùng một mẹ chớ hoài đá nhau.”

Để ám chỉ những người độc ác, nham hiểm làm hại những người thân yêu của mình; những người phản bội đồng bào, đưa giặc vào giày xéo quê hương đất nước Tổ quốc thân yêu của mình, là hành động mà muôn đời đều nguyên rủa, người ta nói: “Công rắn cắn gà nhà”.

Caο quý nhất ở gà là sự thể hiện bản năng thiên chức nuôi con của người mẹ:

“Con rắn không chân đi năm rừng bảy rú,
Con gà không vú nuôi đủ bấy con.”

Và cũng từ đó, gà đã tô đậm tình mẫu tử vô bờ, vì thương con, người mẹ không quản hiểm nguy qua hình ảnh gà mẹ giương cánh sẵn sàng đương đầu chiến đấu với bầy diều hâu hung dữ để chở che cho đàn gà con nhỏ bé. Nhưng đồng thời công lao mẹ gà thay vịt áp con lại bị người đời gán ghép cho tình cảm mâu thuẫn muôn đời giữa dì ghẻ với con chồng:

“Mẹ gà con vịt chít chiu,
Mấy đời mẹ ghẻ thương yêu con chồng”

TRONG THƠ VĂN CỦA NƯỚC NGOÀI

Gà không chỉ được thể hiện trong ngôn ngữ Việt Nam qua các

câu ca dao, tục ngữ, thành ngữ, văn thơ mà nó còn được thể hiện trong ngôn ngữ dân gian Pháp như: để chỉ hình ảnh kiêu kỳ, uy nghi của một chú gà trống, ngôn ngữ dân gian Pháp có nói: Fier comme un coq (Kiêu hãnh như con gà trống). Người nông dân Pháp cũng quan niệm rằng gà trống là vua trong sân gia cầm (Roi de la basse-cour) nên từ đó có lối nói ẩn dụ: Être le coq du village (Là nhân vật quan trọng của làng).

Trong tiếng Anh cũng có một số thành ngữ về gà như:

1. Có nhiều khi chúng ta tự hỏi quả trứng có trước hay con gà có trước? Và có khi chúng ta rơi vào một tình huống phân vân, lưỡng lự để lựa chọn 2 việc có liên quan mật thiết với nhau. Đó chính là tình huống con gà và quả trứng. (Chicken and egg situation).

Ví dụ: I do not know if I should buy a new computer so I can make some money with it or make some money first and then buy a new computer. It is a “chicken and egg situation.”

(Tôi không biết là nên mua máy tính mới để có thể kiếm tiền hay kiếm tiền trước rồi mới mua máy tính. Thật là tiến thoái lưỡng nan!)

2. Hay khi nói về luật nhân quả: Nếu ta biết sống tốt và giúp đỡ mọi người, nhiều người sẽ giúp bạn và ngược lại nếu bạn làm điều gì đó không tốt, nói lời không tốt; rất nhiều thứ không tốt sẽ đến với bạn. Đúng là gieo nhân nào gặt quả nấy, thì tiếng Anh có thành ngữ “Chickens come home to roost”.

Ví dụ: The man is always unkind to other people. However, his “chickens have come home to roost” and people are now very unkind to him.

(Ông ta chẳng bao giờ tử tế với người khác. Tuy nhiên, gieo nhân nào gặt quả nấy, bây giờ chẳng ai tử tế với ông ta).

Tóm lại, gà là hình ảnh gắn liền với văn hóa, thực sự giữ một vai trò nhất định trong đời sống vật chất và tinh thần của con người.

TƯ LIỆU THAM KHẢO

1. Hình tượng con gà trong văn hóa – Wikipedia tiếng Việt.
2. Hình ảnh gà trống trong văn hóa dân gian Việt Nam – www.tranhtheu.com
3. Hình ảnh gà trống trong văn hóa dân gian Việt Nam – Mantico.hatvan.vn
4. Hình tượng con gà trong tranh thêu Việt Nam – Tranh thêu chữ thập; Tranhtheuchuthap.vn
5. Ý nghĩa câu thành ngữ “mèo mả gà đồng”
6. Write8.blogspot.com
7. Công rắn cắn gà nhà, www.sachhayonline.com
8. Ý nghĩa thành ngữ bút sa gà chết có nghĩa là gì? www.chiasequandiem.com.
9. Thụy Nguyên (phỏng theo tài liệu của Liễu Thy và Lê Đình Ky)
10. Gà trong tục ngữ, ca dao. (Tuệ Chương Hoàng Long Hải).
11. Thử tìm bóng dáng con gà trong ngôn ngữ dân gian và trong thơ văn Việt Nam.
12. Hình tượng con gà trống trong văn hóa nghệ thuật – hoianuong.vn
13. Bức tranh gà dân gian – Báo Bình Định.
14. Ý nghĩa của những bức tranh Đồng Hồ – vnbamboo.com
15. Ý nghĩa Gà trống trong phong thủy – Tượng gỗ Hưng Thịnh.
16. Hình ảnh gà trong văn hóa – www.thuvienhaiphu.com.vn.
17. Năm Dậu, nói chuyện gà trong thành ngữ, tục ngữ – <https://nguvandhap.wordpress.com>.



Bí đỏ đặc biệt là loại rau quả không thể thiếu trong thực đơn dành riêng cho các sĩ tử. Bởi, tuy giá thành rất rẻ lại dễ tìm nhưng hàm lượng chất dinh dưỡng cũng như khoáng chất trong bí đỏ lại nhiều vô kể.

CHỨA NHIỀU CHẤT BỔ

Sở dĩ bí đỏ được truyền tụng như một loại thức ăn bổ não vì trong bí đỏ có chứa chất cần thiết cho hoạt động của não bộ, là acid glutami. Chất này đóng vai trò quan trọng trong bồi dưỡng thần kinh, trợ giúp các phản ứng chuyển hóa ở các tế bào thần kinh và não. Vì thế, bí đỏ được coi là món ăn bổ não, trị suy nhược thần kinh, trẻ em chậm phát triển về trí óc. Đặc biệt, ở những quả mà

dinh dưỡng

Bí đỏ (Bí rợ) chứa nhiều chất bổ

DIỆU THUẬN TRÍCH BÁO

trong ruột màu vàng càng sậm thì càng chứa nhiều caroten rất tốt cho mắt cũng như hệ tiêu hóa của trẻ.

Bên cạnh đó, bí đỏ còn được người Nhật ví như một trong những món không thể thiếu giúp kéo dài tuổi thọ. Vì, ngoài tỉ lệ chất xơ, chất sắt khá cao, bí đỏ còn cung cấp các loại vitamin cần thiết cho cơ thể như: A, C, E... và chứa nhiều hạt giàu vi chất khác như: axit folic, kali, magiê, đồng, photpho, kẽm... Chúng không chỉ cung cấp cho cơ thể một lượng chất phong phú mà còn giúp hệ miễn dịch hoạt động tốt hơn đồng thời tăng cường các hoạt động của mắt (nhất là bệnh quáng gà), trí não.

Ngoài ra, từ lâu người ta đã biết dùng hạt bí đỏ rang như một món ăn chơi bên cạnh hạt dưa, hạt hướng dương nhưng không hẳn ai cũng biết đây còn là một chất tẩy giun sán. Theo một số



nghiên cứu đã công bố thì trong hạt có chứa nhiều vitamin, chất khoáng cùng những amino acid cần thiết như alanin, glycin, glutamin... giúp giảm bớt phần nào các triệu chứng của bệnh phổi đại tuyền tiền liệt.

Chính vì thế người ta đã lấy hạt bí đỏ để chế tạo một loại dầu chứa nhiều carotenoid (beta-caroten, alpha-caroten, zéaxanthine, lutein) những chất chống oxy hoá mạnh giúp phòng ngừa các bệnh liên quan đến lão suy như đục thủy tinh thể, các bệnh tim mạch và một số loại ung thư. Và quan trọng hơn, bí đỏ rất tốt cho những ai sợ bệnh béo phì vì không có chất béo và 100 gam bí đỏ chỉ cung cấp khoảng 16 calories. Những ai bị táo bón cũng có thể xem bí đỏ như một món ăn dân dã trị bệnh được.

CHẤT CHỐNG OXY HOÁ TỰ NHIÊN

Không chỉ chứa nhiều chất dinh dưỡng, bí đỏ còn là một loại quả được phái đẹp lựa chọn để dưỡng da, chống lão hoá và ngăn ngừa những nếp nhăn mới. Nguồn vitamin A, E vừa giúp mắt sáng hơn vừa là chất chống oxy hoá tự nhiên rất tốt cho da (nhất là da nhờn) mà chi phí lại chẳng đáng bao nhiêu. Làm mặt nạ từ củi bí đỏ giã nát hoặc bôi nước ép lên mặt cũng có tác dụng bổ dưỡng và làm tươi mới đối với da. Đồng thời, mặt nạ từ hạt bí đỏ nấu rồi xay nhỏ cũng giúp làm trắng da, loại bỏ tàn nhang và cải thiện da mặt.

Bên cạnh đó, các nhà khoa học Nhật Bản, Trung Quốc còn phát hiện ra tác dụng phòng chữa các căn bệnh của thời đại công nghiệp hiện nay như: căng thẳng thần kinh, đau đầu, ngừa bệnh tim mạch, xơ vữa động mạch, béo phì...

Quả thật, bên ngoài quả bí đỏ có vẻ xù xì không mấy hấp dẫn nhưng bên trong lại ẩn chứa nhiều chất dinh dưỡng và công dụng. Không những thế, một bà nội trợ khéo léo sẽ biết cách chế biến thật nhiều món để cân đối các loại rau quả trong bữa ăn và giúp mọi người không bị ngán.

THEO SỨC KHỎE & ĐỜI SỐNG

gia chánh

Bánh phở chiên giòn

BẠCH TUYẾT

NGUYÊN LIỆU (4 NGƯỜI ĂN)

- 1/2 kg bánh phở
- 1 cây bông cải xanh (nhỏ)
- 300 gr cải Ngồng hoặc cải Thì
- 1 trái ớt Đà Lạt đỏ (nhỏ)
- 10 cái nấm Hương
- 200 gr nấm Rơm lớn (dù)
- Bột nêm, 1 muỗng súp bột năng.
- 1 muỗng súp tỏi băm.
- Gò rí
- Nước tương, ớt

CÁCH LÀM

Bắc chảo chống dính lên bếp, cho 4 muỗng súp dầu tráng chảo cho đều, cho bánh phở từ từ vào, rải cho đều cho mỏng khắp mặt chảo chiên mau, khi đã thấy lớp dưới giòn, thì dùng sạn lật úp lớp trên xuống dưới lại để chiên, cho thêm ít dầu chung quanh chảo để bánh phở được giòn, hơi vàng, tắt lửa đem ra đĩa.

Cải Ngồng rửa sạch cắt khúc, ớt Đà Lạt cắt theo hình vuông, bông cải chẻ ra từng miếng, rửa sạch với nước muối pha loãng. Nấm Rơm, nấm Hương rửa sạch cắt đôi.

Bắc chảo lên bếp cho ít dầu và tỏi băm xào cho vàng thơm, cho nấm Hương, nấm Rơm, cho bông cải và cho 1 muỗng súp hạt nêm vào xào cho thấm, cho cải và ớt vào, kể cho 1 chén nước vào trộn đều, cho bột năng vào chén hòa tan với ít nước, đợi cải chín mềm cho bột vào trộn đều hơi sệt là được.

Cho bánh phở đã chiên ra đĩa, múc hỗn hợp rau nấm vừa xào lên trên, cho ít ngò rí lên mặt cho đẹp. Ăn kèm với món này có nước tương, dấm đỏ và vài lát ớt.

gia chánh

Cách làm mứt gừng dẻo với đu đủ ngon tuyệt

THU LAN SƯU TẦM

NGUYÊN LIỆU

- 300 gr đu đủ non.
- 250 gr gừng.
- 400 gr đường.
- Nước cốt của 2 quả chanh.
- 20 gr muối biển.
- 50 gr đậu phộng rang chín, bóc vỏ.

CÁCH LÀM

BƯỚC 1

Gừng gọt vỏ, rửa sạch rồi cắt thành dạng sợi.

BƯỚC 2

Đu đủ non gọt vỏ, rửa sạch, cắt thành dạng sợi.

BƯỚC 3

Cho gừng đã cắt sợi vào 1 cái tô lớn, cho muối vào trộn đều rồi vắt bỏ bớt nước cay. Sau đó xả sạch lại bằng nước lạnh rồi vắt cho ráo nước. Làm tương tự với đu đủ non.

BƯỚC 4

Ướp gừng và đu đủ với đường và nước cốt chanh. Sau đó mang đi phơi nắng khoảng 15 phút cho đường tan hết và ngấm vào gừng, đu đủ.

BƯỚC 5

Cho hỗn hợp gừng, đu đủ và nước đường vào chảo, đặt lên bếp sên với lửa nhỏ, trộn đều tay để nước đường ngấm đều.

Khi thấy nước đường cạn và kéo sợi thì tắt bếp, cho thêm đậu phộng đã rang chín và bóc vỏ vào đảo đều cùng.

Đợi cho mát nguội hẳn thì cho vào lọ thủy tinh sạch để bảo quản và dùng dần.

Theo dòng đạo sự

17/9 BT (17/10/2016) Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo tham dự Hội thảo chuyên đề “Tác động của đạo Cao Đài đối với đời sống văn hóa, xã hội ở Việt Nam” do Vụ Cao Đài thuộc Ban Tôn Giáo Chính phủ tổ chức (hình 1) tại Thánh tịnh Ngọc Minh Đài, quận 4, TP.HCM, với 4 bài Tham luận:

- Nội tu và Ngoại tu của đạo Cao Đài. Vấn đề ứng dụng hiện nay của người tín hữu (ĐH Huệ Ý) (hình 2).

- Vai trò của Lễ nhạc trong nghi lễ Cao Đài (ĐH Đạt Tường)

- Đặc điểm của Văn hóa Cao Đài (ĐTỷ Hồng Phúc)

- Xu hướng hành đạo của đạo Cao Đài trong bối cảnh toàn cầu hóa, hội nhập quốc tế (ĐH Thiện Chí)

27/9 BT (27/10/2016) Phái đoàn Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo do đạo huynh Tổng Thư Ký Huệ Ý làm Trưởng đoàn dự Hội nghị Liên Tôn lần thứ 6 do Ban Mục Vụ Đối Thoại Liên Tôn Tổng Giáo phận TP.HCM tổ chức với chủ đề “Phúc cho người biết xót thương”. Đạo tỷ Hồng Phúc, Quyền Văn Hóa Vụ Trưởng Cơ Quan được mời phát biểu cảm tưởng.

10/10 BT (09/11/2016) Thánh tịnh Long Thành Cần Thơ tổ chức lễ kỷ niệm thành lập và Tri ân Chư vị Tiên Bối (hình 3).

13/10 BT (12/11/2016) Họ Đạo Từ Vân tổ chức lễ liên giao hằng năm và lễ Tưởng niệm Hòa Thượng Từ Vân. Đạo huynh Huệ Ý, Tổng Thư Ký Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý được mời phát biểu cảm tưởng.

14/10 BT (13/11/2016) Họ Đạo Từ Vân tổ chức lễ Tưởng niệm

THANH HIỂN

Cố Đạo Trưởng Huệ Lương Trần Văn Quế, nguyên Chủ Trưởng Hội Thánh Truyền Giáo Cao Đài, Tổng Lý Minh Đạo Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý Đại Đạo, Vĩnh Tịnh Sư Minh Lý Thánh Hội, đặc vị Quảng Đức Chơn Tiên (hình 4). Cùng ngày, Liên Hoa Cửu Cung Thiên Đạo Học Đường tổ chức lễ kỷ niệm thường niên.

18/10 BT (17/11/2016) Điện thờ Phật Mẫu Phước Thạnh Tự (Vĩnh Long) tổ chức lễ kỷ niệm 48 năm thành lập.

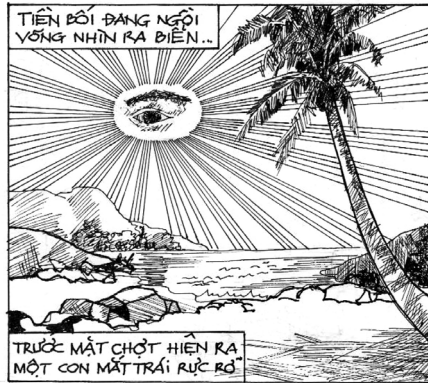
04/11 BT (02/12/2016) Họ Đạo Hiếu Phụng (Vĩnh Long) tổ chức lễ An Vị Thánh tượng Thiên Nhân.

10/11 BT (08/12/2016) Thánh tịnh Thanh Long Điện (Bến Tre) tổ chức lễ kỷ niệm 78 năm thành lập.

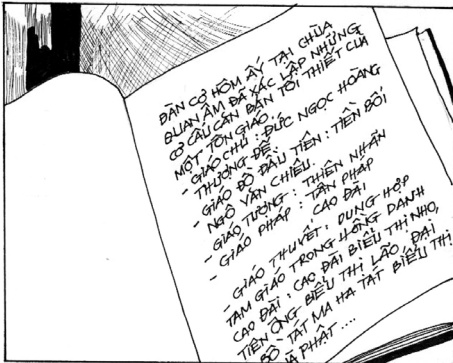


Ngài Ngô Văn Chiêu: Môn Đệ

LỜI: BỬU LONG • VẼ: CỌ TRẮNG



Đầu Tiên Của Cao Đài (Kỳ 5)



(CÒN TIẾP)

**PHƯƠNG DANH QUÝ HUYNH, TỶ, ĐỆ, MUỘI
CÔNG QUẢ ẨM TỔNG KINH SÁCH (TIẾP THEO)**

**Cơ Quan Phổ Thông Giáo Lý chân thành cảm tạ quý đạo hữu tiếp tục
hỗ trợ đạo sự Ân tống (kể từ 06/10/2016 đến 18/11/2016)**

1. ĐH Bùi Văn Đê	100.000đ
2. ĐTỷ Phạm Thị Thới	200.000đ
3. Tập Đoàn Dân Xuân	3.000.000đ
4. Gia đình Cố ĐH Đạt Truyền	4.000.000đ
5. ĐH Hồ Văn Hiến	200.000đ
6. ĐTỷ Phạm Thị Hoa NMD	200.000đ
7. ĐH Trần Văn Xom	700.000đ
8. ĐTỷ Phạm Thị Vân	200.000đ
9. ĐTỷ Mộng Châu	100.000đ
10. ĐH Minh Đức	150.000đ
11. ĐH Phạm Trung Quốc	100.000đ
12. ĐH Nguyễn Chí Thanh	100.000đ
13. ĐH Thiện Đức & RB David	1.000.000đ
14. ĐH Nguyễn Công Huy	200.000đ
15. ĐH Thanh Hiến	500.000đ
16. ĐH Lê Văn Võ	150.000đ
17. ĐH Cao Trần Hữu Trí	300.000đ
18. ĐH Huệ Quang	91.500đ
19. ĐH Cơ	160.000đ
20. ĐH Nguyễn Văn Cảnh – Định Quán	2.285.000đ
21. Cố ĐTỷ Thanh Vân	200.000đ
22. ĐTỷ Trần Tùng Kim Yến	500.000đ
TỔNG CỘNG:	14.436.500đ